CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC NALT

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của cơ sở
XƯỞNG SẢN XUẤT CÁC SẢN PHẨM MAY MẶC, CÔNG SUẤT 350.000 SẢN PHẨM/NĂM

Địa điểm: Số 315, tổ 14, ấp Tân Lập, xã An Điền, Thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Thị xã Bến Cát, tháng 09 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC NALT

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của cơ sở
XƯỞNG SẢN XUẤT CÁC SẢN PHẨM MAY MẶC, CÔNG SUẤT 350.000 SẢN PHẨM/NĂM

Địa điểm: Số 315, tổ 14, ấp Tân Lập, xã An Điền, Thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

CHỦ CƠ SỞ
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

M.S.D.N: 3700441693 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC NALT
TX. BẾN CÁT - T. BÌNH DƯƠNG

GIÁM ĐỐC
Phan Lê Diễm Trang

Thị xã Bến Cát, tháng 09 năm 2023

MỤC LỤC

MỤC LỤC 2
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT 4
DANH MỤC CÁC BẢNG, CÁC HÌNH VẼ 5
Chương I 7
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ 7
1.1. Tên chủ cơ sở 7
1.2. Tên cơ sở: 7
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở: 9
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở: 12
1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở: 14
Chương II 17
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, ... 17
KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG 17
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường: 17
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường: 17
Chương III 19
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP 19
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 19
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải 19
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải: 19
3.1.3. Xử lý nước thải: 20
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải: 26
3.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường: 27
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại: 28
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung: 28
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường: 29
Chương IV 33
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG 33
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải: 33
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải: 33
4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung 33
Chương V 34
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 34
5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải. 34
5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải. 34
Chương VI 36
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 36
6.1. Kế hoạch vận hành công trình xử lý chất thải. 36
6.1.1. Thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm. 36
6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải 36
6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật 37
6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ: 37
6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải: không có 37

6.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ , quan trắc môi trường tự động, liên tục khác 37
6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm:. 38
Chương VII 39
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA 39
VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ 39
Chương VIII 40
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ 40
PHỤ LỤC BÁO CÁO 41

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BOD	: Nhu cầu oxy sinh hóa
BTNMT	: Bộ Tài Nguyên & Môi Trường
COD	: Nhu cầu oxy hóa học
HTXLNT	: Hệ thống xử lý nước thải
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
QCVN	: Quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam
SS	: Chất rắn lơ lửng
TCVN	: Tiêu chuẩn Việt Nam
UBND	: Ủy ban nhân dân
UPSC	: Ứng phó sự cố

DANH MỤC CÁC BẢNG

Hình 1.1. Vị trí nhà máy Công ty Cổ phần may mặc Nalt 7
Bảng 1.1. Tọa độ vị trí của nhà máy Công ty may mặc Nalt 8
Bảng 1.2. Công suất sản phẩm tại Cơ sở trong 01 năm 9
Bảng 1.3. Danh mục nguyên nhiên vật liệu chính sử dụng tại Cơ sở/năm. 13
Bảng 1.4. Bảng tóm tắt nhu cầu sử dụng nước của Cơ sở 13
Bảng 1.5. Hạng mục công trình của cơ sở 14
Bảng 1.6. Danh mục máy móc thiết bị tại Cơ sở 16
Bảng 3.1. Các hạng mục công trình xây dựng của HTXL nước thải tập trung 22
Bảng 3.2. Các thiết bị lắp đặt của HTXL nước thải tập trung tại nhà máy 23
Bảng 3.3. Thánh phần, khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại Cơ sở/tháng. 27
Bảng 3.4. Thành phần, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại Cơ sở/năm 28
Bảng 5.1. Kết quả quan trắc chất lượng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải 34
Bảng 5.2. Kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí tại Cơ sở 35
Bảng 6.1. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải 36

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 1.1. Vị trí nhà máy Công ty Cổ phần may mặc Nalt 7
Hình 1.2. Quy trình sản xuất các sản phẩm hàng may mặc tại Cơ sở 10
Hình 1.3. Vải nguyên liệu 11
Hình 1.4. Xả vải và cắt 11
Hình 1.5. Công đoạn may 12
Hình 1.6. Công đoạn ủi 12
Hình 1.7. Công đoạn kiểm tra 12
Hình 1.8. Công đoạn xếp, đóng gói 12
Hình 3.1. Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước mưa của Cơ sở 19
Hình 3.2. Tuyến ống thoát nước thải và vị trí hố ga đấu nối nước thải của Cơ sở trên đường lộ 7A (ĐH 606) 20
Hình 3.3. Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn. 20
Hình 3.4. Quy trình công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt tại Cơ sở 21
Hình 3.5. Một số hạng mục các bể của HTXL nước thải, công suất 4,5m^3/ngày.đêm 25
Hình 3.6. Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ 31

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. Tên chủ cơ sở: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC NALT

- Địa chỉ văn phòng: Số 315, tổ 14, ấp Tân Lập, xã An Điền, Thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Bà Phan Lê Diễm Trang
- Điện thoại: : (0274) 3578304 - Fax: (0274) 3578308
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, Mã số doanh nghiệp 3700441693 do Phòng đăng ký kinh doanh –Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương cấp chứng nhận lần đầu ngày 01/08/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 09 tháng 02 năm 2021.

1.2. Tên cơ sở: Xưởng sản xuất các sản phẩm may mặc, công suất 350.000 sản phẩm/năm.

❖ **Địa điểm cơ sở:**

Xưởng sản xuất các sản phẩm may mặc, công suất 350.000 sản phẩm/năm của Công ty Cổ phần may mặc Nalt tọa lạc tại Thửa đất số số 367, tờ bản đồ số 19, tổ 14, ấp Tân Lập, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Tứ cận tiếp giáp của Cơ sở như sau:

+ Phía Bắc: tiếp giáp với đất vườn cây và phía ngoài đường lộ 7A (Đường ĐH 606).
+ Phía Nam: tiếp giáp với đất vườn cây của Ông Nguyễn Quốc Định.
+ Phía Tây: tiếp giáp với đất vườn cây của Ông Kiều Sơn.
+ Phía Đông: tiếp giáp với đất vườn cây của Ông Nguyễn Văn Tánh.

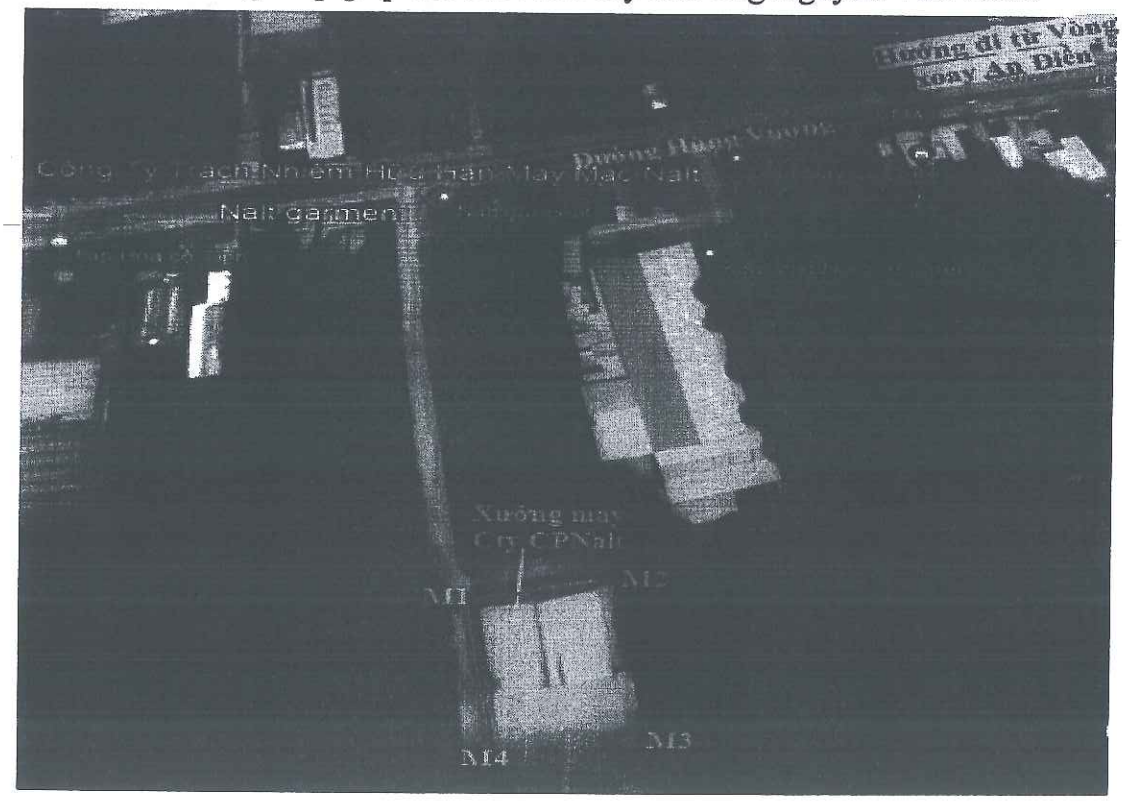

Hình 1.1. Vị trí nhà máy Công ty Cổ phần may mặc Nalt

Tọa độ các điểm mốc khu đất cơ sở (Hệ tọa độ VN) được trình bày như sau:

Bảng 1.1. Tọa độ vị trí của nhà máy Công ty may mặc Nalt

Điểm mốc	X (m)	Y (m)
M1	06 69 575.40	12 31 330.20
M2	06 69 609.79	12 31 342.35
M3	06 69 635.12	12 31 270.25
M4	06 69 594.11	12 31 260.19

Hiện trạng nhà xưởng:

Nhà xưởng trước đây là nhà kho chứa hàng của Nhà máy gia công sản xuất hàng may mặc –DNTN May Quốc Tế. Nhà kho đã được cấp Giấy phép xây dựng tại Văn bản số 1940/GPXD ngày 04 tháng 11 năm 2011 và đã được Ủy ban nhân dân huyện Bến Cát (nay là thị xã Bến Cát) chấp nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường của Dự án "Xây dựng kho chứa hàng may mặc của DNTN May Quốc Tế" tại Thông báo số 281/TB-UBND ngày 11/6/2012.

Tới đầu năm 2023 do điều kiện thực tế từ tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, Công ty đã chuyển đổi công năng từ nhà kho chứa hàng may mặc sang Xưởng sản xuất các sản phẩn hàng may mặc.

*** Mối tương quan của cơ sở đến các đối tượng tự nhiên – kinh tế xã hội xung quanh khu vực cơ sở :**

Khoảng cách từ vị trí của Cơ sở đến một số đối tượng kinh tế -xã hội xung quanh như sau:

- Tiếp giáp đường lộ 7A (ĐH 606) về phía Bắc.
- Cách UBND xã An Điền khoảng 3,2 km về phía Bắc.
- Cách trường tiểu học An Điền khoảng 2,4km về phía Bắc.
- Cách chợ An Điền khoảng 1,4 km về phía Đông Bắc
- Cách KCN Rạch Bắp An Điền khoảng 1,4km km về phía Tây Bắc.
- Cách Vòng xoay An Điền khoảng 3,6m về phía Đông Bắc.
- Cách sông Thị Tính khoảng 4,3 km về phía Đông Bắc.

Khu vực lân cận không có các đối tượng tự nhiên như vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển và các khu bảo tồn thiên nhiên.

❖ **Văn bản thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của Cơ sở:**

- Thông báo số 281/TB-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2012 của Uỷ ban nhân dân huyện Bến Cát (nay là thị xã Bến Cát) về việc chấp thuận đăng ký cam kết bảo vệ môi trường của Dự án "Xây dựng kho chứa hàng may mặc của Doanh nghiệp tư nhân May Quốc tế" tại tổ 14, ấp Tân Lập, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Giấy phép xây dựng số 1940/GPXD do Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương cấp ngày 04 tháng 11 năm 2021 cho Doanh nghiệp tư nhân may Quốc tế.

- Công văn số 80/CSPCCC-S4 ngày 16 tháng 03 năm 2015 của Cảnh sát PC &CC tỉnh Bình Dương về xác nhận nghiệm thu hệ thống PCCC của Doanh nghiệp tư nhân may Quốc tế.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 674048, Số vào sổ cấp GCN: CT 01820 do Sở Tài Nguyên và Môi trường Bình Dương cấp ngày 03 tháng 05 năm 2012 cho DNTN May Quốc tế (nay là Công ty Cổ phần May mặc Nalt) tại Thửa đất số 367, tờ bản đồ số 19, diện tích 2.000m^2, mục đích sử dụng SKC, thời hạn sử dụng đến tháng 07 năm 2031.

❖ **Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):**

Xưởng sản xuất các sản phẩm hàng may mặc, công suất 350.000 sản phẩm/năm của Công ty CP May mặc Nalt có tổng vốn đầu tư là 7.264.000.000 đồng (Bằng chữ: Bảy tỷ hai trăm sáu mươi bốn triệu đồng). Dự án thuộc tiêu chí phân loại dự án nhóm C tại mục III phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:

Xưởng sản xuất các sản phẩm may mặc của Công ty Cổ phần May Nalt, có công suất hoạt động như sau:

Bảng 1.2. Công suất sản phẩm tại Cơ sở trong 01 năm

STT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Công suất	Thị trường tiêu thụ
1	Áo thun các loại	Sản phẩm/năm	350.000	Hàn Quốc

(Nguồn: Công ty Công ty CP May mặc Nalt, 2023.)

1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:

Quy trình công nghệ sản xuất các sản phẩm hàng may mặc của Cơ sở như sau: hình 1.2

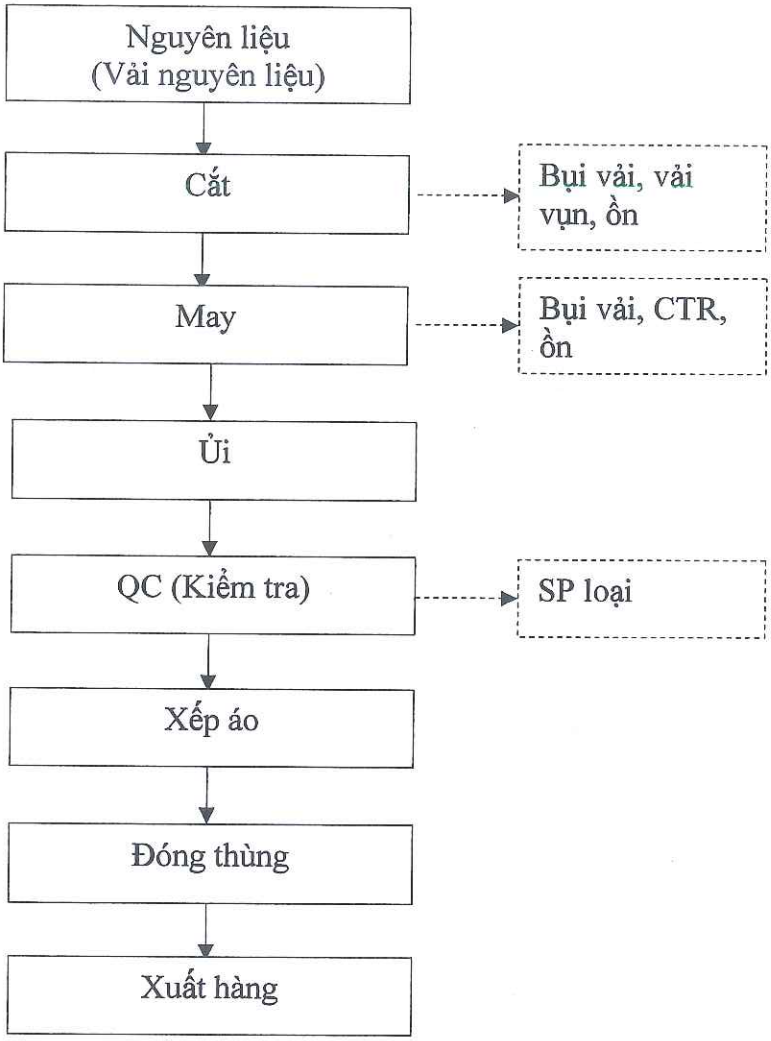

Hình 1.2. Quy trình sản xuất các sản phẩm hàng may mặc tại Cơ sở

Thuyết minh quy trình:

+ Nguyên liệu vải và các phụ liệu được nhập về xưởng, lưu kho chuẩn bị cho kế hoạch sản xuất.

+ Đầu tiên vải nguyên liệu sẽ được đưa qua công đoạn cắt để cắt theo từng mẫu khác nhau tùy theo yêu cầu và thị hiếu của khách hàng.

+ Vải sau khi cắt, sẽ được chuyển qua công đoạn may để may thành sản phẩm hoàn chỉnh. Sản phẩm sau khi may hoàn chỉnh sẽ được QC kiểm tra về mẫu mã, chất lượng của sản phẩm. Sản phẩm đạt được chuyển qua công đoạn tiếp theo là ủi, sản phẩm không đạt sẽ được tái sử dụng hoặc thải bỏ, hợp đồng thu gom như chất thải công nghiệp thông thường.

+ Quá trình ủi sản phẩm tại Cơ sở sử dụng điện năng. Việc sử dụng điện năng sẽ sạch hơn, an toàn hơn và không có phát sinh khí thải.

+ Sản phẩm sau khi ủi sẽ được xếp và đóng thùng, xuất bán cho khách hàng.

+ Trong quy trình sản xuất của Cơ sở thì nguồn chất thải phát sinh chủ yếu là chất thải rắn công nghiệp như vải vụn, chỉ vụn, sản phẩm loại, ống chỉ được thu gom như chất

thải thông thường và một số thành phần chất thải nguy hại với khối lượng thấp. Trong quy trình sản xuất tại nhà máy sẽ không làm phát sinh bụi, khí thải tại nguồn. Quy trình sản xuất tại Cơ sở cũng không làm phát sinh nước thải sản xuất, chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt của công nhân viên. Chủ Cơ sở đã có các biện pháp để thu gom, xử lý đảm đạt quy chuẩn theo quy định trước khi xả thải ra môi trường.

***Một số hình ảnh về các công đoạn sản xuất tại Cơ sở:**

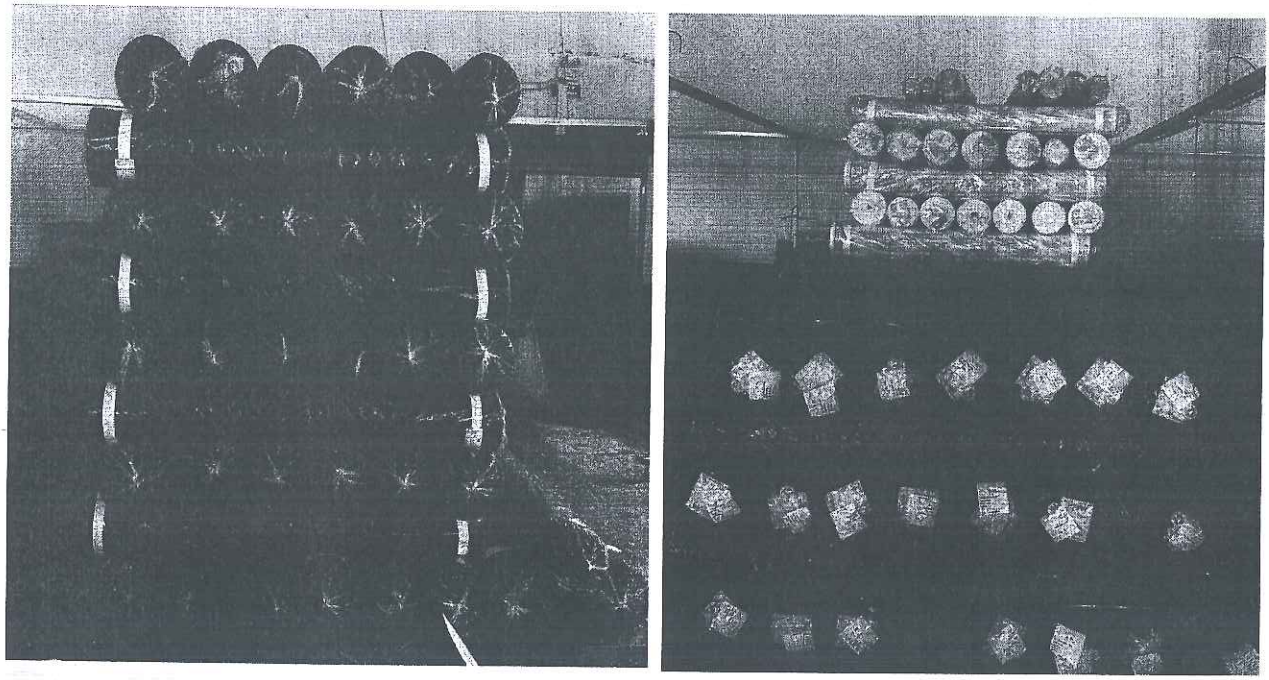

Hình 1.3. Vải nguyên liệu

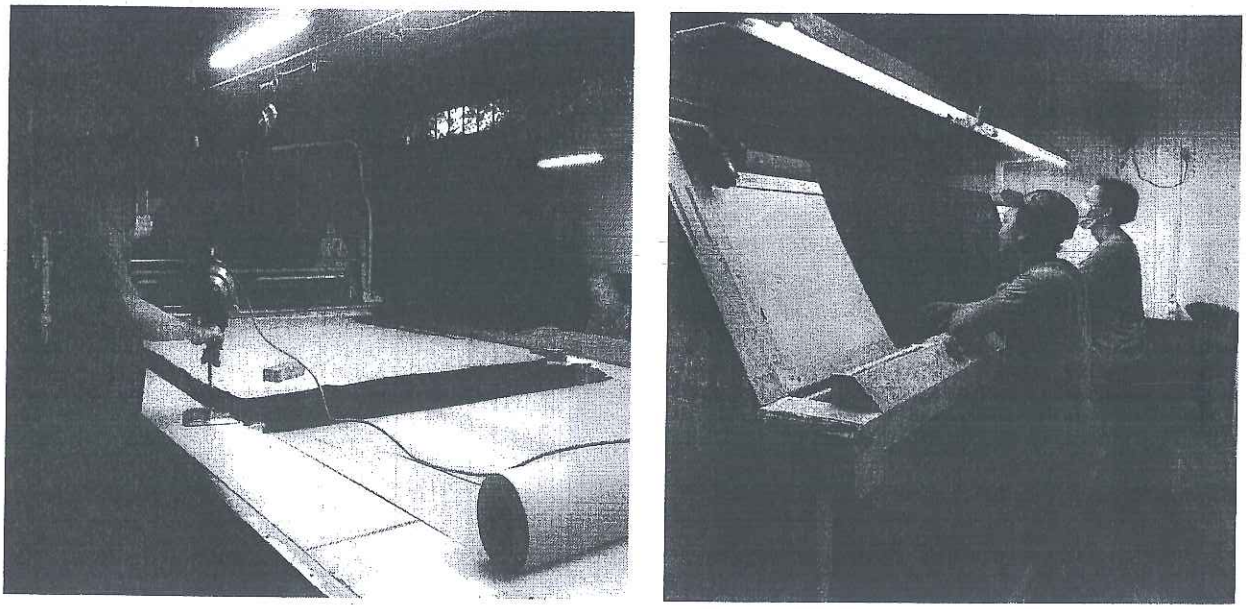

Hình 1.4. Xả vải và cắt

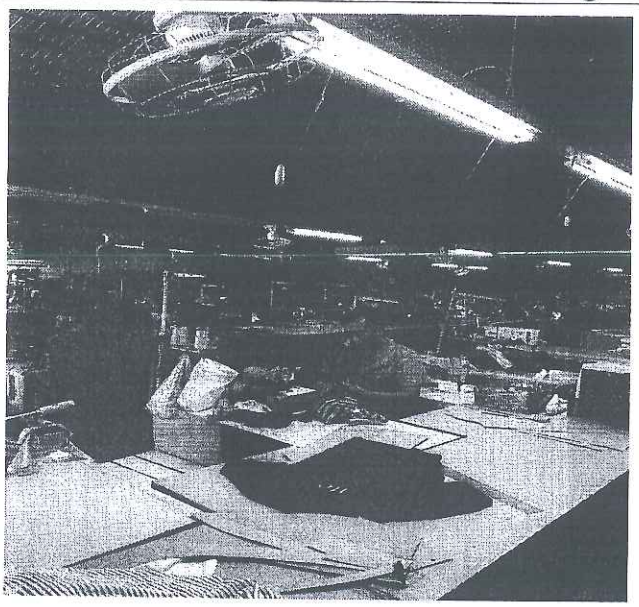

Hình 1.5. Công đoạn may

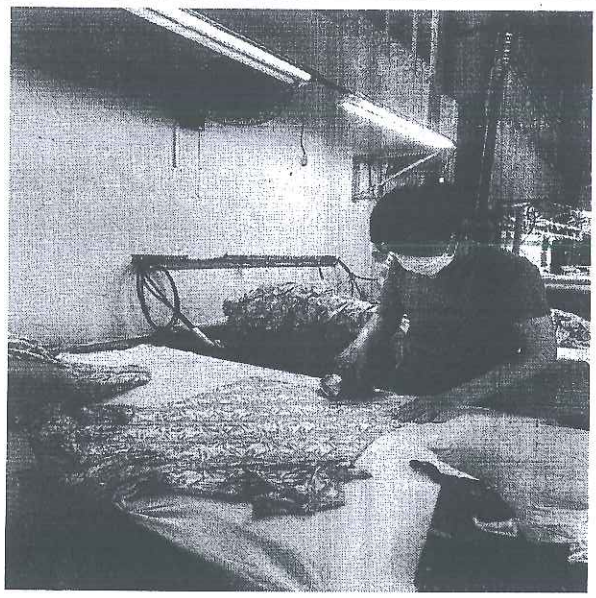

Hình 1.6. Công đoạn ủi

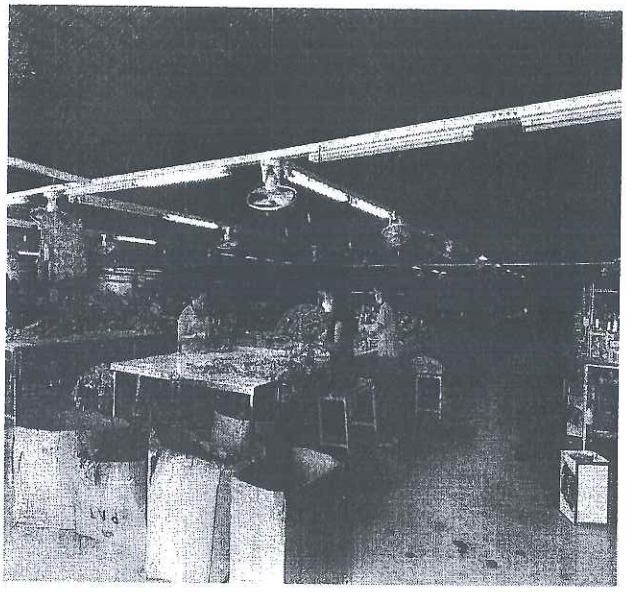

Hình 1.7. Công đoạn kiểm tra

Hình 1.8. Công đoạn xếp, đóng gói

1.3.3. Sản phẩm của cơ sở:

Sản phẩm sản xuất tại Cơ sở là sản phẩm áo thun các loại, công suất 350.000 sản phẩm/năm.

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:

1.4.1. Nguyên, nhiên, vật liệu của Cơ sở

Nguyên vật liệu sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất tại Cơ sở gồm có vải, chỉ may, bao bì nilon, thùng carton. Cụ thể như sau:

Bảng 1.3. Danh mục nguyên nhiên vật liệu chính sử dụng tại Cơ sở/năm.

STT	Tên nguyên vật liệu, hóa chất	Khối lượng sử dụng/năm	Ghi chú
1	Vải	540.000 m^2/năm	Nguyên liệu chính
2	Chỉ may	14.400 cuộn/năm	Phụ liệu
3	Bao bì ni lon	360.000 cái/năm	Đóng gói
4	Thùng carton	5.000 kg/năm	Đóng gói

(Nguồn: Công ty Công ty CP May mặc Nalt, 2023.)

1.4.2. Nhu cầu về điện, nước và các vật liệu khác

**** Nguồn cung cấp điện và nhu cầu sử dụng***

Nguồn cấp điện của dự án là nguồn điện lưới quốc gia –Chi nhánh điện lực Bình Dương. Nhu cầu tiêu thụ điện của Cơ sở khoảng 12.000kWh/tháng, phục vụ cho mục đích chiếu sáng, các máy móc thiết bị hoạt động trong xưởng và sinh hoạt của nhân viên.

**** Nguồn cung cấp nước và nhu cầu sử dụng***

Nguồn cấp nước của Cơ sở là nguồn cấp nước thủy cục. Nhu cầu cấp nước tại Cơ sở chủ yếu là nước cấp cho sinh hoạt của công nhân viên, Chủ Cơ sở không có tổ chức nấu ăn tại xưởng. Chi tiết nhu cầu cấp nước tại Cơ sở như sau:

Bảng 1.4. Bảng tóm tắt nhu cầu sử dụng nước của Cơ sở

STT	Mục đích sử dụng	Định mức tính toán	Nhu cầu sử dụng (m^3/ngày)	Ghi chú
1	Nước cấp cho sinh hoạt của cán bộ công nhân viên	Số lượng công nhân viên: 100 người; Tiêu chuẩn cấp nước: 45 lít/người/ngày	4,5	Phát sinh nước thải, thải bỏ hằng ngày
2	Nước tưới cây, phun xịt sân bãi, rò rỉ	-	1	Không phát sinh nước thải
	Tổng		**5,5**	

(Nguồn: Công ty Công ty CP May mặc Nalt, 2023.)

Ngoài ra, Cơ sở còn có 1 bể chứa nước PCCC với thể tích khoảng 480 m^3. Kích thước Dài x Rộng x Cao =15m x8m x4m.

1.4.3. Nhu cầu lao động:

Tổng số lượng công nhân viên tại Cơ sở tối đa khoảng 100 người, bao gồm cả quản lý, nhân viên văn phòng và công nhân. Thời gian hoạt động trung bình là 8 giờ/ ngày, 6 ngày/ tuần. Phân bố lao động của Cơ sở như sau:

- Quản lý: 3 người

- Nhân viên văn phòng: 5 người.
- Công nhân: 92 người.

1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở:

1.5.1. Các hạng mục công trình của Cơ sở

Xưởng sản xuất các sản phẩm hàng may mặc của Công ty Cổ phần may mặc Nalt có diện tích 2.000 m^2. Chi tiết các hạng mục công trình như sau:

Bảng 1.3. Hạng mục công trình của cơ sở

TT	Hạng Mục	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ (%)
1	**Nhà xưởng**	**1.512**	**75,6**
-	Xưởng sản xuất	1.460	
-	Văn phòng	20	
-	Nhà vệ sinh	20	
-	Nhà rác	12	
2	**Cây xanh, sân, đường nội bộ**	**488**	**24,4%**
	Tổng	**2.000**	**100**

(Nguồn: Công ty Công ty CP May mặc Nalt, 2023)

Với diện tích khu đất của cơ sở là 2.000 m^2, Cơ sở sử dụng đất để trồng cỏ và cây xanh nhằm tạo cảnh quan, điều hòa không khí trong khuôn viên xưởng với diện tích là 488 m^2, tỷ lệ cây xanh sẽ chiếm 24,4% tổng diện tích toàn nhà máy, đảm bảo tuân thủ theo quy định tại quy chuẩn QCVN 01:2021/BXD.

1.5.2. Các hạng mục phụ trợ của cơ sở

Hệ thống công trình phụ trợ của cơ sở bao gồm: hệ thống giao thông, hệ thống cấp điện, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thu gom, thoát nước thải. Cụ thể:

a. Hệ thống giao thông

Đường giao thông nội bộ của cơ sở được thiết kế thuận tiện cho công tác vận chuyển nguyên, vật liệu, di chuyển của công nhân và đảm bảo an toàn PCCC và được kết nối với tuyến đường chính phía ngoài Cơ sở là Đường lộ 7A (ĐH 606) nên thuận lợi cho quá trình xuất, nhập hàng hóa của Cơ sở.

c. Hệ thống cấp điện

Nguồn điện cung cấp của Cơ sở được lấy từ mạng lưới điện lưới quốc gia –Chi nhánh điện lực Bến Cát. Hệ thống cấp điện của Cơ sở đã được đầu tư hoàn chỉnh.

d. Hệ thống cấp nước

Nguồn cung cấp nước cho cơ sở là nguồn cấp nước thủy cục của khu vực. Hệ thống đường ống cấp nước của Cơ sở đã được đầu tư hoàn thiện, đảm bảo cho nhu cầu cấp nước cho hoạt động của Cơ sở

e. Hệ thống chiếu sáng

Hệ thống chiếu sáng bên của Cơ sở được bố trí phù hợp với từng khu vực sử dụng, đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật. Dây cấp nguồn được đi trong máng cáp, không đi dây qua những khu vực có nhiệt độ cao, hạn chế gây cháy nổ, hư hỏng cách điện cáp điện.

g. Hệ thống cây xanh

Với diện tích xây dựng và hoạt động của cơ sở là 2.000 m^2, Cơ sở sử dụng đất để trồng cỏ và cây xanh nhằm tạo cảnh quan, điều hòa không khí trong khuôn viên nhà máy với diện tích cây xanh 488 m^2, tỷ lệ cây xanh sẽ chiếm 24,4% tổng diện tích toàn khu đất, đảm bảo tuân thủ theo Quy chuẩn xây dựng Việt Nam QCVN 01:2021/BXD.

h. Hệ thống thoát nước

Hệ thống thoát nước được chia thành 2 hệ thống riêng biệt, bao gồm hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thoát nước thải nhằm đảm bảo thoát nước mưa dễ dàng, tránh hiện tượng nước mưa ứ đọng gây ảnh hưởng cục bộ đến hoạt động của nhà máy.

**** Hệ thống thoát nước mưa:***

+ Mạng lưới thoát nước mưa được bố trí xung quanh nhà xưởng, đường nội bộ đảm bảo thu gom triệt để toàn bộ lượng nước trên toàn diện tích nhà máy.

+ Công ty đã lắp đặt đường ống nhựa PVC Ø90 để thu gom nước mưa từ các mái nhà xưởng về hố ga thu gom nước mưa. Nước mưa chảy tràn được thu gom bằng các cống BTCT Ø800 bố trí xung quanh nhà xưởng, trên các tuyến đường giao thông nội bộ. Sau đó, toàn bộ nước mưa theo đường cống BTCT Ø800 có độ dốc 0,25% thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường lộ 7A (ĐH 606).

(Bản vẽ mặt bằng thoát nước mưa của nhà máy đính kèm phụ lục).

****Hệ thống thu gom, thoát nước thải:***

Nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty hiện nay khoảng 4,5m^3/ngày, chủ yếu là nước thải sinh hoạt của công nhân viên. Công ty có 2 khu vực nhà vệ sinh cho công nhân viên, Công ty đã lắp đặt đường ống nhựa HDPE Ø34 và hệ thống bơm để thu gom nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại, nước rửa tay chân về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 4,5m^3/ngày để xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn theo quy định trước khi xả thải ra môi trường.

Toàn bộ nước thải phát sinh tại Công ty hiện nay được thu gom, xử lý tại Trạm XLNT tập trung công suất 4,5m^3/ngày, đảm bảo đạt quy chuẩn theo quy định QCVN 40:2011/BTNMT, cột A trước khi xả thải ra môi trường.

Nước thải sau xử lý của Cơ sở được dẫn theo tuyến ống thoát nước thải HDPE Φ34 được bố trí đi trong mương thoát nước mưa của Cơ sở, chạy ra hố ga quan trắc phía ngoài tuyến đường nội bộ của Cơ sở, chạy vào tuyến cống D300 và đấu nối vào tuyến cống thoát nước D1800 chung của khu vực trên đường Lộ 7A (ĐH 606) tại 01 hố ga đấu nối. Uỷ ban nhân dân thị xã Bến Cát chấp thuận đấu nối nước thải sau xử lý vào hệ thống thoát nước đường Lộ 7A (ĐH 606) ấp Tân Lập, xã An Điền tại Công văn số 2128/UBND-KT ngày 5 tháng 06 năm 2023.

1.5.3. Danh mục máy móc thiết bị cho sản xuất của Cơ sở

Danh mục máy móc thiết bị cho sản xuất tại cơ sở như sau:

Bảng 1.4. Danh mục máy móc thiết bị tại Cơ sở

TT	Tên thiết bị, máy móc	Số lượng	Tình trạng	Xuất xứ
1	Máy vắt sổ	17 cái	80%	Nhật
2	Máy may 1 kim	27 cái	80%	Nhật, Trung Quốc
3	Máy may kansai	17 cái	80%	Nhật
4	Máy đính nút	2 cái	80%	Trung Quốc
5	Máy làm khuy	2 cái	80%	Việt Nam
6	Máy đánh bọ	1 cái	80%	Nhật
7	Bàn ủi	5 cái	80%	Hàn quốc
8	Bàn cắt	1 cái	80%	Việt Nam
9	Máy cắt	1 cái	80%	Japan

(Nguồn: Công ty Công ty CP May mặc Nalt, 2023)

Chương II
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:

Xưởng may Công ty Cổ phần May mặc Nalt tọa lạc tại số 315, tổ 14, ấp Tân Lập, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Hiện trạng quy hoạch khu đất của Cơ sở là đất Cơ sở sản xuất kinh doanh. Do vậy, vị trí hoạt động của Cơ sở là hoàn toàn phù hợp với quy hoạch phát triển chung của địa phương nói riêng và của tỉnh nói chung. Hoạt động của Cơ sở góp phần nhằm giải quyết công ăn việc làm cho người lao động tại địa phương, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân trên địa bàn xã An Điền nói riêng và của thị xã Bến Cát nói chung.

Bên cạnh đó, phía ngoài lân cận Cơ sở trong vòng bán kính 1-2km có đầy đủ các công trình các trường tiểu học, THCS, chợ,... Vì vậy, vị trí của Cơ sở thuận lợi trong việc tạo điều kiện cho người lao động định cư làm việc và tiếp cận đầy đủ các dịch vụ tiện ích, hạ tầng xã hội chung tại khu vực.

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường:

❖ **Nguồn tiếp nhận nước mưa, nước thải của Cơ sở:**

Cơ sở tọa lạc tại tổ 14, ấp Tân Lập, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Tiếp giáp với Cơ sở về phía Bắc là tuyến đường Lộ 7A là tuyến đường chính của khu vực đã được đầu tư hạ tầng thoát nước hoàn chỉnh. Do vậy, toàn bộ nước mưa phát sinh tại Cơ sở hiện nay được thu gom theo hệ thống cống thoát nước mưa của Cơ sở và sau đó thoát vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực, không để gây ra tình trạng ngập úng cục bộ tại Cơ sở cũng như tại khu vực.

Cơ sở không phát sinh nước thải sản xuất. Nước thải phát sinh tại Cơ sở chủ yếu nước thải sinh hoạt của công nhân viên với lưu lượng thấp, khoảng 4,5m^3/ngày. Cơ sở đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung để thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh tại Cơ sở. Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A và được đấu vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

Cơ sở đã được Uỷ ban nhân dân thị xã Bến Cát chấp thuận đấu nối nước thải sau xử lý vào hệ thống thoát nước trên đường Lộ 7A (ĐH 606) ấp Tân Lập, xã An Điền tại Công văn số 2128/UBND-KT ngày 5 tháng 06 năm 2023.

Như vậy, vị trí của Cơ sở nằm trong khu vực đã có hạ tầng thoát nước hoàn thiện, hoàn toàn đảm bảo cho việc tiêu thoát nước mưa và tiếp nhận nước thải sinh hoạt sau xử lý đạt quy chuẩn theo quy định của Cơ sở.

❖ **Nguồn tiếp nhận khí thải**

- Hoạt động của Cơ sở không có phát sinh khí thải tại nguồn. Nguồn bụi, khí thải phát sinh chủ yếu tại Cơ sở là khí thải từ các phương tiện vận chuyển hàng hóa ra, vào Cơ sở. Nguồn ô nhiễm này không tập trung, không liên tục, được nhận diện ở mức độ thấp. Bên cạnh đó, Chủ Cơ sở cũng áp dụng các biện pháp kiểm soát phù hợp để hạn chế tác động của nguồn thải này đến mức thấp nhất. Tứ cận tiếp giáp của xưởng là

vườn cây cao su của các hộ dân, do vậy tác động của nguồn bụi, khí thải tới chất lượng môi trường tại Cơ sở và khu vực xung quanh được nhận diện là không đáng kể. Chất lượng môi trường không khí xung quanh tại Cơ sở được đảm bảo đạt QCVN 05:2013/BTNMT; Tiếng ồn đạt QCVN 26:2010/BTNMT.

❖ **Nguồn tiếp nhận chất thải rắn**

Toàn bộ chất thải rắn phát sinh tại Cơ sở được thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý theo đúng quy định, tuân thủ theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Chương III
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa:

Cơ sở đã tách riêng biệt hệ thống thoát nước mưa với hệ thống thu gom, thoát nước thải, cụ thể:

+ Mạng lưới thoát nước mưa được bố trí xung quanh nhà xưởng và đường nội bộ đảm bảo thu gom triệt để toàn bộ lượng nước trên toàn diện tích nhà máy.

+ Công ty đã lắp đặt đường ống nhựa PVC Ø90 để thu gom nước mưa từ các mái nhà xưởng về hố ga thu gom nước mưa. Nước mưa chảy tràn được thu gom bằng các cống BTCT Ø800 bố trí xung quanh nhà xưởng, trên các tuyến đường giao thông nội bộ. Sau đó, toàn bộ nước mưa theo đường cống BTCT Ø800 có độ dốc 0,25% thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường lộ 7A (ĐH 606).

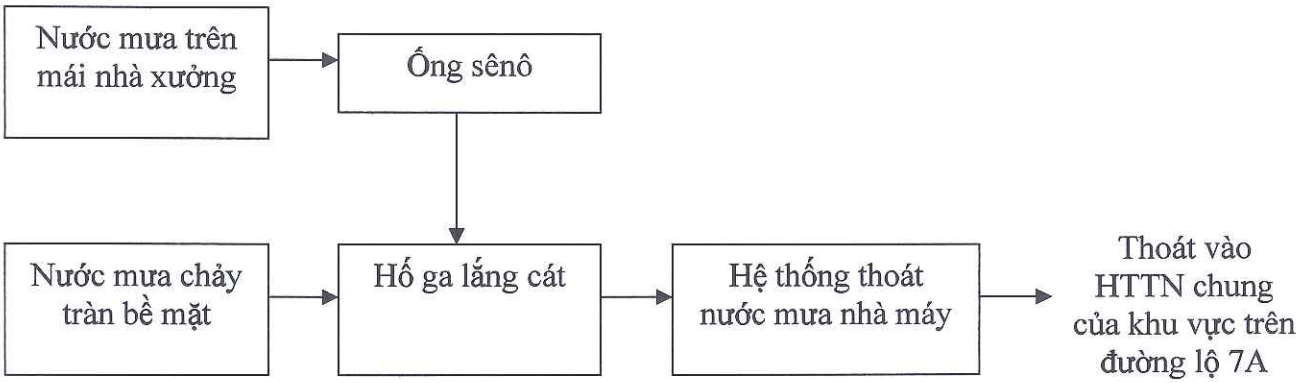

Hình 3.1. Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước mưa của Cơ sở

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải:

+ **Công trình thu gom nước thải:** Nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Cơ sở hiện nay khoảng 4,5m^3/ngày chủ yếu là nước thải sinh hoạt của công nhân viên (Cơ sở không phát sinh nước thải sản xuất). Công ty đã lắp đặt đường ống nhựa HDPE Ø34 để thu gom nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại, nước rửa tay chân về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 4,5m^3/ngày để xử lý.

+ **Công trình thoát nước thải:** Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn theo quy định QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, chảy theo tuyến ống thoát nước thải Φ34 bố trí trong mương thoát nước mưa của Cơ sở, chảy ra hố ga quan trắc của Cơ sở, sau đó chảy vào đoạn cống D300 + hố ga đấu vào HTTN chung D1800 của khu vực trên đường lộ 7A (ĐH 606).

Điểm xả nước thải sau xử lý: Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A chảy theo tuyến công thoát nước thải ra hố ga quan trắc phía ngoài cổng vào của Cơ sở, trước khi đấu nối vào tuyến cống D1800 trên đường lộ 7A (ĐH 606). Uỷ ban nhân dân thị xã Bến Cát chấp thuận cho phép Cơ sở đấu nối nước thải

sau xử lý của Cơ sở vào hệ thống thoát nước đường Lộ 7A (ĐH 606) ấp Tân Lập, xã An Điền tại Công văn số 2128/UBND-KT ngày 5 tháng 06 năm 2023.

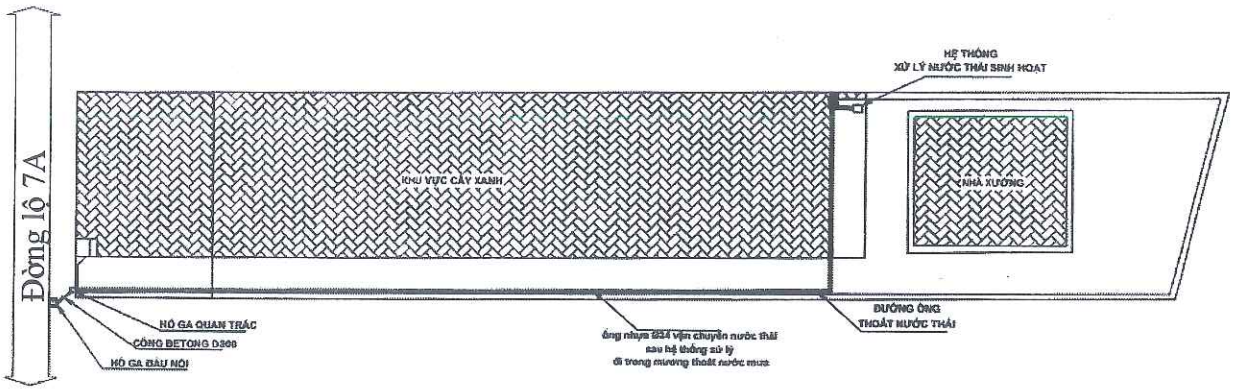

Hình 3.2. Tuyến ống thoát nước thải và vị trí hố ga đấu nối nước thải của Cơ sở trên đường lộ 7A (ĐH 606).

3.1.3. Xử lý nước thải:

- Cơ sở đã xây dựng bể tự hoại 03 ngăn để xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt phát sinh trước khi đấu nối vào HTXL nước thải tập trung.

- Bể tự hoại là công trình đồng thời làm 2 chức năng: lắng và phân huỷ cặn lắng. Cặn lắng giữ lại trong bể từ 6 - 8 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân huỷ, một phần tạo thành các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hoà tan. Bể tự hoại 3 ngăn thông dụng được dùng để xử lý cục bộ nước thải sinh hoạt của Cơ sở được trình bày trong hình sau:

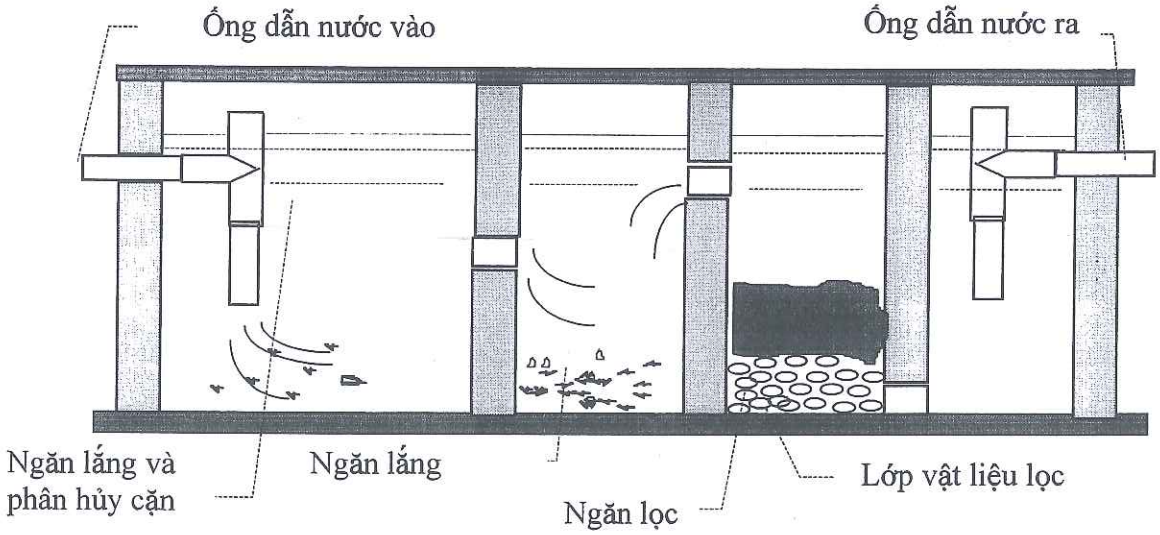

Hình 3.3. Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn.

Công trình xử lý nước thải tập trung với Công suất thiết kế 4,5 m^3/ngày như sau:

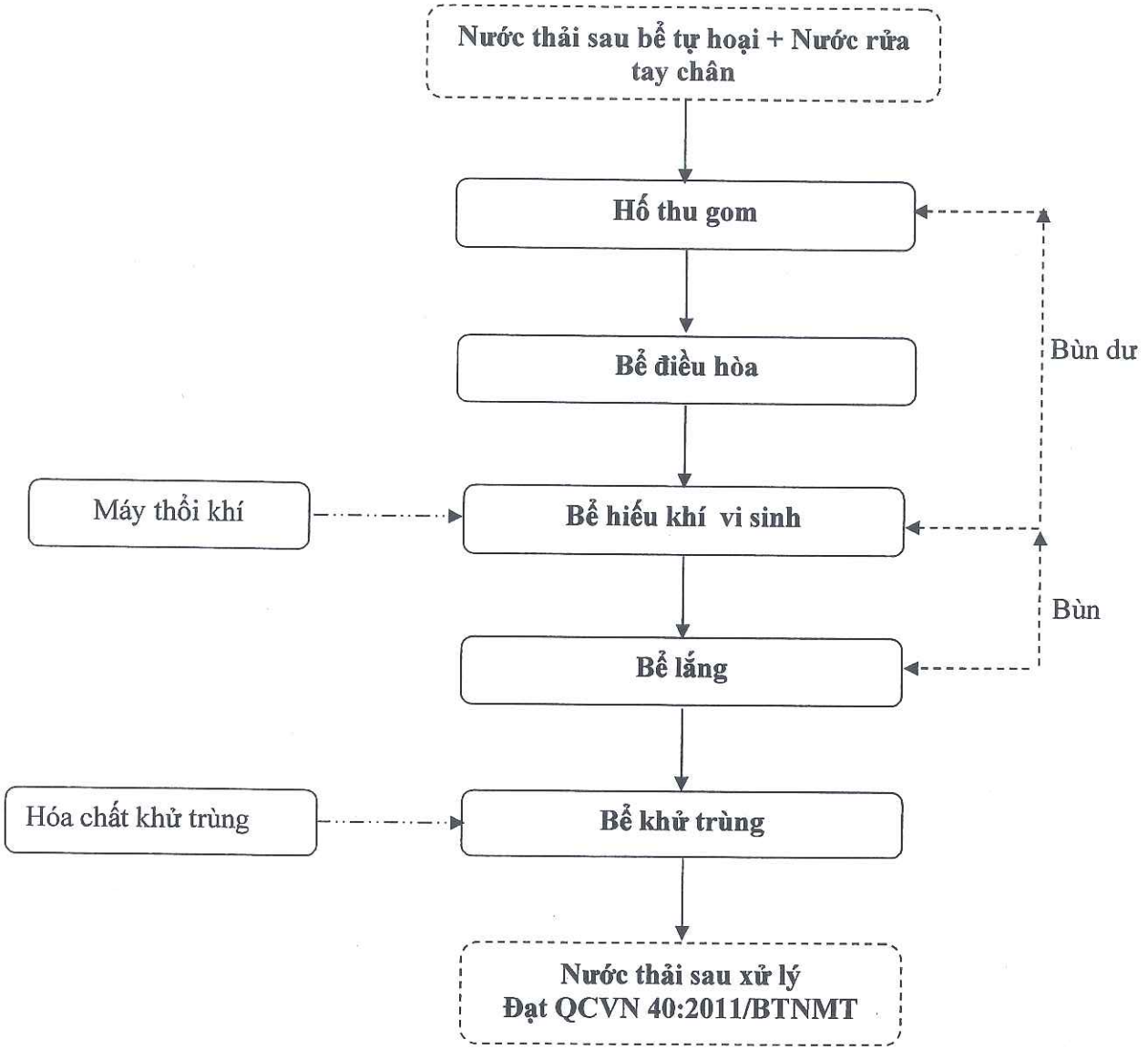

Hình 3.4. Quy trình công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt tại Cơ sở

Thuyết minh quy trình:

Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại, nước rửa tay, chân được thu gom về Hố thu gom, sau đó được bơm về Bể điều hòa của HTXL nước thải tập trung. Bể điều hòa có chức năng cân bằng lưu lượng và nồng độ nước thải cho công đoạn xử lý tiếp theo.

Nước thải sau bể điều hòa sẽ được tiếp tục dẫn qua bể xử lý sinh học hiếu khí Aerotank.Tại bể xử lý sinh học hiếu khí Aerotank các chất hữu cơ chuyển hóa thành các bông bùn, dưới tác dụng của trọng lực các bông bùn lắng xuống đáy. Tại đây, nước thải được đưa vào liên tục và được cung cấp oxy cho vi sinh phân hủy chất hữu cơ. Nước thải từ bể sinh học hiếu khí tiếp tục chảy vào bể lắng.

Bể lắng bùn đảm bảo bùn không trôi theo dòng nước. Bùn thải từ bể lắng một phần được tuần hoàn về bể sinh học hiếu khí Aerotank, phần bùn dư được bơm về bể chứa bùn và theo định kỳ sẽ được thu gom, xử lý theo quy định. Nước thải sau lắng được dẫn qua bể khử trùng nhằm loại bỏ hoàn toàn các vi khuẩn gây bệnh trước khi thải ra ngoài môi

trường bằng hóa chất khử trùng Chlorin. Nước thải sau khi khử trùng sẽ đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A trước khi thải vào môi trường (HTTN chung của khu vực trên đường lộ 7A).

+ Chế độ vận hành của hệ thống: 24/24 giờ.

+ Hóa chất sử dụng: Chlorin.

Bảng 3.1. Các hạng mục công trình xây dựng của HTXL nước thải tập trung

STT	Tên mặt hàng	Vật tư	Đơn vị		Số lượng
1	**Hố thu gom + tách dầu mỡ** - Nhiệm vụ : gom nước thải, tách rác, trữ nước thải để bơm trung chuyển. - Kích thước : D / H = 800 / 1500 - Thể tích : 1,0-1,5m^3 - Vật liệu : PI BTCT đặt đúc. - Thời gian lưu: 6,4 giờ	PI BTCT đặt đúc.	Bể		02
2	**Bể điều hòa chung** - Nhiệm vụ : trữ nguồn nước. - Kích thước : D / H = 800 / 1500 - Thể tích : 1.0-1.5m^3 - Vật liệu : PI BTCT đặt đúc. - Thời gian lưu: 6,4 giờ	PI BTCT đặt đúc.	Bể		1
3	**Bể vi sinh hiếu khí** - Nhiệm vụ : Sục khí nuôi các loại vi khuẩn hiếu khí. - Kích thước : D / H = 800 / 1500 - Thể tích : 2,4m^3 - Vật liệu : PI BTCT đặt đúc - Thời gian lưu: 12,8 giờ	PI BTCT đặt đúc.	Bể		2
4	**Bể lắng** - Nhiệm vụ : Lắng cặn và tách nước. - Kích thước : D / H = 800 / 1500 - Thể tích : 1,0-1,5m^3 - Vật liệu : PI BTCT đặt đúc. - Thời gian lưu: 6,4 giờ	PI BTCT đặt đúc.	Bể		1
5	**Bể khử trùng** - Nhiệm vụ : giệt vi khuẩn. - Kích thước : D / H = 800 / 1500 - Thể tích : 1,0-1,5m^3 - Vật liệu : PI BTCT đặt đúc. - Thời gian lưu: 6,4 giờ	PI BTCT đặt đúc.	Bể		1

Bảng 3.2. Các thiết bị lắp đặt của HTXL nước thải tập trung tại nhà máy

STT	Tên mặt hàng	Đơn vị tính	Số lượng
1	**Thiết bị trong hố thu gom**		
	Bơm nước thải - Nhiệm vụ : Bơm trung chuyển nước thải, hoạt động trong môi trường axít. - Chủng loại: áp lực - Cột Áp : 5-15mH_2O. - Lưu lương : 5-10m^3/ngày - Công suất : 1,0Hp - Điện áp: 220V	Bơm	01
	Tủ điều khiển - Tủ điện điều khiển cho hố thu gom nước thải. - Các thiết bị bảo vệ, thiết bị. - Chế độ : Tự động và Bằng tay	Tủ	01
2	**Thiết bị trong bể Điều hòa**		
	Bơm nước thải - Chủng loại: áp lực - Cột Áp : 5-15mH_2O. - Lưu lương : 5-10m^3/ngày - Công suất : 1,0Hp - Điện áp: 220V	Bơm	01
	Tủ điều khiển - Tủ điện điều khiển cho hố thu gom nước thải. - Các thiết bị bảo vệ, thiết bị. - Chế độ : Tự động và Bằng tay	Tủ	01
3	**Thiết bị trong bể hiếu khí Aerotan**		
	Bơm thổi khí - Xuất xứ : Gia công - Công suất : 1,5Hp - Cột áp = 1,5mH_2O. - Dòng điện: 380V /220V	Bơm	01
	Đĩa thổi khí - Lưu lượng 0 – 12 m^3/h - Vật liệu : Nhựa - Xuất xứ : Gia công	Cái	02
	Hệ thống đường ống phân khí Chủng loại: đường khí, van khí, van một chiều,… hệ thống chống giảm áp,….	HT	01
4	**Thiết bị bể lắng**		

	Bơm nước thải - Lưu lượng : 3-5m^3/giờ - Cột Áp : 4-6 mH_2O. - Công suất : 1/4 HP - Điện áp: 380V / 220V - Xuất xứ : Đài loan	Bơm	01
	Ống trung tâm - Chủng loại: Ống phân phối nước hướng dòng vào tâm. - Vật liệu: Nhựa PVC - Xuất xứ : gia công	HT	01
	Hệ thống phân phối nước - Chủng loại: phân phối điều dòng nước trên bề mặt bể lắng - Vật liệu: Nhựa PVC - Xuất xứ : gia công	HT	01
5	**Thiết bị trong bể khử trùng**		
	Bơm nước thải - Lưu lượng : 3-5m^3/giờ - Cột Áp : 4-6 mH_2O. - Công suất : 1/4 HP - Điện áp: 380V / 220V - Xuất xứ : Đài loan	Bơm	01
	Bơm định lượng - Chủng loại bơm hóa chất điều chỉnh được lưu lượng. - Lưu lượng : 5-18,5 lít / giờ - Điện áp: 220V . - Xuất xứ : Rumani	Bơm	01
	Thùng hoá chất - Thể tích : 200L - Vật liệu : Nhựa xanh PVC.	thùng	01

Một số hình ảnh công trình, thiết bị xử lý nước thải tập trung tại nhà máy:

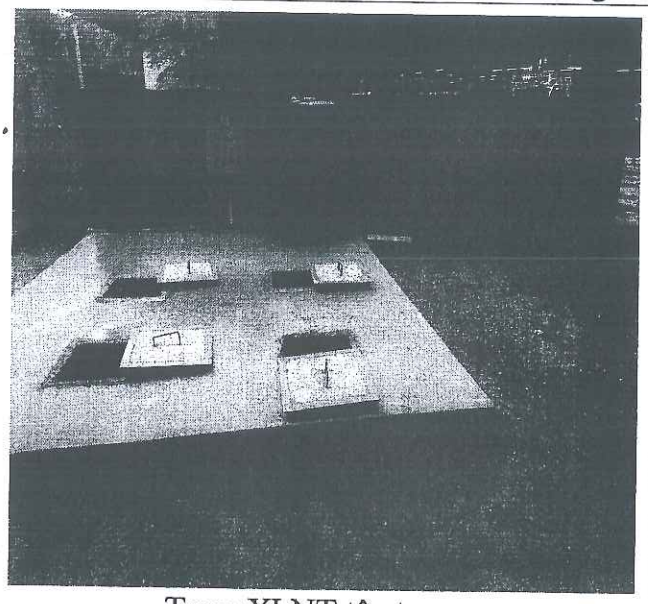

Trạm XLNT tập trung

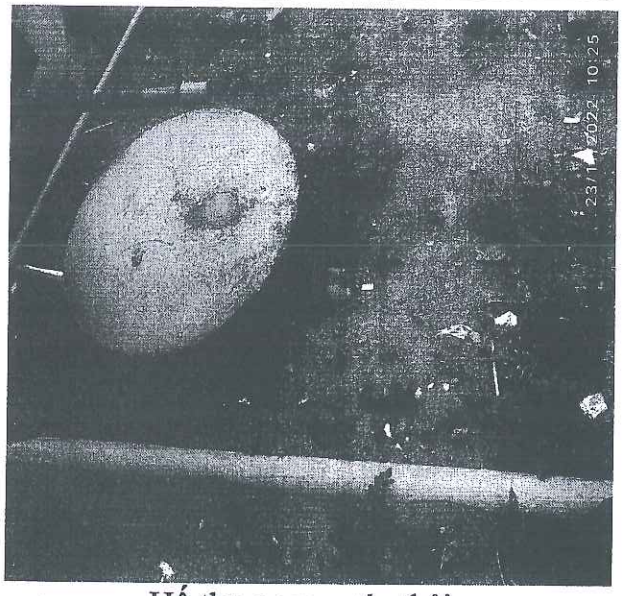

Hố thu gom nước thải

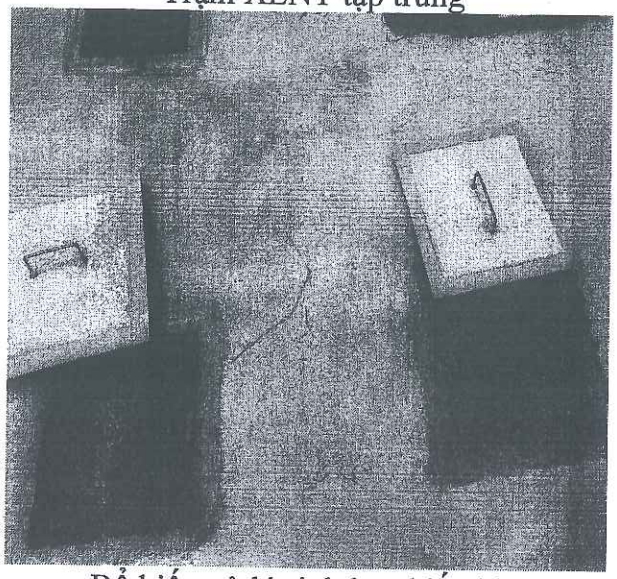

Bể hiếu xử lý sinh học hiếu khí

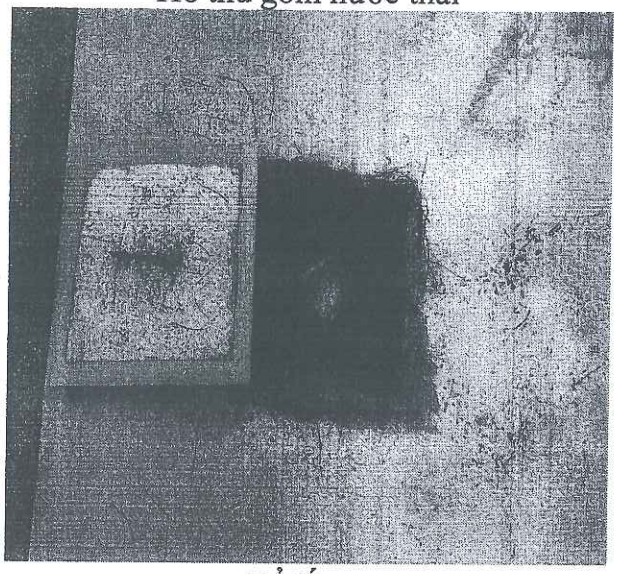

Bể lắng

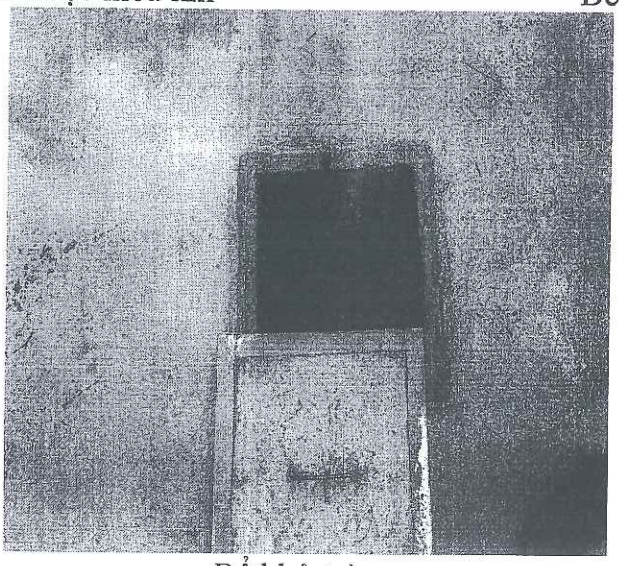

Bể khử trùng

Hình 3.5. Một số hạng mục các bể của HTXL nước thải, công suất 4,5m^3/ngày.đêm

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

Hoạt động của Cơ sở không có phát sinh bụi, khí thải tại nguồn. Do vậy, Chủ cơ sở không có lắp đặt các công trình xử lý bụi, khí thải tại nguồn. Nguồn bụi, khí thải phát sinh tại Cơ sở chủ yếu là bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển ra vào xuất nhập hàng, bụi vải từ hoạt động cắt máy, mùi từ hệ thống xử lý nước thải. Đối với các nguồn ô nhiễm này, Chủ Cơ sở đã áp dụng một số các biện pháp kiểm soát phù hợp như sau:

a. Đối với bụi vải từ công đoạn cắt, may:

Để giảm thiểu lượng bụi phát sinh từ quá trình cắt, may cũng như giảm thiểu tác động của chúng đến sức khỏe của công nhân trực tiếp thao tác tại các công đoạn này, chủ Cơ sở đã thực hiện các biện pháp kiểm soát, giảm thiểu như sau:

- Nhà xưởng được bố trí các cửa sổ lớn để đảm bảo độ thông thoáng tự nhiên. Bên cạnh đó, Công ty trang bị các quạt thông gió, quạt công nghiệp trên trần nhà xưởng nhằm tăng độ thông thoáng trong khu vực xưởng sản xuất.
- Bố trí dây chuyền máy móc thiết bị đảm bảo khoảng cách thông thoáng giữa các dây chuyền sản xuất, hạn chế tác động qua lại cục bộ từ dây chuyền cắt, may đến các khu vực khác trong xưởng.
- Sử dụng máy nén khí để thổi khô, vệ sinh máy may vào cuối mỗi ca sản xuất để hạn chế, không để bụi vải phát sinh tích tụ trong máy.
- Quét dọn vệ sinh nhà xưởng cuối ca sản xuất, sử dụng máy hút bụi tự động để vệ sinh nhà xưởng.
- Trang bị thiết bị, dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân tại nhà máy như khẩu trang, nút tai theo quy định.
- Cho công nhân kiểm tra sức khỏe định kỳ theo đúng quy định.

b. Đối với bụi và khí thải từ các phương tiện giao thông

Bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển là nguồn thải không liên tục, phân tán, không thể tập trung để thu gom xử lý nên để giảm thiểu tác động do hoạt động này, Chủ Cơ sở đã áp dụng các biện pháp kiểm soát như sau:

- Không sử dụng các loại xe vận chuyển đã hết hạn sử dụng.
- Điều phối xe hợp lý để tránh tập trung quá nhiều phương tiện giao thông hoạt động trong xưởng cùng thời điểm.
- Toàn bộ đường nội bộ, sân bãi được bê tông hóa. Phun nước sân bãi, đường nội bộ đặc biệt là vào những ngày nắng nóng, khô hanh, có gió để giảm bụi và hơi nóng do xe vận chuyển ra vào.
- Quy định các phương tiện di chuyển trong khuôn viên xưởng phải giảm tốc độ; phải tắt máy trong quá trình bốc dỡ hàng hóa.

c. Mùi hôi từ hệ thống xử lý nước thải tập trung, hệ thống thoát nước

Để hạn chế mùi hôi từ hệ thống cống thoát nước, Trạm XLNT của Cơ sở, một số biện pháp đã được chủ Cơ sở thực hiện như sau:

- Hệ thống cống thoát nước được xây dựng là hệ thống cống kín. Định kỳ, tiến hành vệ sinh, nạo vét hệ thống cống, hố ga để tránh tắc nghẽn, dẫn đến quá trình phân

hủy cặn bùn làm phát sinh mùi hôi.

- Tại các miệng cống thoát nước mưa có song chắn chất thải rắn, tránh tình trạng chất thải rắn làm bít miệng cống và làm tắc đường ống.
- Xây dựng bể trong hệ thống xử lý nước thải kín, có nắp đan đậy kín để giảm thiểu phát tán mùi từ quá trình phân hủy chất thải từ bể xử lý ra môi trường xung quanh.
- Áp dụng công nghệ xử lý sinh học hiếu khí, hạn chế phát sinh khí thải gây mùi hôi từ quá trình phân hủy yếm khí.
- Bố trí cây xanh xung quanh khu vực hệ thống xử lý nước thải để điều hòa vi khí hậu, tạo dãi phân cách với khu vực phía ngoài.

3.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

Hoạt động của của Cơ sở sẽ làm phát sinh thành phần chất thải rắn thông thường, gồm:

▪ ***Chất thải rắn sinh hoạt:*** phát sinh từ sinh hoạt của cán bộ công nhân viên với khối lượng khoảng 65 kg/ngày. Dựa trên: số lượng công nhân viên tại Cơ sở vào thời điểm tối đa là 100 người; hệ số phát sinh chất thải sinh hoạt là 0,65kg/người/ngày (*Căn cứ theo Quyết định số 88/QĐ-UBND tỉnh Bình Dương về Ban hành hướng dẫn thu thập, hệ số chỉ thị môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương*). Thành phần của chất thải rắn sinh hoạt gồm có:

+ Các hợp chất có nguồn gốc hữu cơ như thực phẩm, rau quả, thức ăn dư thừa…
+ Các hợp chất có nguồn gốc giấy từ các loại bao gói đựng đồ ăn, thức uống,...
+ Các hợp chất vô cơ như nhựa, plastic, PVC, thủy tinh…
+ Kim loại như vỏ hộp,…

Chất thải rắn sinh hoạt không chứa thành phần độc hại, do đó có ảnh hưởng đến môi trường không đáng kể. Tuy nhiên, trong môi trường khí hậu nhiệt đới, gió mùa, nóng ẩm của địa phương, chất thải sinh hoạt có chứa thành phần các chất hữu cơ cao sẽ bị phân hủy nhanh có thể gây mùi hôi ảnh hưởng đến chất lượng môi trường không khí xung quanh khu vực Cơ sở và ảnh hưởng đến sức khỏe con người.

Hiện nay, toàn bộ rác thải sinh hoạt phát sinh tại Cơ sở được thu gom, lưu chứa trong các thùng nhựa có nắp đậy kín dung tích 120L. Công ty đã hợp đồng với Chi nhánh xử lý chất thải -Công ty Cổ phần Nước -Môi trường Bình Dương thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

▪ ***Chất thải rắn công nghiệp thông thường:***

Thành phần của chất thải rắn công nghiệp gồm vải, chỉ vụn, sợi lỗi, lõi chỉ, bao bì đóng gói,... với khối lượng khoảng 700 kg/tháng. Cụ thể như sau:

Bảng 3.3. Thánh phần, khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại Cơ sở/tháng.

STT	Loại chất thải	Khối lượng (kg/tháng)
1	Giấy thải văn phòng	2

2	Vải vụn, chỉ vụn, sợi lỗi, lõi chỉ	650
3	Bao bì nilon, thùng carton thải	48
Tổng		**700**

(Nguồn: Công ty Cổ phần May Nalt, 2023)

Hiện nay, toàn bộ chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu gom, phân loại, lưu chứa trong nhà kho có nền bê tông, mái che và hợp đồng với Công ty TNHH Môi trường Việt Nam Sạch để thu gom, vận chuyển, xử ý theo quy định.

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

Hoạt động của Cơ sở làm phát sinh một thành phần chất thải nguy hại gồm: giẻ lau dính dầu nhớt từ quá trình vệ sinh, bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị; cặn dầu nhớt thải; bao bì thùng đựng dầu nhớt; bóng đèn huỳnh quang thải, pin tiểu thải, hộp mực in thải, với khối lượng phát sinh như bảng sau:

Bảng 3.4. Thành phần, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại Cơ sở/năm

Stt	Chất thải nguy hại	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Mã CTNH
1	Giẻ lau dính dầu nhớt	Rắn	20	18 02 01
2	Pin ắc quy chì thải	Rắn	2	19 06 01
3	Hộp mực in thải	Rắn	6	08 02 04
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải	Lỏng	10	17 02 03
5	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	2	16 01 06
	Tổng	**Kg/năm**	**40**	

(Nguồn: Công ty Cổ phần May Nalt, 2023)

Hiện nay, toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh tại Cơ sở được thu gom, phân loại, dán nhãn, lưu chứa trong nhà kho chứa chất thải nguy hại có có nền bê tông, mái che, gờ chống tràn và hợp đồng với Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý để thu gom, vận chuyển, xử ý theo quy định.

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Trong quá trình hoạt động của nhà máy, tiếng ồn phát sinh chủ yếu là từ hoạt động của các máy may. Tiếng ồn lớn sẽ gây ảnh hưởng đến thính giác và năng suất lao động của công nhân trực tiếp sản xuất. Tiếng ồn từ 85 dBA có thể làm ảnh hưởng đến công nhân như làm giảm sự chú ý, dễ mệt mỏi, nhức đầu chóng mặt, tăng cường sự ức chế thần kinh trung ương và ảnh hưởng tới thính giác của con người. Khi tiếp xúc với tiếng ồn cường độ cao trong thời gian dài sẽ dẫn đến bệnh điếc nghề nghiệp. Tiếng ồn cũng gây nên thương tổn cho hệ tim mạch và làm tăng bệnh đường tiêu hóa.
- Bên cạnh đó, nguồn ồn còn phát sinh từ hoạt động của một số các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, thành phẩm (xe tải), xe máy của công nhân viên. Tuy nhiên nguồn ồn này phân tán, không thường xuyên, liên tục nên có tác động không đáng kể đến chất lượng môi trường cũng như sức khỏe của người lao động.

Để hạn chế ảnh hưởng của Tiếng ồn đến công nhân tại Cơ sở và môi trường xung quanh. Chủ Cơ sở đã áp dụng một số các biện pháp phù hợp như sau:

+ Khu vực sản xuất được bố trí cách biệt với khu vực văn phòng.
+ Lắp đặt các bệ đỡ giảm ồn, giảm rung cho các máy móc có công suất lớn.
+ Các máy móc thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất của dự án đảm bảo đạt các tiêu chuẩn thông số kỹ thuật.
+ Thường xuyên bảo dưỡng định kỳ các thiết bị như bôi trơn các chi tiết chuyển động, các ổ trục, cân chỉnh dây đai truyền động của các thiết bị, cân bằng động các cơ cấu quay.
+ Bố trí thời gian nhập xuất nguyên liệu hợp lý, hạn chế nhập nguyên liệu vào những thời điểm có nhiều công nhân hoạt động.
+ Công nhân lao động trực tiếp tại khu vực ồn lớn sẽ được trang bị nút tai chống ồn và thường xuyên kiểm tra, theo dõi chặt chẽ quá trình thực hiện.

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

a. Tai nạn lao động

Để đảm bảo an toàn lao động cho công nhân tham gia sản xuất, Cơ sở thực hiện các biện pháp sau:

- Lắp đặt biển báo, đèn tín hiệu cảnh báo cho công nhân viên những nguy cơ có thể xảy ra tại khu vực đặt biển báo

- Luôn chú ý cải thiện điều kiện làm việc của công nhân, đảm bảo các yếu tố vi khí hậu và điều kiện lao động đạt Tiêu chuẩn do Bộ Y tế ban hành để đảm bảo sức khỏe cho người lao động.

- Bố trí nhân viên chuyên trách về vệ sinh, môi trường và an toàn lao động. Nhân viên này có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn cho công nhân thực hiện các biện pháp vệ sinh và an toàn lao động. Thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở việc thực hiện các biện pháp an toàn lao động của công nhân.

- Sắp xếp, bố trí các máy móc thiết bị đảm bảo trật tự, gọn gàng và khoảng cách an toàn cho công nhân làm việc.

- Tổ chức giáo dục tuyên truyền giúp công nhân viên có kiến thức về an toàn lao động, tự bảo vệ chính mình, tránh các trường hợp gây hậu quả nghiêm trọng do thiếu hiểu biết.

- Trong những trường hợp sự cố, công nhân vận hành phải được hướng dẫn và thực tập xử lý theo đúng quy tắc an toàn. Các dụng cụ và thiết bị cũng như những địa chỉ cần thiết liên hệ khi xảy ra sự cố cần được chỉ thị rõ ràng:

- Vòi nước xả rửa khi có sự cố, tủ thuốc, bình cung cấp oxy;

- Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: bệnh viện, cứu hỏa,...

- Cơ sở cũng tổ chức bộ phận sơ cứu tai nạn, bố trí phòng y tế ngay tại Cơ sở và ký hợp đồng chăm sóc sức khỏe với cơ sở y tế tại địa phương, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho công nhân làm việc tại nhà máy. Bố trí cán bộ an toàn vệ sinh lao động làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

b. Khắc phục các sự cố về điện

Các thiết bị tiêu thụ điện, dù tốt vẫn không tránh khỏi các rủi ro, ngay cả khi sử dụng đúng. Người sử dụng dễ bị chủ quan không kiểm tra kỹ trước khi thao tác sẽ dẫn đến tai nạn xảy ra. Một số rủi ro thường xảy ra là:

- Rủi ro khi nối thiết bị với nguồn cung cấp điện.

- Rủi ro do sự rò rỉ điện.

Để thực hiện công việc bảo trì an toàn nên tuân theo các tiến trình sau:

- Cử nhân viên bảo trì có kinh nghiệm và thành thạo trong công việc thay thế và sửa chữa các thiết bị điện cũng như các chi tiết về cơ khí của thiết bị tiêu thụ điện.

- Phải bảo đảm tuyệt đối là thiết bị đã được cách ly khỏi nguồn cung cấp điện. Cắm bảng báo hiệu để thông báo về việc sửa chữa.

c. Phòng chống cháy nổ

Nhà máy áp dụng các biện pháp phòng chống cháy nổ như:

- Nhà máy kết hợp với Phòng Cảnh sát PCCC Thị xã Bến Cát xây dựng phương án chữa cháy và hàng năm diễn tập phương án chữa cháy.

- Định kỳ hàng tháng nhà máy tổ chức kiểm tra toàn bộ các thiết bị, dụng cụ PCCC để kịp thời sửa chữa nếu có hư hỏng.

- Hàng tuần nhà máy kiểm tra hoạt động của máy bơm chữa cháy và ghi đầy đủ nhật ký kiểm tra.

- Sử dụng các thiết bị điện, dây dẫn có chất lượng tốt, đúng tải trọng.

- Tại các thiết bị sử dụng điện đều lắp Aptomat an toàn tự động ngắt khi có sự cố.

- Tắt tất cả các thiết bị điện khi hết thời gian sản xuất, lưu chứa nguyên liệu, sản phẩm cách xa các nguồn có khả năng gây cháy..

- Định kỳ 1 lần/năm tuyên tuyền, giáo dục nâng cáo ý thức phòng ngừa sự cố cháy nổ của toàn bộ công nhân, nhân viên trong nhà máy.

- Lắp đặt hệ thống PCCC trong khuôn viên nhà xưởng nhà máy. Trang bị đầy đủ dụng cụ phương tiện, trang thết bị, máy móc phục vụ công tác PCCC tại nhà máy

- Đặt biển cảnh báo, biển hướng dẫn sử dụng các thiết bị PCCC tại nhà máy.

**** Quy trình ứng phó khi có cháy***

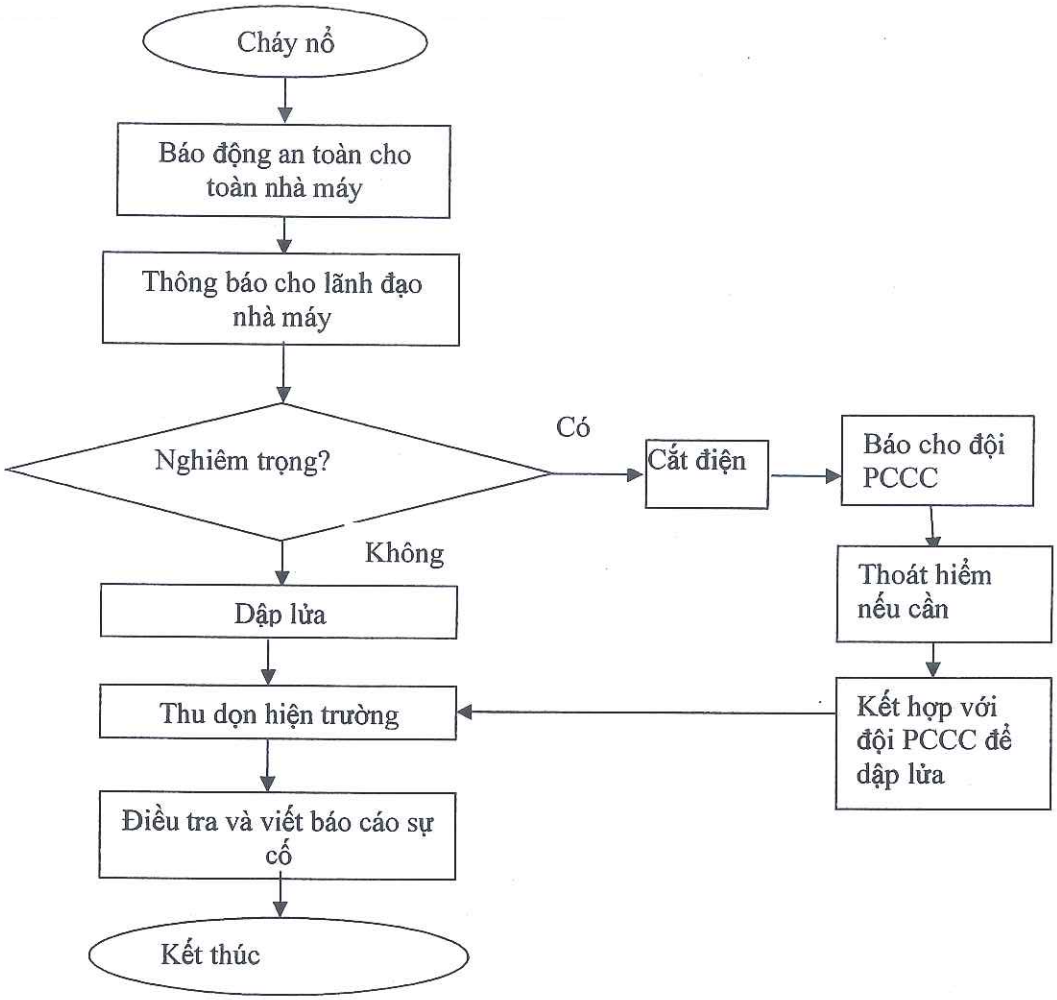

Hình 3.6. Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ

Thông báo: khi phát hiện ra sự cố thì tất cả các cán bộ công nhân viên hay là khách hàng đều có thể biết và thông báo qua điện thoại, báo động qua kẻng, chuông báo động, trực tiếp báo cho đội phòng cháy, chữa cháy tỉnh.

Dập lửa: Ngay từ khi phát hiện có cháy, lực lượng chữa cháy tại chỗ và các lực lượng khác cần tiến hành ngay các công tác dập lửa. Sử dụng các dụng cụ như bình chữa cháy, cát và nước để dập lửa. Trường hợp cháy ở mức độ nghiêm trọng thì đội PCCC sẽ liên hệ với cơ quan PCCC địa phương để phối hợp chữa cháy, dập cháy nhanh chóng, giảm thiểu các thiệt hại về người và tài sản.

Thu dọn hiện trường: Sau khi ngọn lửa được dập tắt, điều động nhân công dọn dẹp sạch sẽ khu vực bị cháy, các chi tiết, thiết bị, máy móc bị hỏng cũng được tháo dỡ và vận chuyển ra khỏi khu vực.

Báo cáo điều tra nguyên nhân và rút kinh nghiệm: Ngay sau khi phát hiện cháy, cần báo cáo ngay với cơ quan hữu quan để phối hợp trong công tác chữa cháy. Sau đó chủ đầu tư sẽ cùng với cơ quan hữu quan sẽ cùng tiến hành công tác điều tra xác định nguyên nhân và lập thành báo cáo gửi các bên có liên quan. Ngoài ra Chủ đầu tư sẽ tiến hành công tác đánh giá thiệt hại, xác định những hư hại và phần cần sửa chữa để có kế hoạch cụ thể khắc phục.

d. Biện pháp phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải hỏng hóc, ngưng hoạt động

- Sự cố trạm xử lý nước thải hỏng hóc hoặc tạm ngừng hoạt động có thể xảy ra do các máy móc thiết bị của trạm như máy bơm, lớp vật liệu lọc bị hỏng,... ngưng hoạt động (vì bị sự cố hoặc mất điện). Nguyên nhân khác là do công nhân vận hành không đảm bảo kỹ thuật. Trạm xử lý nước thải tạm ngừng hoạt động sẽ khiến một lượng lớn nước thải ứ đọng, không được xử lý, có thể gây ô nhiễm môi trường;

- Sự cố này có thể phòng tránh được bằng cách thường xuyên kiểm tra tình trạng kỹ thuật của các máy móc thiết bị đang hoạt động; thay thế sửa chữa kịp thời máy móc hư hỏng; lắp đặt hệ thống báo động tự động tại khu XLNT khi có xảy ra sự cố; công nhân được huấn luyện kỹ thuật đầy đủ.

- Khi xảy ra sự cố thì Cơ sở thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố như sau:

+ Đóng ngắt, ngưng hoạt động tại HTXLNT cũng như các hoạt động có phát sinh nước thải;

+ Tiến hành sửa chữa, khắc phục sự cố trong trong thời gian nhanh nhất có thể;

+ Lập sổ theo dõi các sự cố cũng như cách khắc phục để ứng phó kịp thời khi các sự cố tương tự xảy ra.

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

a. Nguồn phát sinh nước thải:

+ Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt của công nhân viên tại Cơ sở

b. Lưu lượng xả nước thải tối đa: 4,5m^3/ngày.

c. Dòng nước thải: Nước thải sinh hoạt từ 02 nhà vệ sinh của nhà máy →Bể tự hoại 03 ngăn + Nước rửa mặt, tay, chân → Ống thu gom ϕ34→Hệ thống xử lý nước thải tập trung 4,5m^3→Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A→Tuyến ống thoát nước thải Φ34→Đấu nối vào hệ thống thoát nước chung của khu vực tại 01 hố ga đấu nối trên đường lộ 7A (ĐH 606).

d. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: được xử lý đảm bảo đạt giới hạn cho phép của QCVN 40:2011/BTNMT, cột A – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp.

e. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn theo quy định sẽ đấu nối vào hệ thống thoát nước chung của khu vực tại hố ga đấu nối trên đường lộ 7A, cuối cùng đổ ra sông Thị Tính.

+ Tọa độ vị trí xả thải: X= 12 31 559 (m); Y= 06 69 503 (m)
+ Phương thức xả thải: Tự chảy
+ Nguồn tiếp nhận: Đấu nối vào tuyến cống thoát nước chung của khu vực D1800 trên đường Lộ 7A (ĐH 606) →Sông Thị Tính.

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải: Không có

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung: Không có

Chương V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã kết hợp với Công ty Cổ phần phát triển và phân tích Môi trường Pacific để tiến hành quan trắc đánh giá chất lượng nước thải định kỳ. Cụ thể như sau:

- Thời gian quan trắc: 20/06/2023

- Vị trí điểm quan trắc: Nước thải sau xử lý (NT)

- Đơn vị thực hiện quan trắc Số Vimcerts: Công ty Cổ phần phát triển và phân tích Môi trường Pacific, Vimcerts 303;

Bảng 5.1. Kết quả quan trắc chất lượng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải

STT	Thông số	Kết quả quan trắc	QCVN 40:2011/BTNMT, cột A
1	pH	7,38	6-9
2	TSS (mg/l)	24,6	50
3	BOD_5 (mg/l)	23,8	30
4	COD (mg/l)	49,1	75
5	Tổng N (mg/l))	18,2	20
6	Tổng Phospho (mg/l)	1,14	4
7	Tổng Coliform (MPN/100ml)	2.500	3.000

Ghi chú: Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử;

Nhận xét: Kết quả quan trắc chất lượng nước thải sau hệ thống xử lý tại Cơ sở hiện nay có các thông số quan trắc nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 40:2011/BTNMT, cột A. Như vậy, hệ thống xử lý nước thải của Cơ sở hiện nay vận hành ổn định, xử lý nước thải đạt quy chuẩn theo quy định trước khi xả thải ra môi trường. Trong thời gian tới, Công ty tiếp tục tuân thủ vận hành hệ thống xử lý nước thải liên tục, ổn định. Đồng thời, định kỳ sẽ tiến hành vệ sinh, bảo dưỡng máy bơm, máy thổi khí, đường ống hóa chất để đảm bảo hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải, nước thải được xử lý đảm bảo chất lượng theo quy định trước khi xả thải ra môi trường.

5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải.

- Thời gian quan trắc: 20/06/2023

- Vị trí các điểm quan trắc: Khu vực cổng bảo vệ (K1); Khu vực xưởng (K2);

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 05:2013/BTNMTl; QCVN 02,03:2019/BYT;

- Đơn vị thực hiện quan trắc Số Vimcerts: Công ty Cổ phần phát triển và phân tích

Môi trường Pacific, Vimcerts 303;

Bảng 5.2. Kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí tại Cơ sở

Thông số / Vị trí	Độ ồn (dBA)	Bụi (mg/m^3)	SO_2 (mg/m^3)	NO_2 (mg/m^3)	CO (mg/m^3)
Khu vực cổng (K1)	61,5	0,125	0,074	0,058	5,43
QCVN 26: 2010/BTNMT	6h-21h: **70** 21h-6h: **55**	-	-	-	-
QCVN 05: 2013/BTNMT	-	**0,3**	**0,35**	**0,2**	**30**
Khu vực xưởng (K2)	70,1	0,257	0,084	0,063	6,74
QCVN 24:2016/BTNMT	**≤85**	-	-	-	-
QCVN 02, 03:2019/BYT	-	**8**	**10**	**10**	**40**

Ghi chú: Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm lấy mẫu.

Nhận xét:

Căn cứ theo kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí xung quanh; không khí tại khu vực xưởng và tiếng ồn tại nhà máy, có thể đánh giá chất lượng môi trường không khí tại nhà máy hiện nay như sau:

+ Chất lượng môi trường không khí khu vực xung quanh đạt giới hạn cho phép của QCVN 05: 2013/BTNMT và Tiếng ồn đạt Quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT.

+ Chất lượng môi trường không khí khu vực xưởng sản xuất nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 02, 03: 2019/BYT và Tiếng ồn nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 24:2016/BYT.

Như vậy, chất lượng môi trường không khí tại Cơ sở hiện nay chưa có dấu hiệu bị ô nhiễm; hoạt động sản xuất của Cơ sở chưa gây ra các tác động tiêu cực đến chất lượng môi trường không khí xung quanh tại khu vực. Đồng thời, môi trường làm việc của người lao động được đảm bảo. Công ty sẽ tuân thủ thực hiện các biện pháp giảm thiểu các nguồn thải cũng như các giải pháp an toàn sản xuất đối với người lao động.

Chương VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. Kế hoạch vận hành công trình xử lý chất thải.

Vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải được thực hiện theo quy định tại Điều 46 Luật bảo vệ môi trường và Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của công ty gồm các công trình:

- Hệ thống xử lý nước thải, công suất 4,5 m^3/ngày

6.1.1. Thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm.

- Thời gian bắt đầu vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải: quý 4/2023
- Thời gian kết thúc vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải: quý 1/2024.
- Công suất xử lý đạt được: 90%.

6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

** Quan trắc đối với công trình xử lý nước thải:* Việc lấy mẫu nước thải để đo đạc, phân tích, đánh giá sự phù hợp của công trình xử lý nước thải bảo đảm phù hợp với TCVN 5999:1995 (ISO 5667-10:1992) về chất lượng –lấy mẫu và hướng dẫn lấy mẫu nước thải. Mẫu tổ hợp và tần suất được quy định như sau:

- Mẫu tổ hợp: một mẫu tổ hợp được lấy theo thời gian gồm 03 mẫu đơn lấy ở 03 thời điểm khác nhau trong ngày (sáng, trưa - chiều, chiều - tối) hoặc ở 03 thời điểm khác nhau (đầu, giữa, cuối) của ca sản xuất, được trộn đều với nhau;
- Thời gian đánh giá trong giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý nước thải ít nhất là 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.
- Thời gian đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải ít nhất là 03 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý nước thải.

Bảng 6.1. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

STT	Vị trí	Số lượng	Thông số quan trắc	Thời gian lấy dự kiến
1	**Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của hệ thống xử lý nước thải, công suất thiết kế 4,5 m^3/ngày**			
1.1	Nước thải đầu vào	3 mẫu tổ hợp	pH, TSS, COD, BOD_5, Amoni, tổng N, tổng P, tổng Coliform.	Được lấy mẫu tổ hợp trong 75 ngày vận hành thử nghiệm cứ 15 ngày lấy mẫu 1 lần. - Thời gian bắt đầu: quý 4/2023.
1.2	Nước thải đầu ra	3 mẫu tổ hợp		

STT	Vị trí	Số lượng	Thông số quan trắc	Thời gian lấy dự kiến
II	**Giai đoạn vận hành ổn định của hệ thống xử lý nước thải, công suất thiết kế 4,5 m^3/ngày**			
2.1	Nước thải đầu ra	03 mẫu đơn	pH, TSS, COD, BOD_5, Amoni, tổng N, tổng P, tổng Coliform.	Lấy mẫu đơn 3 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình, thiết bị xử lý chất thải (1 ngày 1 mẫu) bắt đầu từ quý 1/2024.

Ghi chú: Trường hợp bất khả kháng không thể đo đạc, lấy và phân tích mẫu đúng ngày dự kiến thì phải thực hiện đo đạc, lấy và phân tích mẫu sang ngày kế tiếp.

6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

*** Quan trắc nước thải:**

- Vị trí quan trắc: sau hệ thống xử lý nước thải (NT).
- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần.
- Thông số giám sát: pH, TSS, COD, BOD5, Amoni, tổng N, tổng P, tổng Coliform.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT, cột A.

6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải: không có

(Dự án không thuộc quy định tại Phụ lục XXVIII ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP)

6.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ , quan trắc môi trường tự động, liên tục khác

***Giám sát chất thải rắn, chất thải thông thường:**

Chủ Cơ sở sẽ thống kê, theo dõi lượng chất thải thông thường, chất thải sinh hoạt, phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở.

*** Chất thải nguy hại**

- Vị trí giám sát: Khu vực lưu trữ chất thải nguy hại.
- Thông số giám sát: Khối lượng, chứng từ thu gom, thành phần.
- Tần suất giám sát: thường xuyên
- Quy chuẩn so sánh: Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

**** Giám sát phòng chống sự cố cháy nổ***

- Kiểm tra và trang bị đầy đủ các thiết bị PCCC.

- Thường xuyên giám sát cháy nổ tại khu vực dự án vì có khả năng chập điện dẫn đến cháy nổ.
- Tần suất kiểm tra: Liên tục trong thời gian vận hành.

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm: *Kinh phí quan trắc nước thải: 10.000.000 VNĐ/năm.*

Chương VII
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Công ty đã bị Uỷ ban nhân dân tỉnh thị xã Bến Cát xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi hoạt động không có hồ sơ môi Giấy phép môi trường trường tại Văn bản số 24/KL-UBND ngày 05 tháng 09 năm 2023.

Chương VIII
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Công ty Cổ phần May Nalt cam kết những thông tin, số liệu nêu trong báo cáo là đúng sự thực; nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Trong quá trình hoạt động Công ty Cổ phần May Nalt cam kết bảo đảm xử lý các chất thải tuân thủ theo đúng các tiêu chuẩn môi trường Việt Nam cũng như quy định của các công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, cột A.
- Môi trường không khí đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh QCVN 05 :2013/BTNMT.
- Tiếng ồn đạt tiêu chuẩn QCVN 24:2016/BYT và QCVN 26:2010/BTNMT.
- Môi trường không khí khu vực nhà xưởng đáp ứng - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động và các quy định hiện hành; QCVN 22:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng - Mức chiếu sáng cho phép tại nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT
- Chất thải rắn sinh hoạt được quản lý và chuyển giao theo quy định tại Điều 58 theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.
- Chất thải rắn công nghiệp thông thường được quản lý và chuyển giao theo duy định tại Điều 66 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022.
- Chất thải nguy hại được xử lý tuân thủ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Công ty cam kết thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ và trình lên cơ quan nhà nước đúng quy định và công tác bảo vệ môi trường hàng năm theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.
- Công ty cam kết thực hiện các biện pháp phòng chống cháy nổ đúng quy định.

Chịu trách nhiệm trước Pháp luật nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam nếu vi phạm các công ước quốc tế, các tiêu chuẩn môi trường Việt Nam và để xảy ra các sự cố môi trường./.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Các pháp lý liên quan khác của dự án.
- Bản vẽ thiết kế công trình hệ thống xử lý nước thải;
- Các phiếu kết quả đo đạc, phân tích mẫu môi trường
- Sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc môi trường;

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH BÌNH DƯƠNG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN SAO

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Mã số doanh nghiệp: 3700441693

Đăng ký lần đầu: ngày 01 tháng 08 năm 2002

Đăng ký thay đổi lần thứ: 13, ngày 09 tháng 02 năm 2021

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC NALT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NALT GARMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: NALT

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 315A, Tổ 14, Ấp Tân Lập, Xã An Điền, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: *0274.578304* Fax: *0274.578308*

Email: *trangyw@yahoo.com* Website:

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 7.264.000.000 đồng.

Bằng chữ: Bảy tỷ hai trăm sáu mươi bốn triệu đồng

Bảy tỷ hai trăm sáu mươi bốn triệu đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 726.400

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: PHAN LÊ DIỄM TRANG Giới tính: *Nữ*

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: *10/09/1971* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *022473791*

Ngày cấp: *30/06/2010* Nơi cấp: *Công an Thành phố Hồ Chí Minh*

Địa chỉ thường trú: *468/5 Nguyễn Tri Phương, Phường 09, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *468/5 Nguyễn Tri Phương, Phường 09, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực: 80564 Quyển số: 01 SCT/BS

Ngày: 19 -10- 2022

CÔNG CHỨNG VIÊN

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN VĂN LỚP

Nguyễn Văn Lớp

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Nguyễn Thị Thanh Xuân

Được quét bằng CamScanner

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Kèm theo Giấy chứng nhận này có Trang bổ sung số: 01

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

742584012000147

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN MAY QUỐC TẾ

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp doanh nghiệp tư nhân mã số doanh nghiệp 3700441693. Đăng ký lần đầu ngày 01/8/2002
Đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 16/8/2011
do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp
Địa chỉ: Tổ 14, ấp Tân Lập, xã An Điền, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

BI 674048

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất

a) Thửa đất số: 367 , tờ bản đồ số: 19

b) Địa chỉ: xã An Điền, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

c) Diện tích: 2000,0 m^2, (bằng chữ: Hai nghìn phẩy không mét vuông)

d) Hình thức sử dụng: riêng: 2000,0 m^2 , chung: không m^2

đ) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh (SKC)

e) Thời hạn sử dụng: đến tháng 07/2031

g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: Công trình công nghiệp

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m^2)	Diện tích sàn hoặc công suất	Kết cấu chủ yếu	Cấp công trình	Số tầng	Năm HT xây dựng	Thời hạn sở hữu
Nhà xưởng	1512	1512	Móng, đà kiềng bằng BTCT. Cột, vì kèo, xà gồ bằng thép. Mái lợp tole. Tường xây gạch + tường tôn, sơn nước. Nền bê tông.	III	01	-/-	-/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

- Chuyển đổi tên bà Phan Lê Diễm Trang thành Doanh nghiệp tư nhân may Quốc tế (do bà Phan Lê Diễm Trang làm chủ doanh nghiệp), với diện tích 2.000,0m^2 (đất cơ sở sản xuất, kinh doanh).
- Thửa 367, tờ bản đồ số 19 được tách từ thửa 52, tờ bản đồ 19 (thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 771821 ngày 08/7/2011) và chứng nhận tài sản gắn liền với đất.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 27302 Quyển số SCT/BS
Ngày 07-09-2022
Công chứng viên
HUỲNH NGỌC MINH

Huỳnh Ngọc Minh

Bình Dương, ngày 14 tháng 5 năm 2012
TM. UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
TUQ. CHỦ TỊCH
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Phạm Danh

Số vào sổ cấp GCN: CT01820

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Kèm theo bản vẽ mặt bằng tổng thể của Doanh nghiệp tư nhân May Quốc tế

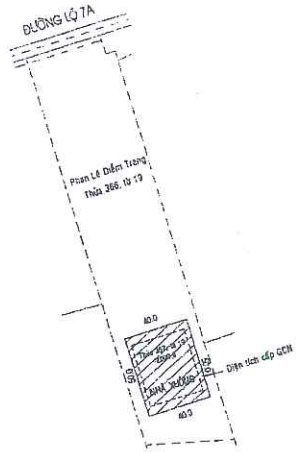

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Doanh nghiệp tư nhân may Quốc tế đổi tên thành Công ty TNHH May mặc Nalt theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên, mã số doanh nghiệp: 3700441693, đăng ký lần đầu ngày 01/8/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 05/7/2017 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp; đổi chuyển đổi hình thức doanh nghiệp; địa chỉ trụ sở chính: Số 315A, tổ 14, ấp Tân Lập, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương; đổi tên xã An Điền, huyện Bến Cát thành xã An Điền, thị xã Bến Cát; theo hồ sơ số 15369	PHÓ GIÁM ĐỐC Nguyễn Thị Tuyết
Đổi tên từ Công ty TNHH May mặc Nalt thành Công ty Cổ phần May mặc Nalt; thay đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty TNHH một thành viên thành Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần mã số danh nghiệp: 3700441693, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 10/11/2020, do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp theo hồ sơ số 02113. Đổi tên thửa đất từ huyện Bến Cát thành thị xã Bến Cát. Địa chỉ trụ sở chính: số 315A, Tổ 14, Ấp Tân Lập, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.	PHÓ GIÁM ĐỐC 13/01/2021 VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH BÌNH DƯƠNG Nguyễn Chiến Thắng

TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số: 367 **Tờ bản đồ số: 19**

Số phát hành GCN: BI 674048 **Số vào sổ cấp GCN: CT01820**

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương (Đ/c: số 314 Đại lộ Bình Dương, p.Phú Hòa, tp.Thủ Dầu Một, t.Bình Dương) theo hồ sơ số 1003/quyển số 02/2012.	PHÓ GIÁM ĐỐC Phạm Thanh Tùng
Nội dung đã đăng ký thế chấp ngày 11/12/2012 có thay đổi: Thay thế bên nhận thế chấp thành Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Bình Dương (Đ/c: Đường NA3, KCN Mỹ Phước 2, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương) theo hồ sơ số 958/quyển số 02/2014.	PHÓ GIÁM ĐỐC Trần Thị Tâm
Xoá nội dung đăng ký thế chấp ngày 11/12/2012 theo hồ sơ số 959/quyển số 02/2014.	PHÓ GIÁM ĐỐC Trần Thị Tâm
Thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Bình Dương (Đ/c: Đường NA3, KCN Mỹ Phước 2, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương) theo hồ sơ số 960/quyển số 02/2014.	PHÓ GIÁM ĐỐC Trần Thị Tâm
Nội dung đã đăng ký thế chấp ngày 27/11/2014 có thay đổi: Thay đổi tên bên thế chấp thành Công ty TNHH May Inae Vina theo hồ sơ số 722/quyển số 02/2017.	PHÓ GIÁM ĐỐC Nguyễn Thị Tuyết
Xoá nội dung đăng ký thế chấp ngày 27/11/2014 theo hồ sơ số 1232/quyển số 02/2017.	PHÓ GIÁM ĐỐC Nguyễn Thị Tuyết

Trang bổ sung này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý.

Trang bổ sung số: 01.

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Ngân hàng TMCP An Bình – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Đ/c: 170 Hai Bà Trưng, phường Đakao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh) theo hồ sơ số 1234/quyển số 02/2017. Tính đến thời điểm này, tài sản thế chấp gồm: - Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (đã xác nhận đăng ký ngày 08/12/2017)	PHÓ GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH BÌNH DƯƠNG Nguyễn Thị Tuyết
Xoá nội dung đăng ký thế chấp ngày 08/12/2017 theo hồ sơ số 912/quyển số 02/2018.	PHÓ GIÁM ĐỐC 26 7 2018 VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH BÌNH DƯƠNG Nguyễn Thị Tuyết
Thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Đ/c: một phần tầng hầm B1, một phần tầng trệt, trọn tầng lửng, tầng lầu 01, 02, 03, 04, 05, 07 và 08 Tòa nhà VBB, số 5 Công trường Mê Linh, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh) theo hồ sơ số 913/quyển số 02/2018.	PHÓ GIÁM ĐỐC 26 7 2018 VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH BÌNH DƯƠNG Nguyễn Thị Tuyết
Xoá nội dung đăng ký thế chấp ngày 26/7/2018 theo hồ sơ số 01650.	PHÓ GIÁM ĐỐC 24 5 2021 VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH BÌNH DƯƠNG Nguyễn Thị Tuyết
Thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Ngân hàng TMCP An Bình – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Đ/c: 170 Hai Bà Trưng, phường Đakao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh) theo hồ sơ số 220413-0057. Tính đến thời điểm này, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất – xác nhận đăng ký ngày 11/4/2022	PHÓ GIÁM ĐỐC 11 4 2022 VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH BÌNH DƯƠNG Nguyễn Thị Tuyết
	(Chuyển tiếp Trang bổ sung số: ...)

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CÁT	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 281 /TB-UBND	*Bến Cát, ngày 11 tháng 6 năm 2012.*

THÔNG BÁO

Về việc chấp nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường của Dự án: "Xây dựng kho chứa hàng may mặc của DNTN May Quốc Tế" tại tổ 14, ấp Tân Lập, xã An Điền, huyện Bến Cát.

Sau khi xem xét hồ sơ đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường của Dự án: "Xây dựng kho chứa hàng may mặc của DNTN May Quốc Tế", Ủy ban nhân dân huyện Bến Cát xin thông báo như sau:

1. Bản cam kết bảo vệ môi trường của Dự án: "Xây dựng kho chứa hàng may mặc của DNTN May Quốc Tế" đã được đăng ký tại Ủy ban nhân dân huyện Bến Cát.

2. DNTN May Quốc Tế có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ những nội dung nêu trong bản cam kết bảo vệ môi trường.

3. Bản cam kết bảo vệ môi trường được đăng ký và Thông báo này là căn cứ để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai thực hiện Dự án: "Xây dựng kho chứa hàng may mặc của DNTN May Quốc Tế".

4. DNTN May Quốc Tế phải báo cáo với Ủy ban nhân dân huyện Bến Cát khi có những thay đổi, điều chỉnh nội dung bản cam kết bảo vệ môi trường và chỉ được thực hiện khi có sự chấp nhận bằng văn bản của Ủy ban nhân dân huyện Bến Cát./.

Nơi nhận:
- DNTN May Quốc Tế;
- UBND xã An Điền (để biết);
- Phòng TN-MT huyện;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Phương Nam

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
Số : ...1940...../GPXD

1. Cấp cho: Doanh nghiệp tư nhân May Quốc Tế.

- Địa chỉ trụ sở chính: Đường Lộ 7A, xã An Điền, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

2. Được phép xây dựng công trình theo những nội dung sau:

- Tên loại công trình: Công trình công nghiệp.

- Vị trí xây dựng: Thửa đất số: 52; Tờ bản đồ: 19, đường Lộ 7A, xã An Điền, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 771821 (vào sổ số CH02604) ngày 08/7/2011 do UBND huyện Bến Cát cấp cho Doanh nghiệp tư nhân May Quốc Tế Diện tích đất: 2000m^2 đất sản xuất kinh doanh.

- Chỉ giới đường đỏ: 11,5m, tính từ mép đường Lộ 7A.

- Chỉ giới xây dựng: 11,5m, tính từ mép đường Lộ 7A.

- Chỉ giới xây dựng công trình được cấp: Tính từ mép đường Lộ 7A đến mép trục 1 là 243,8m.

- Hạng mục công trình: Nhà xưởng.

- Cấp công trình: Cấp III.

- Số tầng: 1 tầng.

- Diện tích xây dựng: 1512m^2.

- Cốt nền xây dựng công trình (so với cốt sân): +0,300m.

- Chiều cao toàn bộ công trình (so với cốt sân): +15,570m.

- Cấu trúc: Móng, đà kiềng bằng bê tông cốt thép; Cột, vì kèo. xà gồ bằng thép; Mái lợp tôn; Tường xây gạch + Tường tôn, sơn nước; Nền lát gạch thạch anh; Cửa sắt kính.

- Bản vẽ thiết kế có kí hiệu TT 01; KT 01-11; KC 01-05; ĐTT 01; NTT 01; PC 01-02; CS 01; Đ 01 do Công ty TNHH Phúc Tân Khang lập và chịu trách nhiệm về độ bền vững của công trình.

3. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày cấp; quá thời hạn khởi công xây dựng thì phải xin gia hạn giấy phép.

Bình Dương, ngày 04 tháng 11 năm 2011

Nơi nhận :
- Như trên;
- G. Đốc SXD;
- Phòng QL HĐXD;
- Lưu: VT, V.Minh.

GIÁM ĐỐC

SỞ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG

Trần Văn Dũng

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1- Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.

2- Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và giấy phép xây dựng này.

3- Thông báo ngày khởi công cho ủy ban nhân dân phường, xã- thị trấn nơi xây dựng công trình trong thời hạn 7 ngày trước khi khởi công xây dựng.

4- Xuất trình giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng.

5- Khi cần thay đổi thiết kế phải báo cáo và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

6- Chủ đầu tư phải thực hiện việc thẩm định phòng cháy và chữa cháy cho hạng mục công trình đúng theo quy định.

GIA HẠN GIẤY PHÉP

1- Nội dung gia hạn:.....

.....

.....

2- Thời hạn có hiệu lực của giấy phép:.....

.....

.....

Bình Dương, ngày ..... tháng ..... năm .....

GIÁM ĐỐC

BỘ CÔNG AN
SỞ CS PCCC T. BÌNH DƯƠNG
Số: ...50.../TD-PCCC (..BC)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu PC1
BH theo Thông tư số: 04/2004/TT-BCA
Ngày 31-3-2004 - In 2007

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ - CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số...01/CV.ngày...20./..02./...2012

của: .....DNTN MAY QUỐC TẾ.....

Người đại diện là ông/ bà:.....Phan Lê Diễm Trang..... Chức danh ...Giám đốc.....

(1)...**Sở Cảnh sát PCCC tỉnh Bình Dương**

CHỨNG NHẬN:

(2).....NHÀ XƯỞNG MỞ RỘNG.....

Địa điểm: .....Xã An Điền, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.....

Chủ đầu tư/ chủ phương tiện:.....DNTN MAY QUỐC TẾ.....

Đơn vị lập dự án/ thiết kế: .Công ty TNHH Phúc Tân Khang.....

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau: .....

- Kiến trúc
- Kết cấu
- Hệ thống cấp nước chữa cháy
- Hệ thống báo cháy tự động
- Hệ thống chữa cháy tự động

.....theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo: (3).....Lắp đặt đèn chiếu sáng sự cố theo Mục 5.TCVN 3890-2009; Trung tâm báo cháy phải đặt ở nơi có người trực 24/24h, phải được tiếp đất bảo vệ theo Mục 5.2 9.2.TCVN 5738-2001; Khoảng cách giữa hai đầu phun spinkler <=4m, giữa đầu phun tới tường <=2m theo Mục 6.TCVN 7336-2003; Tại các cửa cuốn thiết kế thêm 01 cửa có cánh mở ra ngoài (0,8x1,9m) theo Mục 3.2.9.QCVN 06:0210/BXD; Trang bị máy bơm chữa cháy có lưu lượng 113 l/s theo Mục 10 TCVN 2622-1995; Tổ chức nghiệm thu công trình trước khi đưa vào hoạt động theo Điều 16 Luật PCCC

Bình Dương ngày .04...tháng ..05...năm 2012.....

(4).....GIÁM ĐỐC.....

GIÁM ĐỐC

Đại tá Lê Anh Việt

Nơi nhận:
- Cục CS PCCC (Báo cáo);
- DNTN MAY QUỐC TẾ;
- Lưu P2(1);
- Lưu Phòng CS PCCC huyện Bến Cát(2).
.....

(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy; (2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.
(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp; (4) Chức danh người ký giấy (ký tên, đóng dấu).

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT VỀ PCCC

SỐ TT	TÊN TÀI LIỆU, BẢN VẼ	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
	Các bản vẽ thiết kế kỹ thuật	TT 01/01	
		KT 01/11-11/11	
		KC 01/05-05/05	
		ĐTT 01/01	
		NTT 01/01	
		PC 01/01	
		S 01/01	
		Đ 01/01	
		PC 01/02-02/02	

BỘ CÔNG AN
CẢNH SÁT PC&CC
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Số: 80 /CSPCCC-S4

V/v xác nhận nghiệm thu hệ thống phòng cháy chữa cháy

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 4 tháng 3 năm 2015

Kính gửi: Doanh nghiệp tư nhân may Quốc Tế

Xét công văn đề nghị số 0115/CV ngày 19 tháng 01 năm 2015 của Doanh nghiệp tư nhân may Quốc Tế về việc nghiệm thu hệ thống phòng cháy chữa cháy cho công trình: Nhà xưởng mở rộng. Địa điểm xây dựng: Xã An Điền, Thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ vào hồ sơ thẩm duyệt số 50/TD-PCCC(BC) ngày 01/3/2012; hồ sơ nghiệm thu hệ thống PCCC của công trình và biên bản kiểm tra nghiệm thu hệ thống PCCC do đại diện các bên liên quan lập ngày 11 tháng 02 năm 2015.

Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy tỉnh Bình Dương đồng ý nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy đối với công trình trên với những nội dung sau:

- Hệ thống báo cháy tự động, hệ thống cấp nước chữa cháy, hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler lắp đặt theo đúng thiết kế được phê duyệt.

- Hệ thống hoạt động đúng chức năng thiết kế.

Để hệ thống luôn sẵn sàng thường trực và hoạt động theo chức năng thiết kế, đơn vị chủ quản phải có trách nhiệm duy trì hoạt động kiểm tra, bảo trì hệ thống đúng theo hướng dẫn và quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Phòng 2(1);
- Lưu: Phòng CSPCCC Số 4(2).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CẢNH SÁT PC VÀ CC TỈNH BÌNH DƯƠNG

Đại tá Lê Anh Việt

CÔNG TY TNHH MT
CAO GIA QUÝ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THU GOM XỬ LÝ CHẤT THẢI

Số: 0485/2022/CGQ

- *Căn cứ Luật Bảo Vệ Môi Trường số 72/2020/QH14 do Quốc Hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2022;*
- *Căn cứ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 và Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005;*
- *Căn cứ Nghị định 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;*
- *Căn cứ Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ Tài nguyên Môi trường về quản lý chất thải nguy hại;*
- *Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại (mã số QLCTNH 1-2-3-4-5-6.053.VX) do Bộ Tài Nguyên và Môi Trường cấp lần thứ 02 ngày 16/03/2020;*
- *Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của hai bên.*

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2022, chúng tôi gồm có :

BÊN A **CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC NALT**

Địa chỉ : Số 315A, tổ 14, Ấp Tân Lập, Xã An Điền, Thị Xã Bến Cát, Bình Dương

Điện thoại : 02713 578 304

Mã số thuế : 3700441693

Đại diện : Bà **Phan Lê Diễm Trang** Chức vụ: **Giám Đốc**

BÊN B: **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ**

Địa chỉ : Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Điện thoại : 0769 000 769 Fax:

MST : 3800743345

Tài khoản : 1020808305 tại NH Vietcombank CN Bình Phước

Đại diện : Bà **Nguyễn Thị Lài** Chức vụ: **Phó Giám đốc**

Cùng thỏa thuận ký kết Hợp đồng thu gom xử lý chất thải với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: Nội dung hợp đồng

1.1 Bên A đồng ý cho bên B thu gom, vận chuyển, xử lý các loại chất thải nguy hại (CTNH) và chất thải công nghiệp thông thường không nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh của bên A.

1.2 Bên B sẽ xử lý các loại chất thải theo giấy phép xử lý chất thải nguy hại (mã số QLCTNH 1-2-3-4-5-6.053.VX) tại nhà máy của Công ty TNHH MT Cao Gia Quý, địa chỉ Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

ĐIỀU 2: Danh mục CTNH, số lượng, giá cả

2.1 Số lượng và loại chất thải giao nhận: Sẽ xác định bằng biên bản (hoặc chứng từ CTNH) theo số cân thực tế giao nhận giữa hai bên.

2.2 Đơn giá xử lý theo bảng giá trị sau:

STT	Loại chất thải	Mã CTNH	Đơn giá xử lý
1	Dầu nhớt thải	17 02 04	12.000.000 (VNĐ/năm)
2	Keo cổ áo thải	08 03 01	
3	Thùng đựng dầu nhớt thải	18 01 01	
4	Hộp mực in thải	08 02 04	
5	Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	
6	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 06	
7	Giẻ lau dính dầu nhớt	18 02 01	
8	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	
9	Chất thải công nghiệp thông thường không nguy hại : vải vụn		1.500 (VNĐ/Kg)

Ghi chú:

- *Đơn giá trên đã bao gồm chi phí vận chuyển và xử lý chất thải.*
- *Đơn giá trên chưa bao gồm thuế GTGT.*
- *Tần suất thu gom đối với chất thải nguy hại: 01 lần/năm, khối lượng chuyển giao không vượt quá 400 kg/năm. Đơn giá vượt 6.000đ/kg.*
- *Tần suất thu gom đối với chất thải công nghiệp: theo yêu cầu.*

ĐIỀU 3: Phương thức thanh toán

Bên A thanh toán 100% chi phí xử lý khoán cho bên B bằng chuyển khoản trong thời gian 07 ngày kể từ ngày hợp đồng được ký kết .

Sau mỗi đợt thu gom chất thải công nghiệp không nguy hại, hai bên xác nhận khối lượng và bên B xuất hóa đơn xử lý cho bên A. Trong vòng 07 ngày bên A phải thanh toán đầy đủ cho bên B.

ĐIỀU 4: Trách nhiệm hai bên

1.Trách nhiệm bên A

- Phân loại, lưu giữ chất thải thành từng nhóm, loại riêng biệt theo quy định của Thông tư 36/2015/TT-BTNMT và quy định hiện hành về quản lý chất thải rắn của Nhà nước Việt Nam;
- Thông báo thời gian thu gom cho bên B trước 02 (hai) ngày;
- Trường hợp bên A tự ý giao CTNH cho phương tiện vận chuyển khác không nằm trong danh mục Giấy phép xử lý của bên B thì khi có sự cố xảy ra bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật;

- Trong thời gian Hợp đồng còn hiệu lực, nếu bên A có bất kỳ sự thay đổi nào như : tên Công ty, Mã số thuế, địa chỉ thì phải thông báo cho bên B biết. Nếu không, mọi sai sót về sau bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ của bên B thực hiện Hợp đồng;
- Thanh toán kinh phí thực hiện đúng theo Điều 3 của Hợp đồng.

2.Trách nhiệm bên B

- Vận chuyển chất thải từ kho chứa của bên A (địa chỉ như trên) và xử lý tại Nhà máy của bên B theo quy định hiện hành về quản lý chất thải nguy hại của Nhà nước Việt Nam;
- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để chất thải rò rỉ ra môi trường sau khi chất thải đã được vận chuyển ra khỏi kho chứa của bên A;
- Không nhận chất thải ngoài danh mục, cũng như chất thải có tính chất khác biệt so với chất thải đã đưa ra trong hợp đồng;
- Phối hợp với Bến A lập và giao nhận chứng từ CTNH theo quy định của Thông tư 36/2015/TT-BTNMT;
- Khi thu gom vận chuyển CTNH, bên B chỉ sử dụng đúng các phương tiện vận chuyển nằm trong danh mục Giấy phép xử lý chất thải nguy hại mã QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.053.VX do Bộ Tài Nguyên Môi Trường cấp. Nếu bên B sử dụng không đúng phương tiện vận chuyển được cấp phép, bên B sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm.

ĐIỀU 5: Điều khoản chung

- Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản đã thỏa thuận trên. Nếu có vấn đề phát sinh hai bên cùng nhau bàn bạc giải quyết. Nếu không giải quyết được sẽ đưa sự việc ra Tòa án để giải quyết, quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng;
- Khi có bất kỳ sự thay đổi, bổ sung nội dung của Hợp đồng, thì hai bên sẽ tiến hành ký kết Phụ lục Hợp đồng.

ĐIỀU 6: Hiệu lực của Hợp đồng

- Nếu một trong hai bên muốn chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn, thì phải báo trước cho Bên kia 30 (ba mươi) ngày bằng Văn bản;
- Sau khi hết hạn Hợp đồng, nếu hai Bên không tiếp tục ký gia hạn, thì Hợp đồng này được xem như bản thanh lý;
- Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 02 bản có hiệu lực 01 năm kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
PHAN LÊ DIỄM TRANG	NGUYỄN THỊ LÀI

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 24 /KL-UBND	*Bến Cát, ngày 05 tháng 9 năm 2023*

KẾT LUẬN KIỂM TRA

Về việc chấp hành pháp luật về công tác bảo vệ môi trường đối với Công ty Cổ phần May mặc Nalt; địa chỉ: xã An Điền, thị xã Bến Cát

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Xét Báo cáo số 3412/BC-TNMT ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Trưởng Đoàn kiểm tra theo Quyết định số 2059/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của Chủ tịch UBND thị xã về kết quả kiểm tra việc chấp hành pháp luật về công tác bảo vệ môi trường đối với Công ty Cổ phần May mặc Nalt; địa chỉ: xã An Điền, thị xã Bến Cát.

Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát kết luận kết quả kiểm tra việc chấp hành pháp luật về công tác bảo vệ môi trường đối với Công ty Cổ phần May mặc Nalt như sau:

I. HỒ SƠ PHÁP LÝ

- Công ty Cổ phần May mặc Nalt *(chuyển đổi từ Doanh nghiệp tư nhân May Quốc tế)* thành lập hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3700441693 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 8 năm 2002, đăng ký thay đổi lần thứ 13, ngày 09 tháng 02 năm 2021.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CT01820 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 03 tháng 5 năm 2012 cho Doanh nghiệp tư nhân May Quốc tế *(nay là Công ty Cổ phần May mặc Nalt)* tại thửa đất số 367, tờ bản đồ số 19, diện tích 2.000 m^2, mục đích sử dụng: SKC, thời hạn sử dụng đến tháng 07 năm 2031.

- Thông báo số 281/TB-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân huyện Bến Cát *(nay là thị xã Bến Cát)* về việc chấp nhận đăng ký cam kết bảo vệ môi trường của Dự án "Xây dựng kho chứa hàng may mặc của Doanh nghiệp tư nhân May Quốc tế" tại tổ 14, ấp Tân Lập, xã An Điền, thị xã Bến Cát.

- Giấy phép xây dựng số 1940/GPXD do Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương cấp ngày 04 tháng 11 năm 2011 cho Doanh nghiệp tư nhân may Quốc tế *(xây dựng nhà xưởng cấp III, 01 tầng, diện tích 1.512 m^2)*.

- Công văn số 80/CSPCCC-S4 ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Cảnh sát

PC&CC tỉnh Bình Dương về xác nhận nghiệm thu hệ thống PCCC của Doanh nghiệp tư nhân may Quốc tế.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA

Tại thời điểm kiểm tra, Công ty Cổ phần May mặc Nalt đang hoạt động ngành nghề: sản xuất các sản phẩm may mặc; công suất 350.000 sản phẩm/năm. Diện tích mặt bằng sản xuất 1.512 m^2. Số lượng công nhân viên hiện tại 77 người. Vốn đầu tư: 7.264.000.000 đồng.

Theo ý kiến trình bày của đại diện Công ty Cổ phần May mặc Nalt: Công ty bắt đầu hoạt động sản xuất hàng may mặc từ tháng 01 năm 2023 đến nay tại thửa đất số 367, tờ bản đồ số 19, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Kết quả kiểm tra cho thấy hiện trạng công tác bảo vệ môi trường tại Công ty Cổ phần May mặc Nalt như sau:

1. Công tác bảo vệ môi trường

a) Về nước thải

- Nước thải sinh hoạt: phát sinh với lưu lượng khoảng 03 m^3/ngày đêm, được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung *(công suất thiết kế 4,5 m^3/ngày đêm)* của Công ty để xử lý theo quy trình sau: Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn, nước rửa tay chân theo đường ống nhựa HDPE Ø34 dẫn về hố thu → bể điều hòa → bể hiếu khí vi sinh → bể lắng → bể khử trùng → nguồn tiếp nhận *(hiện nước thải sau xử lý được đấu nối vào mương dẫn thoát nước mưa trong khuôn viên Công ty)*.

Liên quan đến việc đấu nối nước thải sau hệ thống xử lý của Công ty Cổ phần May mặc Nalt, Công ty đã được Ủy ban nhân dân thị xã chấp thuận đấu nối nước thải sau xử lý vào hệ thống thoát nước đường Lộ 7A (ĐH 606), ấp Tân Lập, xã An Điền tại Công văn số 2128/UBND-KT ngày 05 tháng 6 năm 2023. Hiện Công ty đang phối hợp với đơn vị tư vấn thiết lập hồ sơ thiết kế để trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, cấp phép thi công đấu nối theo quy định; dự kiến công trình sẽ được hoàn thành vào khoảng ngày 10 tháng 9 năm 2023.

- Nước thải sản xuất: không phát sinh.

b) Về bụi và khí thải

Chủ yếu bụi phát sinh từ công đoạn cắt vải và may, lưu lượng không đáng kể, được phát tán tự nhiên.

c) Về chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Chất thải sinh hoạt: phát sinh với khối lượng khoảng 35 kg/ngày, được thu gom, phân loại, lưu chứa trong các thùng nhựa có nắp đậy thể tích 120L và hợp đồng với Chi nhánh Xử lý chất thải thuộc Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương để vận chuyển, xử lý.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường: chủ yếu là vải vụn, bao bì carton,... phát sinh với khối lượng khoảng 700 kg/tháng, được thu gom, phân

loại, lưu chứa trong nhà kho có nền bê tông, mái che và hợp đồng với Công ty TNHH Môi trường Việt Nam Sạch *(địa chỉ: số 312/40 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Phú Hòa, TP.Thủ Dầu Một)* để vận chuyển, xử lý.

- Chất thải nguy hại: chủ yếu bóng đèn huỳnh quang thải, giẻ lau dính dầu máy, dầu máy thải,... phát sinh với khối lượng khoảng 1,5 kg/tháng, được thu gom, phân loại, dán nhãn, lưu chứa trong nhà kho chứa chất thải nguy hại có nền bê tông, mái che, gờ chống tràn và hợp đồng với Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý *(địa chỉ: ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước)* để vận chuyển, xử lý.

d) Các vấn đề khác:

- Công ty đã thực hiện Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2022 và gửi về cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

- Công ty đã thực hiện nộp phí bảo vệ môi trường đối nước thải công nghiệp trong năm 2022 và 2023.

III. NHẬN XÉT VÀ KẾT LUẬN

1. Việc chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty Cổ phần May mặc Nalt hoạt động ngành nghề sản xuất các sản phẩm may mặc; công suất 350.000 sản phẩm/năm; vốn đầu tư: 7.264.000.000 đồng, nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 03 m^3/ngày đêm. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã chuyển đổi công năng từ kho chứa hàng may mặc sang hoạt động sản xuất hàng may mặc từ tháng 01 năm 2023 đến nay tại khu đất có diện tích 2.000m^2 (đất SKC) thuộc thửa đất số 367, tờ bản đồ số 19, ấp Tân Lập, xã An Điền; tuy nhiên, hoạt động sản xuất hàng may mặc của Công ty Cổ phần May mặc Nalt chưa có hồ sơ môi trường theo quy định. Công ty thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường

Không có giấy phép môi trường theo quy định thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường theo quy định thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp huyện. Cụ thể: Công ty Cổ phần May mặc Nalt hoạt động ngành nghề sản xuất các sản phẩm may mặc; công suất 350.000 sản phẩm/năm; vốn đầu tư: 7.264.000.000 đồng, nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 03 m^3/ngày đêm. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã chuyển đổi công năng từ kho chứa hàng may mặc sang hoạt động sản xuất hàng may mặc từ tháng 01 năm 2023 đến nay tại khu đất có diện tích 2.000m^2 (đất SKC) thuộc thửa đất số 367, tờ bản đồ số 19, ấp Tân Lập, xã An Điền; tuy nhiên, hoạt động sản xuất hàng may mặc của Công ty Cổ phần May mặc Nalt không có giấy phép môi trường theo quy định.

Hành vi trên vi phạm quy định tại điểm c khoản 2 Điều 14 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Khung phạt tiền đối với tổ chức từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng.

3. Biện pháp xử lý

Xử phạt vi phạm hành chính: Phạt tiền với mức tiền phạt là **65.000.000** đồng *(Sáu mươi lăm triệu đồng)*.

- Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải mà không có giấy phép môi trường theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 14 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ. Thời hạn thực hiện hình thức xử phạt bổ sung là 4,5 tháng kể từ ngày nhận được Kết luận kiểm tra.

- Biện pháp khắc phục hậu quả:

Dự án đầu tư trên thửa đất với mục đích sử dụng là đất sản xuất kinh doanh; ngành nghề hoạt động (sản xuất các sản phẩm may mặc) ít phát sinh chất thải; nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 03 m^3/ngày đêm, được thu gom và đưa về hệ thống xử lý. Mặt khác, nước thải sau hệ thống xử lý của Công ty Cổ phần May mặc Nalt đã được chấp thuận đấu nối vào hệ thống thoát nước đường Lộ 7A (ĐH 606). Qua đó, Ủy ban nhân dân thị xã không áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm của Công ty Cổ phần May mặc Nalt.

Ngoài ra, Ủy ban nhân dân thị xã yêu cầu Công ty Cổ phần May mặc Nalt trong quá trình hoạt động phải thực hiện các nội dung sau:

- Thực hiện thủ tục lập hồ sơ Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và nộp về Ủy ban nhân dân thị xã để được xem xét, cấp phép theo quy định. Thời hạn thực hiện chậm nhất trong quý IV năm 2023.

- Nước thải, khí thải phát sinh từ quá trình hoạt động đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật hiện hành. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đạt quy chuẩn kỹ thuật.

- Chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý và chuyển giao theo quy định tại Điều 58 theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải được quản lý và chuyển giao theo quy định tại Điều 66 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Chất thải nguy hại phải được thu gom, phân loại, lưu giữ kho, dán nhãn mác theo từng loại riêng và chuyển giao đầy đủ cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định tại Điều 68 và Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Công ty Cổ phần May mặc Nalt phải thực hiện nghiêm các yêu cầu của Kết luận kiểm tra này.

2. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp cùng các đơn vị có liên quan tổ chức công bố, bàn giao Kết luận kiểm tra Công ty Cổ phần May mặc Nalt; đồng thời, tham mưu Ủy ban nhân dân thị xã xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm của Công ty Cổ phần May mặc Nalt theo quy định và theo dõi việc thực hiện các yêu cầu của Kết luận kiểm tra đối với Công ty Cổ phần May mặc Nalt.

Trên đây là Kết luận kiểm tra của Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát về kết quả kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với Công ty Cổ phần May mặc Nalt./.

Nơi nhận:
- Cty CP May mặc Nalt;
- CT, các PCT;
- Phòng TNMT;
- UBND xã An Điền;
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Hồng

CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN TÍCH
MÔI TRƯỜNG PACIFIC
115 đường 5C, KDC Vĩnh Lộc, KP4, P.Bình Hưng Hòa B, Bình Tân, HCM.
Điện thoại: 0938624566
Email: moitruongpacific.jsc@gmail.com Web:moitruongpacific.com

VLAT - 1.0561
ISO/IEC 17025:2017
VIMCERTS 303

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 27/06/2023 *Số: 06.23.682 - 3*

1. Khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC NALT**
2. Địa điểm lấy mẫu: Số 315, tổ 14, ấp Tân Lập, xã An Điền, Thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.
3. Ngày lấy mẫu/ nhận mẫu: 20/06/2023 Ngày trả kết quả: 27/06/2023
4. Loại mẫu: Nước thải Số lượng: 01
5. Thông tin mẫu:

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Phương pháp quan trắc/lấy mẫu	Tình trạng/ thể tích mẫu
2006.MMN.NT01	Sau hệ thống xử lý nước thải	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016, TCVN 8880:2011	Mẫu nước trong/2lít

6. Kết quả:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp quan trắc/ thử nghiệm	Kết quả
				2006.MMN.NT01
1.	pH (*)	--	TCVN 6492:2011	7,38
2.	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	24,6
3.	BOD_5	mgO_2/L	TCVN 6001-1:2008	23,8
4.	COD	mgO_2/L	SMEWW 5220C:2017	49,1
5.	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	18,2
6.	Tổng Phospho	mg/L	TCVN 6202:2008	1,14
7.	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	2.500

Ghi chú:
- *Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử & tại thời điểm quan trắc/lấy mẫu.*
- *(*): Thông số được chứng nhận ISO/IEC 17025:2017.*
- *(**): Kết quả nhà thầu phụ được chứng nhận Vimcert.*
- *(a): Thông số không được BTNMT công nhận, không được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường, thử nghiệm theo yêu cầu khách hàng, chỉ mang tính chất tham khảo.*
- *(b): Nền mẫu không được BTNMT công nhận, nền mẫu không được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường, thử nghiệm theo yêu cầu khách hàng, chỉ mang tính chất tham khảo.*
- *Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không lưu đối với khí thải và không khí).*
- *KPH: Không phát hiện (<MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp).*

Phòng thử nghiệm **Giám đốc PACIFIC**

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PACIFIC

Đinh Bảo Toàn Lê Thị Ngọc Huyền

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PACIFIC
115 đường 5C, KDC Vĩnh Lộc, KP4, P.Bình Hưng Hòa B, Bình Tân, HCM.
Điện thoại: 0938624566
Email: moitruongpacific.jsc@gmail.com Web:moitruongpacific.com

VLAT - 1.0561
ISO/IEC 17025:2017
VIMCERTS 303

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 27/06/2023 *Số: 06.23.682 - 2*

1. Khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC NALT**
2. Địa điểm lấy mẫu: Số 315, tổ 14, ấp Tân Lập, xã An Điền, Thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.
3. Ngày lấy mẫu/ nhận mẫu: 20/06/2023 Ngày trả kết quả: 27/06/2023
4. Loại mẫu: Không khí Số lượng: 02
5. Thông tin mẫu:

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu
2006.MMN.KK01	Khu vực cổng
2006.MMN.KK02	Khu vực xưởng[(b)]

6. Phương pháp lấy mẫu/thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp lấy mẫu/thử nghiệm
1.	Bụi	mg/m^3	TCVN 5067:1995
2.	SO_2	mg/m^3	TCVN 5971:1995
3.	NO_2	mg/m^3	TCVN 6137:2009
4.	CO	mg/m^3	HD – CO

7. Kết quả:

Kết quả	Thông số			
	Bụi	SO_2	NO_2	CO
	(mg/m^3)			
2006.MMN.KK01	0,125	0,074	0,058	5,43
QCVN 05:2013/BTNMT	***0,3***	***0,35***	***0,2***	***30***
2006.MMN.KK02	0,257	0,084	0,063	6,74
QCVN 02:2019/BYT	***8***	*--*	*--*	*--*
QCVN 03:2019/BYT	*--*	***10***	***10***	***40***

Ghi chú: – *Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử & tại thời điểm quan trắc/lấy mẫu.*
– *(*): Thông số được chứng nhận ISO/IEC 17025:2017.*
– *(**): Kết quả nhà thầu phụ được chứng nhận Vimcert.*
– *(a): Thông số không được BTNMT công nhận, không được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường, thử nghiệm theo yêu cầu khách hàng, chỉ mang tính chất tham khảo.*
– *(b): Nền mẫu không được BTNMT công nhận, nền mẫu không được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường, thử nghiệm theo yêu cầu khách hàng, chỉ mang tính chất tham khảo.*
– *Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không lưu đối với khí thải và không khí).*
– *KPH: Không phát hiện (<MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp).*

Phòng thử nghiệm **Giám đốc PACIFIC**

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PACIFIC

Đinh Bảo Tiến Võ Thị Ngọc Huyền

CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN TÍCH
MÔI TRƯỜNG PACIFIC
115 đường 5C, KDC Vĩnh Lộc, KP4, P.Bình Hưng Hòa B, Bình Tân, HCM.
Điện thoại: 0938624566
Email: moitruongpacific.jsc@gmail.com Web:moitruongpacific.com

VLAT - 1.0561
ISO/IEC 17025:2017
VIMCERTS 303

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 27/06/2023 *Số: 06.23.682 - 1*

1. Khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC NALT**
2. Địa điểm lấy mẫu: Số 315, tổ 14, ấp Tân Lập, xã An Điền, Thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.
3. Ngày lấy mẫu/ nhận mẫu: 20/06/2023 Ngày trả kết quả: 27/06/2023
4. Loại mẫu: Vi khí hậu, ồn Số lượng: 02
5. Thông tin mẫu:

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu
2006.MMN.KK01	Khu vực cổng
2006.MMN.KK02	Khu vực xưởng(b)

6. Phương pháp quan trắc:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp quan trắc
1.	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878 – 2:2018
2.	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT
3.	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT
4.	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT

7. Kết quả:

Kết quả	Thông số			
	Tiếng ồn (dBA)	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)
2006.MMN.KK01	61,5	32,1	62,8	0,4
QCVN 26:2010/BTNMT	***<70***	--	--	--
2006.MMN.KK02	70,1	30,8	63,4	0,3
QCVN 24:2016/BYT	**≤ 85**	--	--	--
QCVN 26:2016/BYT	--	***18 - 32***	***40 - 80***	***0,2 – 1,5***

Ghi chú:
- *Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử & tại thời điểm quan trắc/lấy mẫu.*
- *(*): Thông số được chứng nhận ISO/IEC 17025:2017.*
- *(**): Kết quả nhà thầu phụ được chứng nhận Vimcert.*
- *(a): Thông số không được BTNMT công nhận, không được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường, thử nghiệm theo yêu cầu khách hàng, chỉ mang tính chất tham khảo.*
- *(b): Nền mẫu không được BTNMT công nhận, nền mẫu không được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường, thử nghiệm theo yêu cầu khách hàng, chỉ mang tính chất tham khảo.*
- *Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không lưu đối với khí thải và không khí).*
- *KPH: Không phát hiện (<MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp).*

Phòng thử nghiệm **Giám đốc PACIFIC**

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PACIFIC

Đinh Bảo Tiến

Lê Thị Ngọc Huyền

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT : 4.5m3/NGÀY

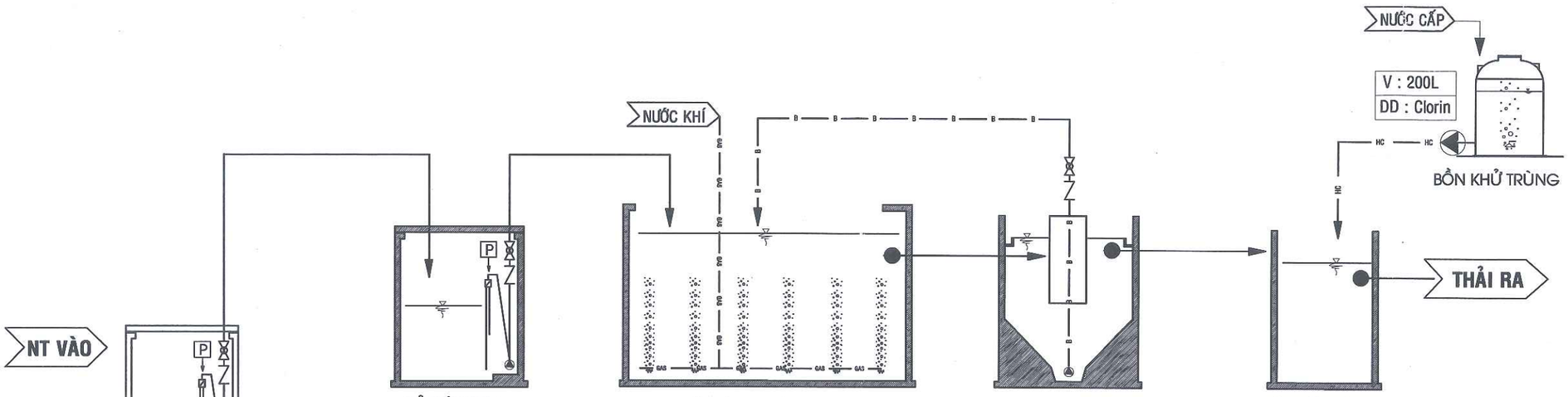

HỐ THU GOM

NHIỆM VỤ : GOM NƯỚC THẢI VÀ BƠM VỀ BỂ ĐIỀU HÒA
THỂ TÍCH : 0.8M3 THỂ TÍCH CHỨA : 0.5M3
CHẾ ĐỘ HOẠT ĐỘNG : THÔNG QUA TỦ ĐIỀU KHIỂN

BỂ ĐIỀU HÒA

NHIỆM VỤ : THU GOM VÀ ĐIỀU HÒA NƯỚC THẢI
THỂ TÍCH : 1.2M3 THỂ TÍCH CHỨA : 1.1M3
THỜI GIAN LƯU NƯỚC : 5.8 GIỜ
CHẾ ĐỘ HOẠT ĐỘNG : THÔNG QUA TỦ ĐIỀU KHIỂN

BỂ HIẾU KHÍ VI SINH

NHIỆM VỤ : NUÔI CẤY VI SINH XỬ LÝ HỮU CƠ, DINH DƯỠNG...
THỂ TÍCH : 2.4M3 THỂ TÍCH CHỨA : 2.2M3
THỜI GIAN LƯU NƯỚC : 11.7 GIỜ
CHẾ ĐỘ HOẠT ĐỘNG : THEO THỜI GIAN THÔNG QUA TỦ ĐIỀU KHIỂN

BỂ LẮNG

NHIỆM VỤ : LẮNG CẶN TRONG NƯỚC THẢI.
THỂ TÍCH : 1.2M3 THỂ TÍCH CHỨA : 1.1M3
THỜI GIAN LƯU NƯỚC : 5.8 GIỜ
CHẾ ĐỘ HOẠT ĐỘNG : THEO TỦ ĐIỀU KHIỂN ON/OFF

BỂ KHỬ TRÙNG

NHIỆM VỤ : GIỆT VI SINH GÂY BỆNH CÓ TRONG NƯỚC THẢI.
THỂ TÍCH : 1.2M3 THỂ TÍCH CHỨA : 1.1M3
THỜI GIAN LƯU NƯỚC : 5.8 GIỜ
CHẾ ĐỘ HOẠT ĐỘNG : THEO TỦ ĐIỀU KHIỂN ON/OFF

GHI CHÚ

ĐƯỜNG NƯỚC THẢI : ——————————

ĐƯỜNG BÙN : —— B —— B —— B —— B —— B ——

ĐƯỜNG CẤP KHÍ : —— GAS —— GAS —— GAS —— GAS —— GAS ——

ĐƯỜNG HÓA CHẤT : —— HC —— HC —— HC —— HC —— HC ——

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC NALT

ĐC: Số 315A, Tổ 14, Tân Lập, An Điền, Thị Xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 3700441692 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC NALT - TX. BẾN CÁT - T. BÌNH DƯƠNG

GIÁM ĐỐC

Phan Lê Diễm Trang

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH LONG BÌNH PHÁT

ĐC: 421 Đại Lộ Bình Dương, Phú Cường, Tp.TDM, tỉnh Bình Dương

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 3701775191 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH LONG BÌNH PHÁT - TX. TÂN UYÊN - T. BÌNH DƯƠNG

Huỳnh Thị Xuân

TÊN CÔNG TRÌNH

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

NGÀY VẼ :	BẢN VẼ SỐ :
16 / 09 / 2022	BV

CHỦ TRÌ:

HUỲNH THỊ XUÂN

THIẾT KẾ / VẼ :

NGÔ ANH ĐỨC

MẶT BẰNG THIẾT BỊ

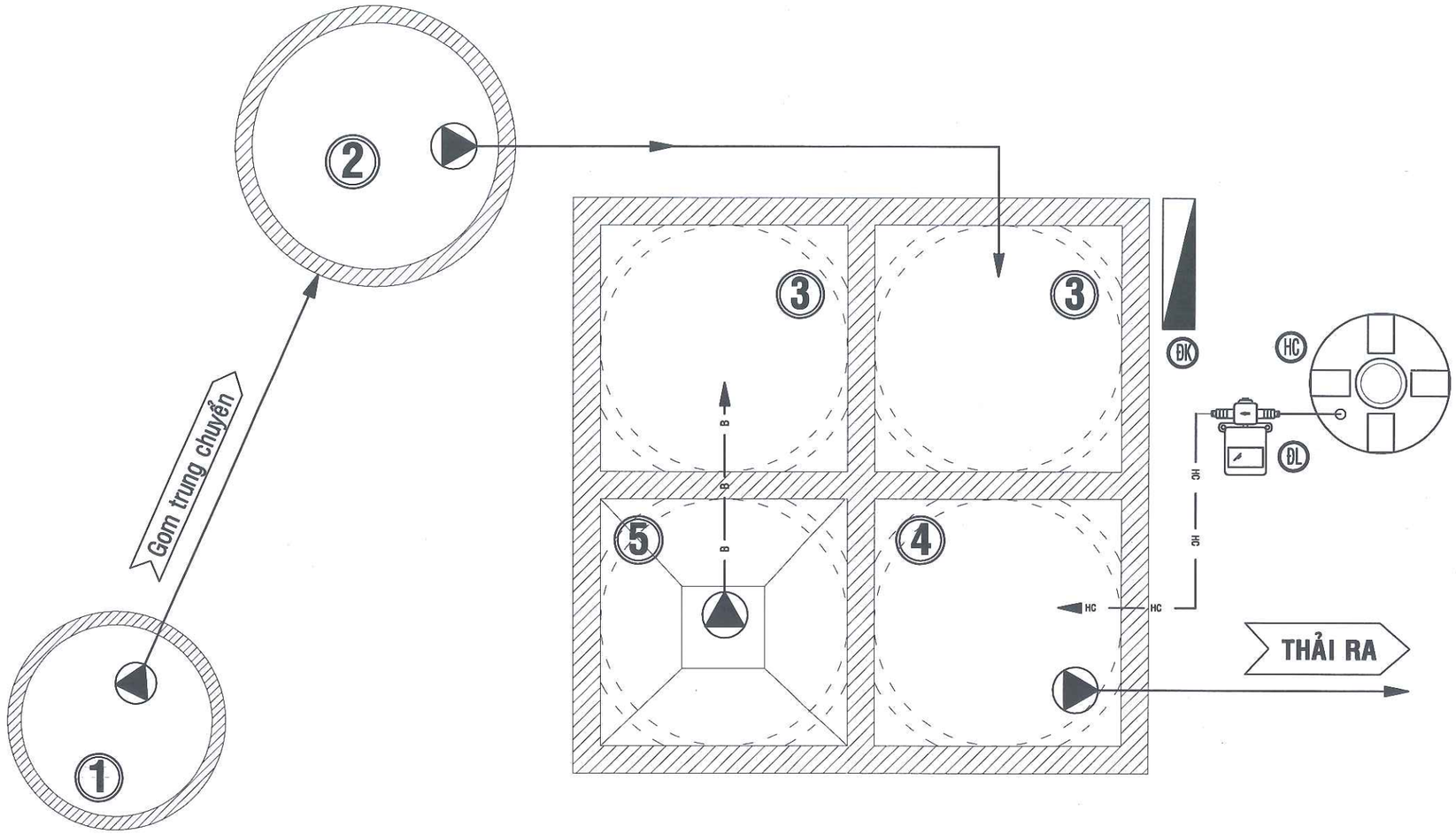

GHI CHÚ :

KÝ HIỆU	HẠNG MỤC	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
①	HỐ THU GOM	④	BỂ LẮNG	HC	BỒN HÓA CHẤT Clorin	TK	MÁY THỔI KHÍ
②	BỂ ĐIỀU HÒA	⑤	BỂ KHỬ TRÙNG GIỆT VI SINH	ĐL	BƠM ĐỊNH LƯỢNG Clorin		
③	BỂ HIẾU KHÍ	N	NHÀ ĐIỀU HÀNH VÀ KHU BẢO VỆ THIẾT BỊ	ĐK	TỦ ĐIỀU KHIỂN		

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC NALT

ĐC: Số 315A, Tổ 14, Tân Lập, An Điền, Thị Xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 3700441693-C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC NALT TX BẾN CÁT - T. BÌNH DƯƠNG

GIÁM ĐỐC

Phan Lê Diễm Trang

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY TNNH LONG BÌNH PHÁT

ĐC: 421 Đại Lộ Bình Dương, Phú Cường, Tp.TDM, tỉnh Bình Dương

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 3701775151-C.T.N.H CÔNG TY TNHH LONG BÌNH PHÁT TX.THUẬN AN - T.BÌNH DƯƠNG

Huỳnh Thị Xuân

TÊN CÔNG TRÌNH

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

NGÀY VẼ :	BẢN VẼ SỐ :
16 / 09 / 2022	BV

CHỦ TRÌ:

HUỲNH THỊ XUÂN

THIẾT KẾ / VẼ :

NGÔ ANH ĐỨC

MẶT BẰNG CÁC BỂ XÂY DỰNG

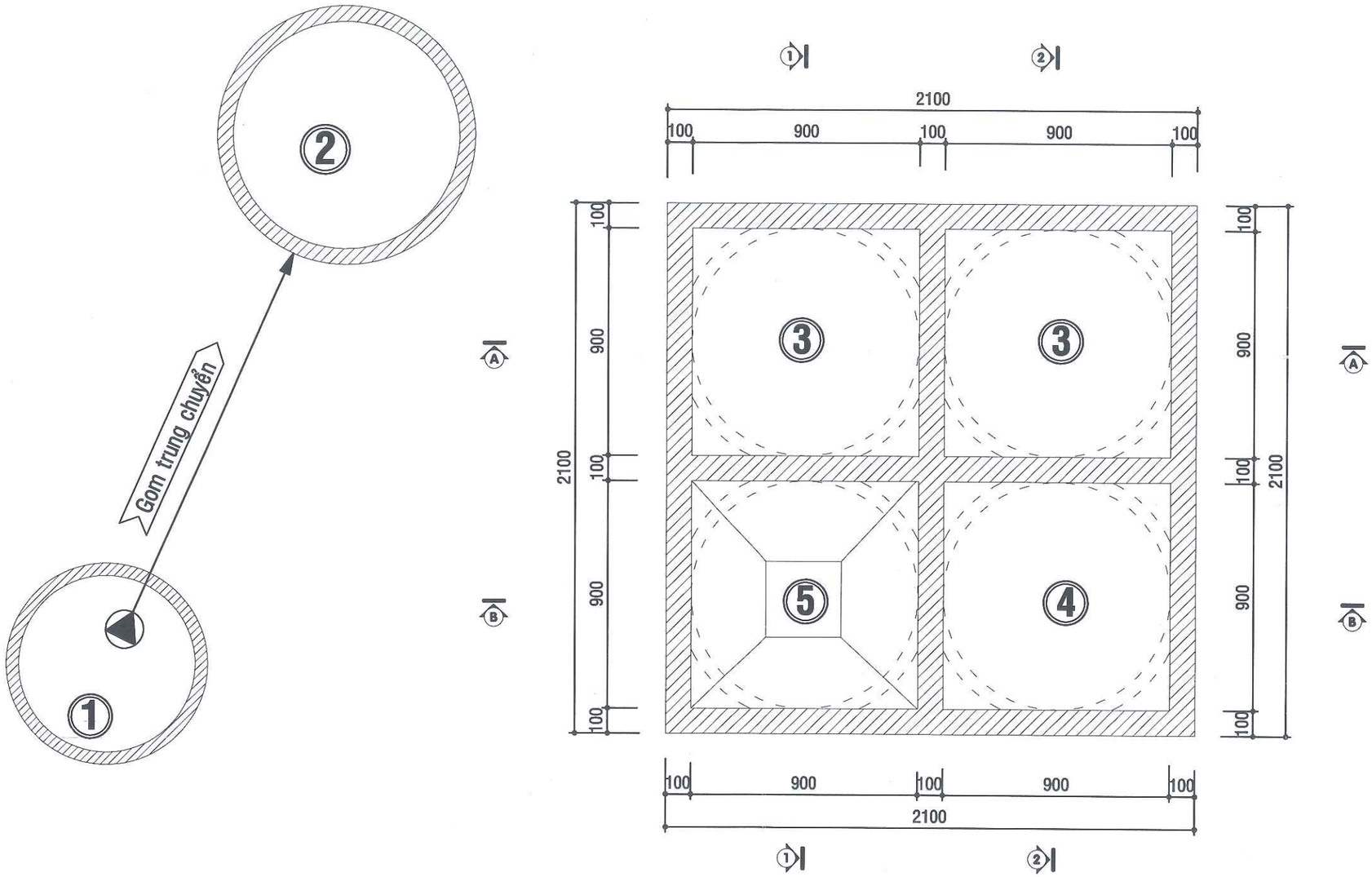

GHI CHÚ :

KÝ HIỆU	HẠNG MỤC	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
①	HỐ THU GOM	④	BỂ LẮNG	HC	BỒN HÓA CHẤT Clorin	TK	MÁY THỔI KHÍ
②	BỂ ĐIỀU HÒA	⑤	BỂ KHỬ TRÙNG GIỆT VI SINH	ĐL	BƠM ĐỊNH LƯỢNG Clorin		
③	BỂ HIẾU KHÍ	N	NHÀ ĐIỀU HÀNH VÀ KHU BẢO VỆ THIẾT BỊ	ĐK	TỦ ĐIỀU KHIỂN		

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC NALT

ĐC: Số 315A, Tổ 14, Tân Lập, An Điền, Thị Xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC NALT

GIÁM ĐỐC

Phan Lê Diễm Trang

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH LONG BÌNH PHÁT

ĐC: 421 Đại Lộ Bình Dương, Phú Cường, Tp.TDM, tỉnh Bình Dương

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH LONG BÌNH PHÁT

Huỳnh Thị Xuân

TÊN CÔNG TRÌNH

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

NGÀY VẼ :	BẢN VẼ SỐ :
16 / 09 / 2022	BV

CHỦ TRÌ:

HUỲNH THỊ XUÂN

THIẾT KẾ / VẼ :

NGÔ ANH ĐỨC

MẶT CẮT A - A

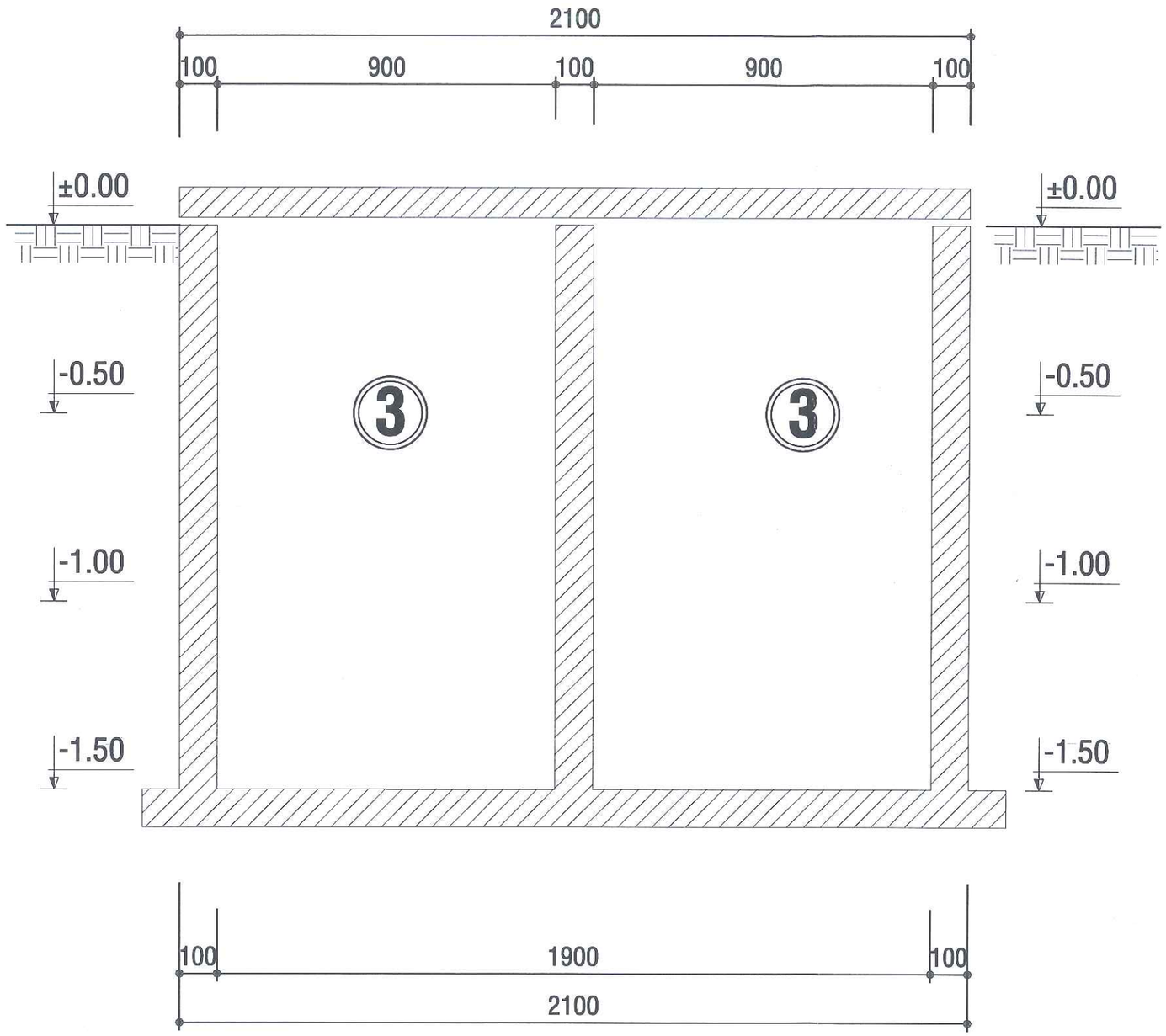

GHI CHÚ :

KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
①	HỐ THU GOM
②	BỂ ĐIỀU HÒA
③	BỂ HIẾU KHÍ
④	BỂ LẮNG
⑤	BỂ KHỬ TRÙNG GIỆT VI SINH
NH	NHÀ ĐIỀU HÀNH
HC	BỒN HÓA CHẤT Clorin
BL	BƠM ĐỊNH LƯỢNG Clorin
ĐK	TỦ ĐIỀU KHIỂN
TK	MÁY THỔI KHÍ

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC NALT

ĐC: Số 315A, Tổ 14, Tân Lập, An Điền, Thị Xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC NALT

GIÁM ĐỐC
Phan Lê Diễm Trang

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY TNNH LONG BÌNH PHÁT

ĐC: 421 Đại Lộ Bình Dương, Phú Cường, Tp.TDM, tỉnh Bình Dương

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH LONG BÌNH PHÁT

Huỳnh Thị Xuân

TÊN CÔNG TRÌNH
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

NGÀY VẼ :	BẢN VẼ SỐ :
16 / 09 / 2022	BV

CHỦ TRÌ:

HUỲNH THỊ XUÂN

THIẾT KẾ / VẼ :

NGÔ ANH ĐỨC

MẶT CẮT B - B

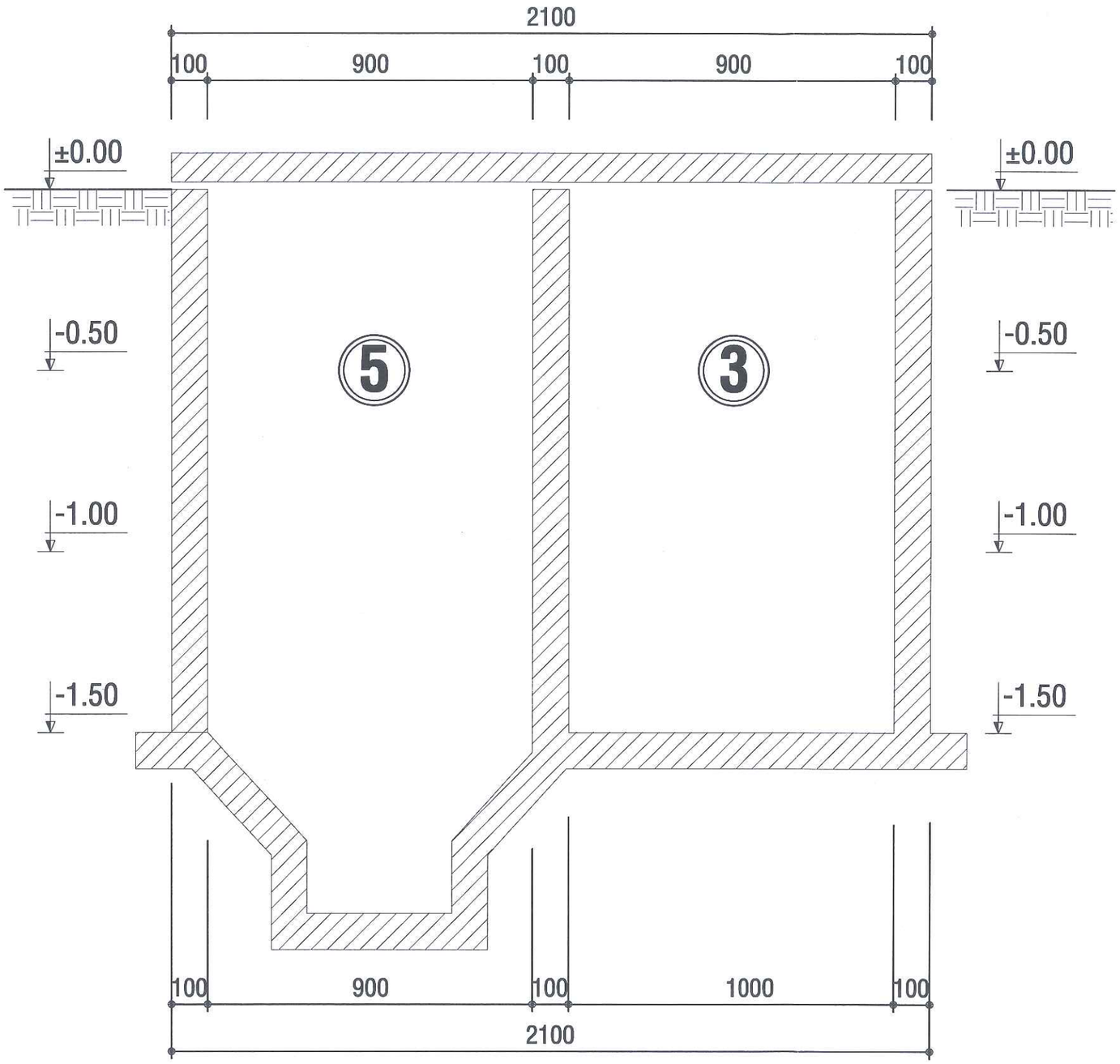

GHI CHÚ :

KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
①	HỐ THU GOM
②	BỂ ĐIỀU HÒA
③	BỂ HIẾU KHÍ
④	BỂ LẮNG
⑤	BỂ KHỬ TRÙNG GIỆT VI SINH
Ⓝ	NHÀ ĐIỀU HÀNH
ⒽⒸ	BỒN HÓA CHẤT Clorin
ⒷⓁ	BƠM ĐỊNH LƯỢNG Clorin
ⒹⓀ	TỦ ĐIỀU KHIỂN
ⓉⓀ	MÁY THỔI KHÍ

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC NALT

ĐC: Số 315A, Tổ 14, Tân Lập, An Điền, Thị Xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC NALT - T. BÌNH DƯƠNG

GIÁM ĐỐC

Phan Lê Diễm Trang

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY TNNH LONG BÌNH PHÁT

ĐC: 421 Đại Lộ Bình Dương, Phú Cường, Tp.TDM, tỉnh Bình Dương

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH LONG BÌNH PHÁT - T. BÌNH DƯƠNG

Huỳnh Thị Xuân

TÊN CÔNG TRÌNH

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

NGÀY VẼ :	BẢN VẼ SỐ :
16 / 09 / 2022	BV

CHỦ TRÌ:

HUỲNH THỊ XUÂN

THIẾT KẾ / VẼ :

NGÔ ANH ĐỨC

MẶT CẮT 2 - 2

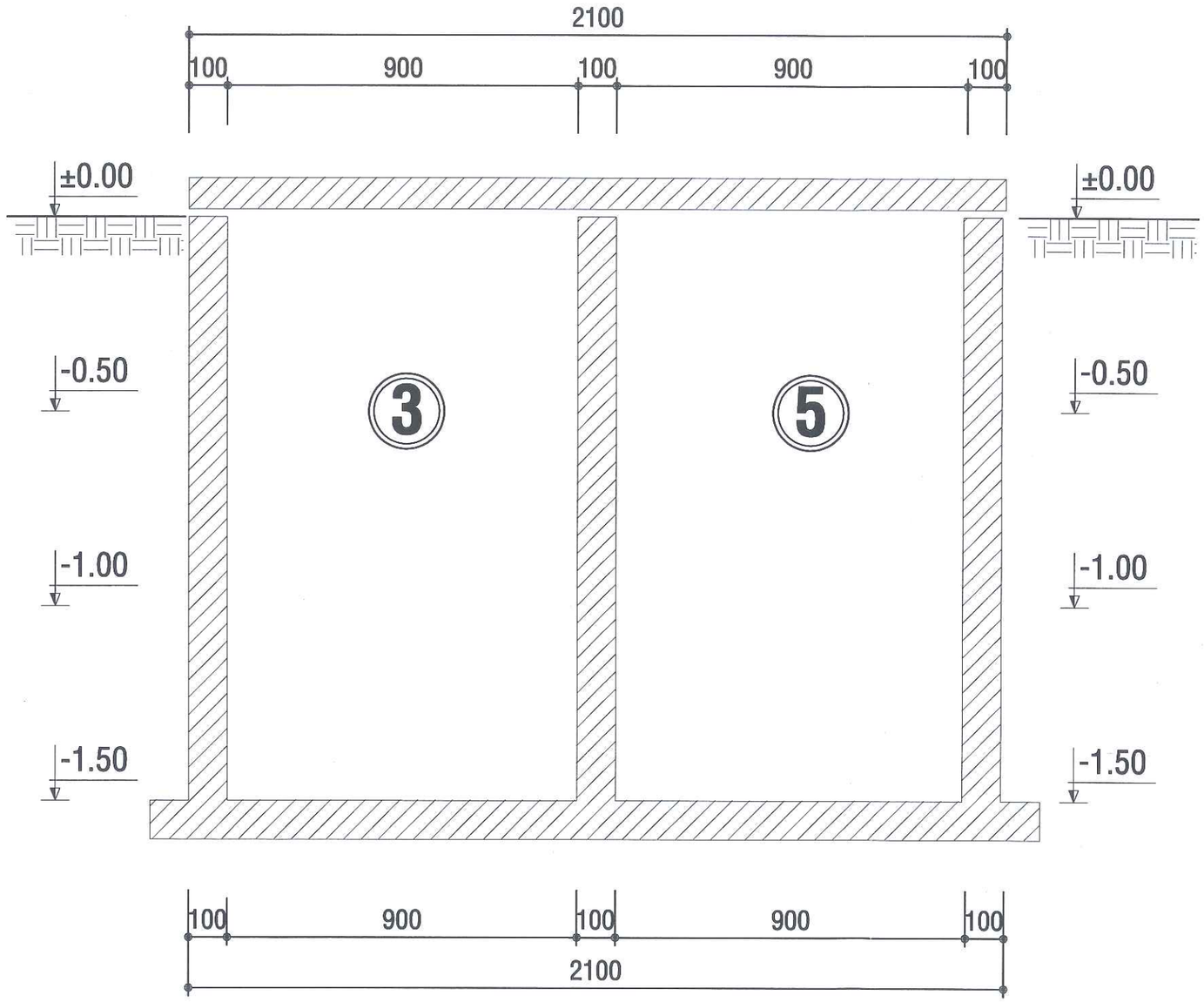

GHI CHÚ :

KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
①	HỐ THU GOM
②	BỂ ĐIỀU HÒA
③	BỂ HIẾU KHÍ
④	BỂ LẮNG
⑤	BỂ KHỬ TRÙNG GIỆT VI SINH
(N)	NHÀ ĐIỀU HÀNH
(HC)	BỒN HÓA CHẤT Clorin
(BL)	BƠM ĐỊNH LƯỢNG Clorin
(ĐK)	TỦ ĐIỀU KHIỂN
(TK)	MÁY THỔI KHÍ

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC NALT

ĐC: Số 315A, Tổ 14, Tân Lập, An Điền, Thị Xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC NALT

GIÁM ĐỐC

Phan Lê Diễm Trang

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY TNNH LONG BÌNH PHÁT

ĐC: 421 Đại Lộ Bình Dương, Phú Cường, Tp.TDM, tỉnh Bình Dương

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH LONG BÌNH PHÁT

Huỳnh Thị Xuân

TÊN CÔNG TRÌNH

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

NGÀY VẼ :	BẢN VẼ SỐ :
16 / 09 / 2022	BV

CHỦ TRÌ:

HUỲNH THỊ XUÂN

THIẾT KẾ / VẼ :

NGÔ ANH ĐỨC

MẶT CẮT 1 - 1

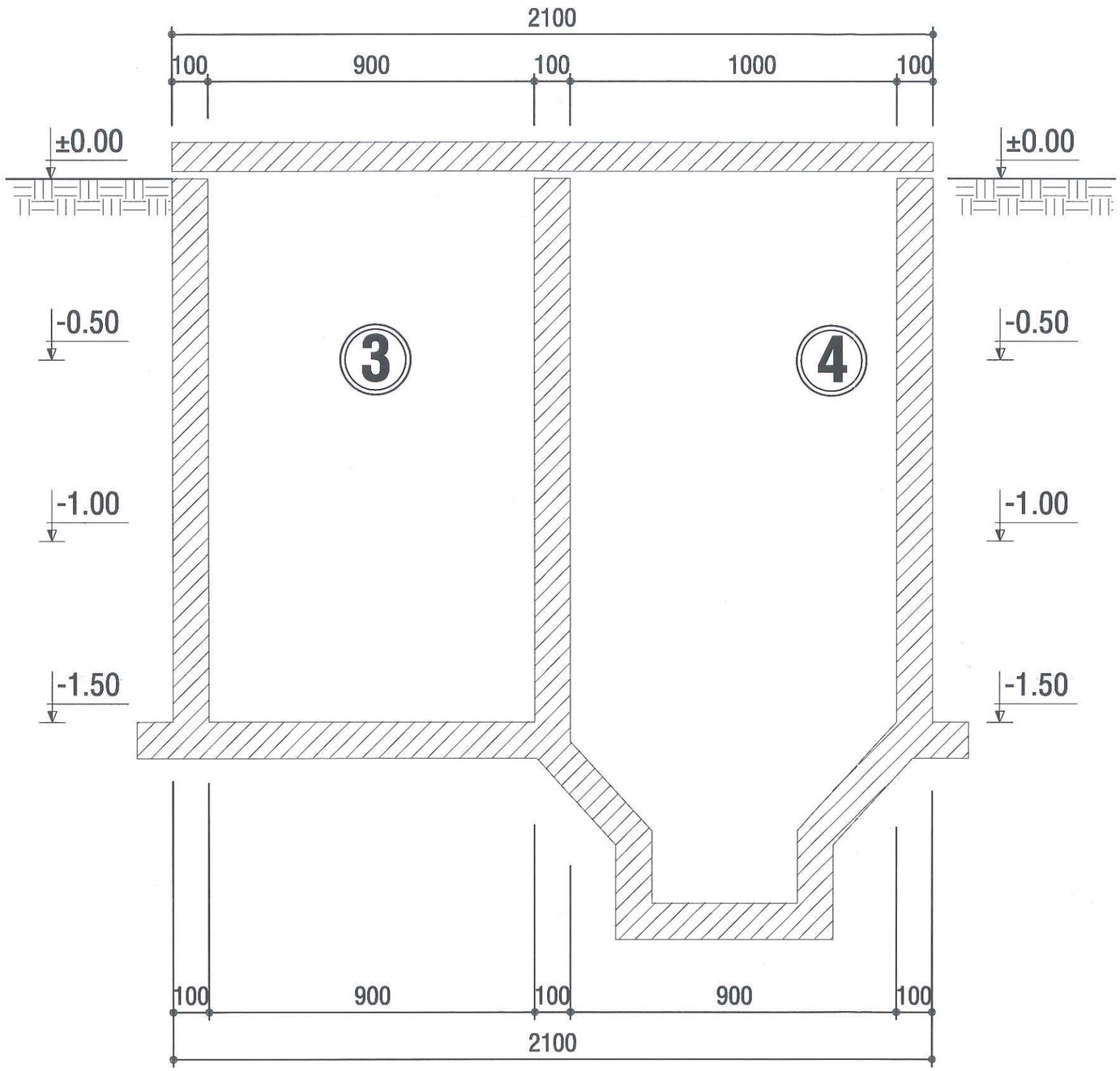

GHI CHÚ :

KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
①	HỐ THU GOM
②	BỂ ĐIỀU HÒA
③	BỂ HIẾU KHÍ
④	BỂ LẮNG
⑤	BỂ KHỬ TRÙNG GIỆT VI SINH
Ⓝ	NHÀ ĐIỀU HÀNH
ⓗⓒ	BỒN HÓA CHẤT Clorin
ⒹⓁ	BƠM ĐỊNH LƯỢNG Clorin
ⒷⓀ	TỦ ĐIỀU KHIỂN
ⓉⓀ	MÁY THỔI KHÍ

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC NALT

ĐC: Số 315A, Tổ 14, Tân Lập, An Điền, Thị Xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC NALT

GIÁM ĐỐC

Phan Lê Diễm Trang

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH LONG BÌNH PHÁT

ĐC: 421 Đại Lộ Bình Dương, Phú Cường, Tp.TDM, tỉnh Bình Dương

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH LONG BÌNH PHÁT

Huỳnh Thị Xuân

TÊN CÔNG TRÌNH

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

NGÀY VẼ :	BẢN VẼ SỐ :
16 / 09 / 2022	BV

CHỦ TRÌ:

HUỲNH THỊ XUÂN

THIẾT KẾ / VẼ :

NGÔ ANH ĐỨC

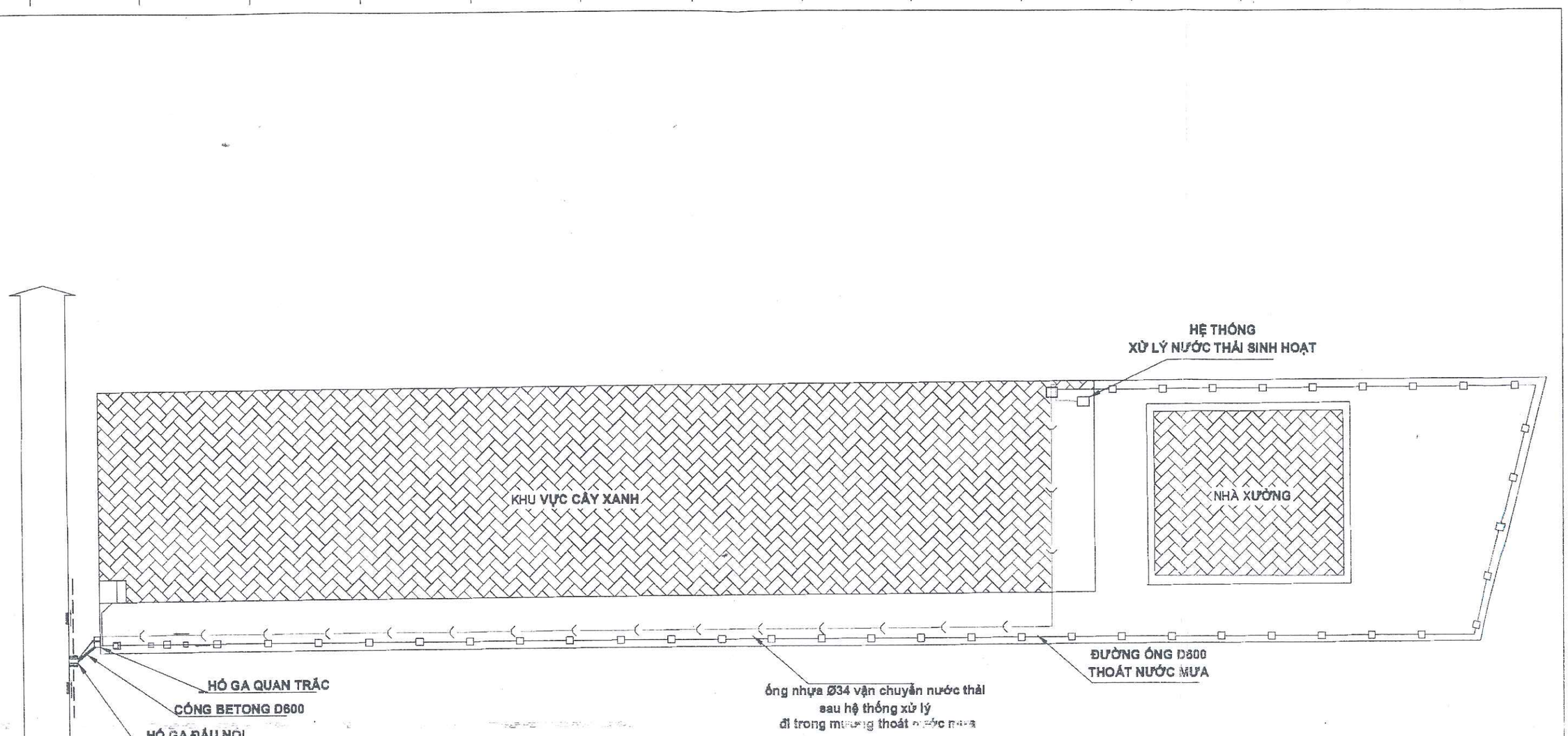

CHỦ ĐẦU TƯ:	THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC NALT GIÁM ĐỐC Phan Lê Diễm Trang	CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ TIẾN Thạch Khải Tiến

NGƯỜI VẼ	THIẾT KẾ	KIỂM TRA	PHÊ DUYỆT
Duy Trường	Duy Trường	Khôi Tiến	Khôi Tiến

PHU TIEN ENVIRONMENT COMPANY LIMITED
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ TIẾN
Email : MTPHUTIEN@gmail.com ; Tel : 0348 495 152

Dự Án:	ĐƯỜNG ỐNG THOÁT NƯỚC THẢI	TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC	Bản vẽ số B-BD 01
Chủ Đầu Tư:	CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC NALT		
Địa Điểm:	BẾN CÁT - BÌNH DƯƠNG	Ngày Phát Hành: 12/2023	Tỉ Lệ:

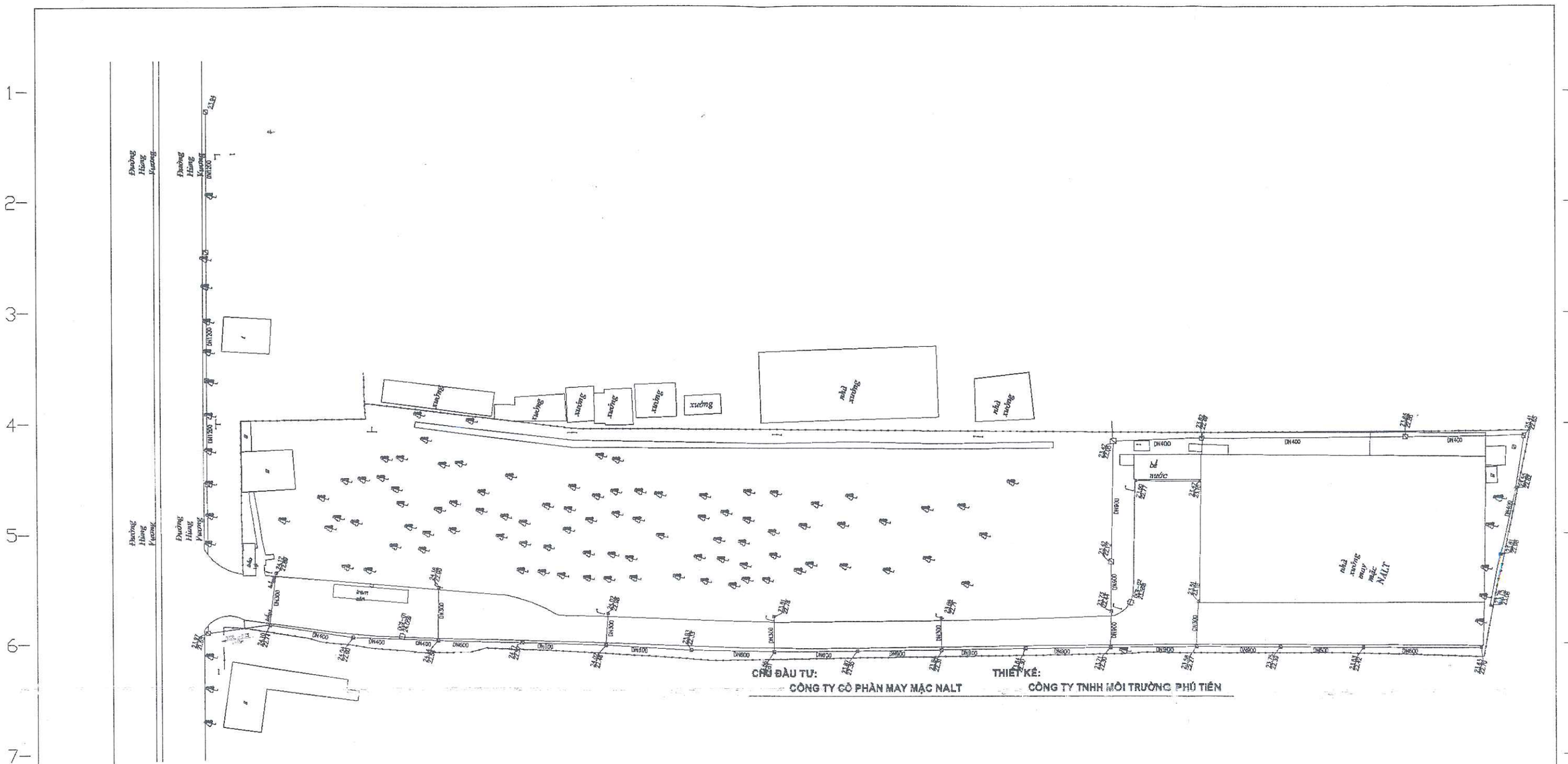

CHỦ ĐẦU TƯ:	THIẾT KẾ:
M.S.D.N: 3700441693 - C.T.C.P * CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC NALT * TX. BẾN CÁT - T. BÌNH DƯƠNG GIÁM ĐỐC Phan Lê Diễm Trang	M.S.D.N: 3702657182 - C.T.T.N.H.H * CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ TIẾN * TỈNH BÌNH DƯƠNG Thạch Khải Tiến

NGƯỜI VẼ	THIẾT KẾ	KIỂM TRA	PHÊ DUYỆT
Duy Trường	Duy Trường	Khải Tiến	Khải Tiến

PHU TIEN ENVIRONMENT COMPANY LIMITED
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ TIẾN
Email : MTPHUTIEN@gmail.com ; Tel : 0348 495 152

Dự Án:	ĐƯỜNG ỐNG THOÁT NƯỚC THẢI	TÊN BẢN VẼ: BẢN VẼ BÌNH ĐỒ	Bản vẽ số: B-BD 02
Chủ Đầu Tư:	CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC NALT		
Địa Điểm:	BẾN CÁT - BÌNH DƯƠNG	Ngày Phát Hành: 12/2023	Tỉ Lệ:

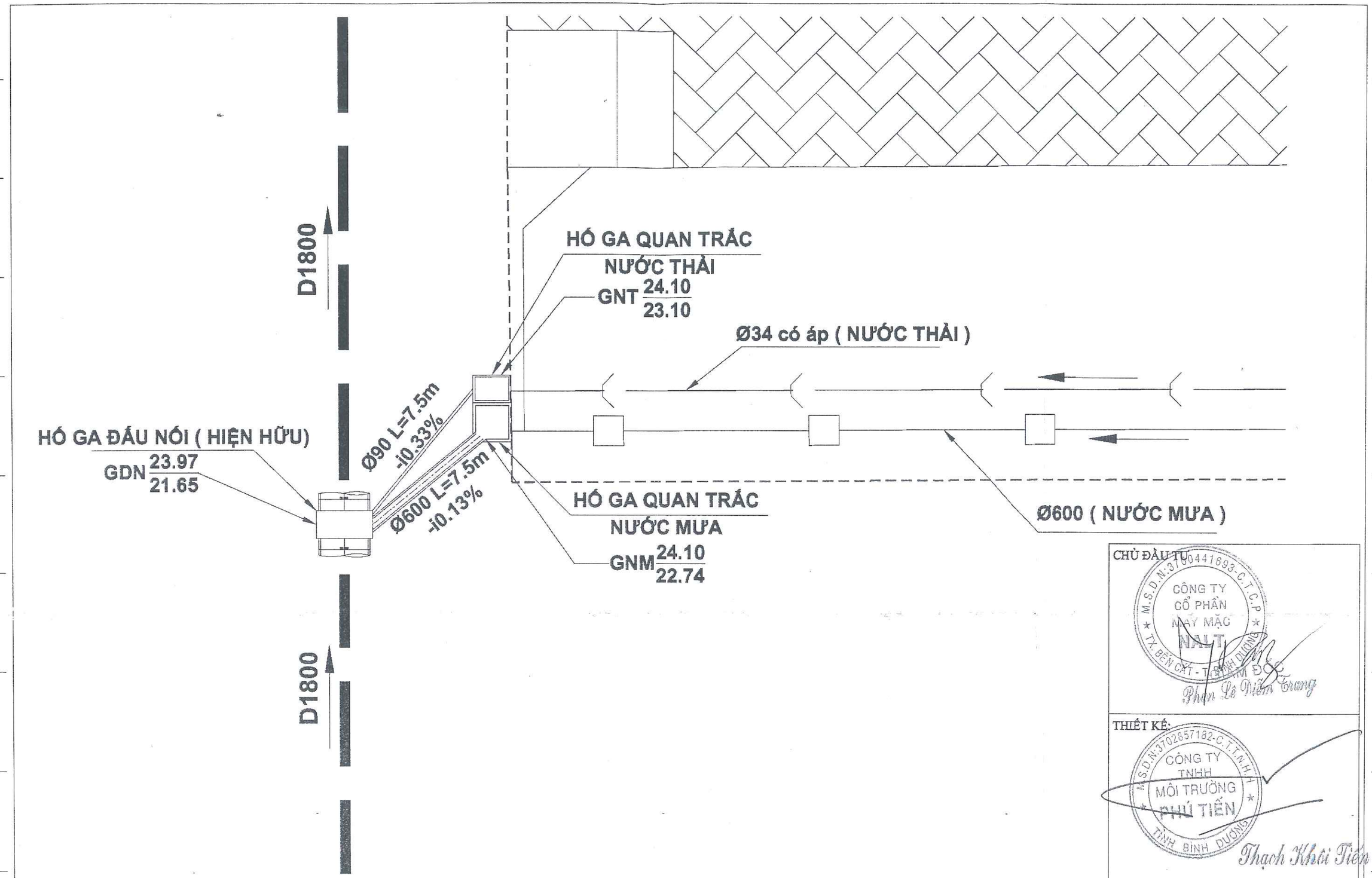

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC NALT

Phan Lê Diễm Trang

THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ TIẾN

Thạch Khôi Tiến

NGƯỜI VẼ	THIẾT KẾ	KIỂM TRA	PHÊ DUYỆT						
Duy Trường	Duy Trường	Khôi Tiến	Khôi Tiến	PHU TIEN ENVIRONMENT COMPANY LIMITED CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ TIẾN Email : MTPHUTIEN@gmail.com ; Tel : 0348 495 152	Dự Án:	ĐƯỜNG ỐNG THOÁT NƯỚC MƯA	TÊN BẢN VẼ: BẢN VẼ MẶT BẰNG HỐ GA ĐẤU NỐI		Bản vẽ số B-BD 03
					Chủ Đầu Tư:	CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC NALT			
					Địa Điểm:	BẾN CÁT - BÌNH DƯƠNG	Ngày Phát Hành: 12/2023	Tỉ Lệ:	

ĐƯỜNG ĐH 606(LỘ 7A)

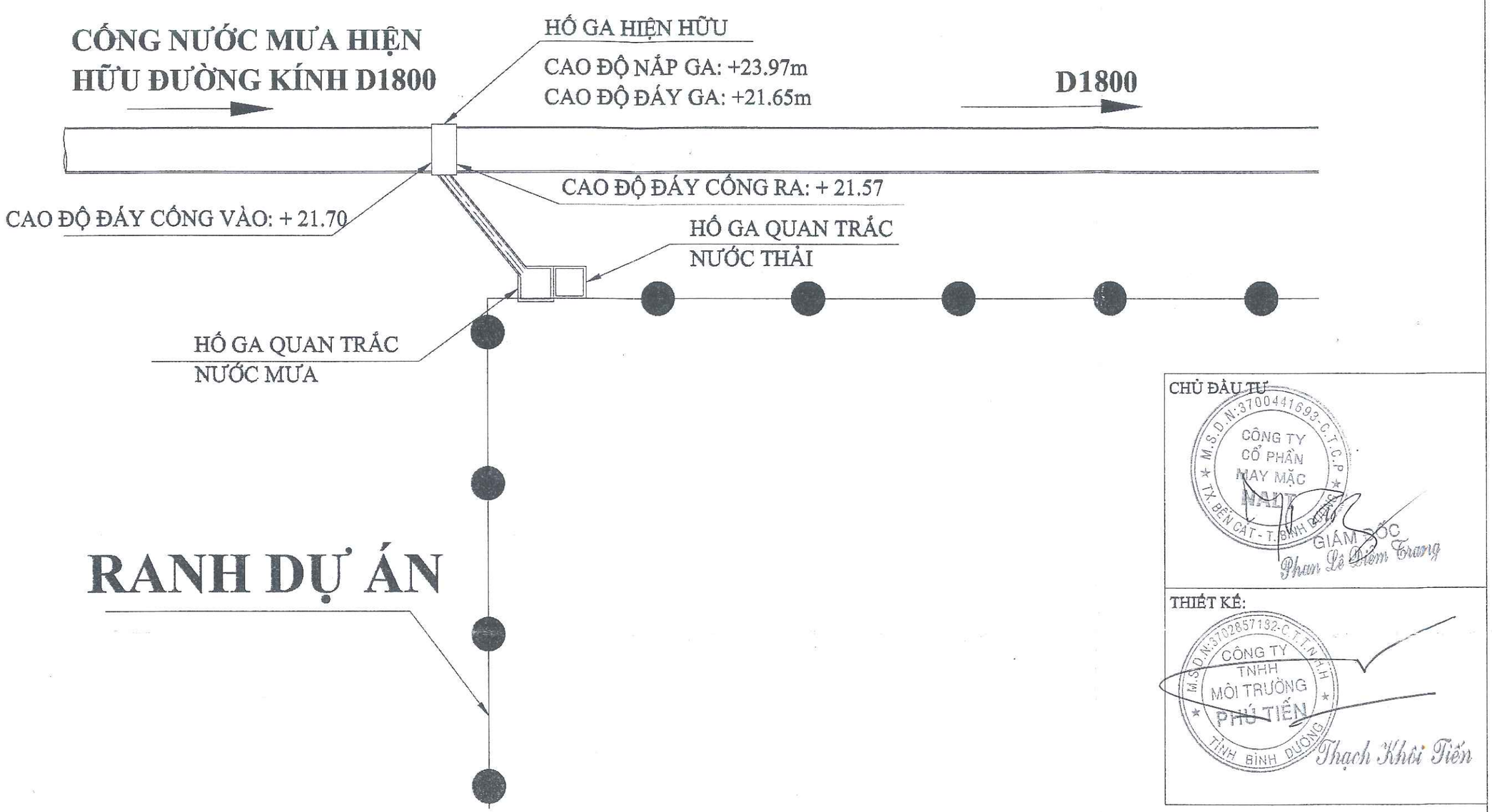

RANH DỰ ÁN

CHỦ ĐẦU TƯ

M.S.D.N: 3700441693-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC NALT
TX. BẾN CÁT - T. BÌNH DƯƠNG

GIÁM ĐỐC
Phan Lê Diễm Trang

THIẾT KẾ:

M.S.D.N: 3702857132-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ TIẾN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thạch Khôi Tiến

MẶT BẰNG TỔNG THỂ HIỆN TRẠNG VỊ TRÍ ĐẤU NỐI THOÁT NƯỚC TRÊN ĐƯỜNG LỘ 7A (ĐH-606)

NGƯỜI VẼ	THIẾT KẾ	KIỂM TRA	PHÊ DUYỆT					
Duy Trường	Duy Trường	Khôi Tiến	Khôi Tiến	PHU TIEN ENVIRONMENT COMPANY LIMITED CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ TIẾN Email : MTPHUTIEN@gmail.com ; Tel : 0348 495 152	Dự Án:	ĐƯỜNG ỐNG THOÁT NƯỚC MƯA	TÊN BẢN VẼ: BẢN VẼ MẶT BẰNG HỐ GA ĐẤU NỐI	Bản vẽ số B-BD 04
					Chủ Đầu Tư:	CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC NALT		
					Địa Điểm:	BẾN CÁT - BÌNH DƯƠNG	Ngày Phát Hành: 12/2023	Tỉ Lệ:

MẶT BẰNG HỐ GA QUAN TRẮC NƯỚC THẢI

TỈ LỆ : 1/40

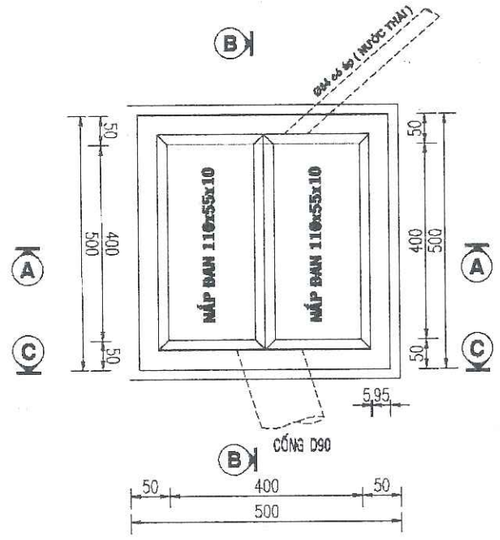

MẶT CẮT A-A

TỈ LỆ : 1/40

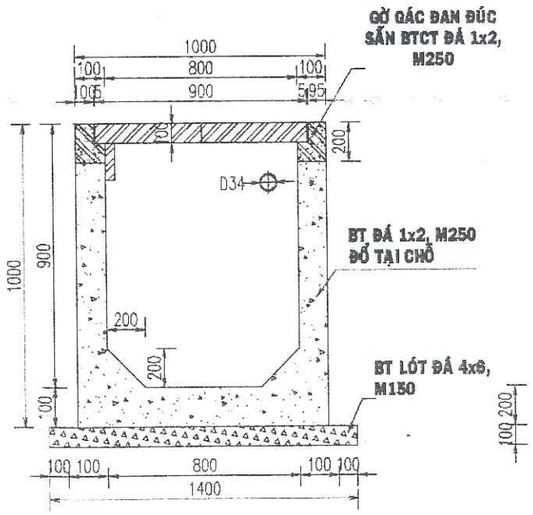

MẶT CẮT B-B

TỈ LỆ : 1/40

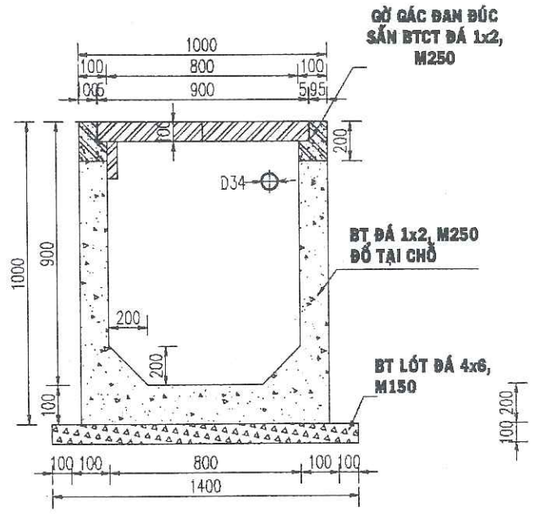

MẶT CẮT C-C

TỈ LỆ : 1/40

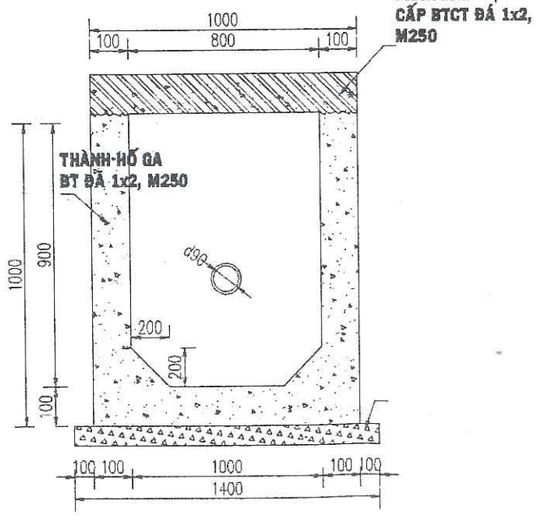

CHỦ ĐẦU TƯ

M.S.D.N: 3700441693-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC NALT
TX. BẾN CÁT - T. BÌNH DƯƠNG

GIÁM ĐỐC
Phan Lê Diễm Trang

THIẾT KẾ:

M.S.D.N: 3702857182-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ TIẾN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thạch Khải Tiến

NGƯỜI VẼ	THIẾT KẾ	KIỂM TRA	PHÊ DUYỆT				TÊN BẢN VẼ:	Bản vẽ số
Duy Trường	Duy Trường	Khải Tiến	Khải Tiến	PHU TIEN ENVIRONMENT COMPANY LIMITED CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ TIẾN Email : MTPHUTIEN@gmail.com ; Tel : 0348 495 152	Dự Án:	ĐƯỜNG ỐNG THOÁT NƯỚC MƯA	BẢN VẼ CHI TIẾT HỐ GA QUAN TRẮC NƯỚC THẢI	B-BD 05
					Chủ Đầu Tư:	CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC NALT		
					Địa Điểm:	BẾN CÁT - BÌNH DƯƠNG	Ngày Phát Hành: 12/2023 / Tỉ Lệ:	

MẶT BẰNG HỐ GA QUAN TRẮC NƯỚC MƯA

TỈ LỆ : 1/40

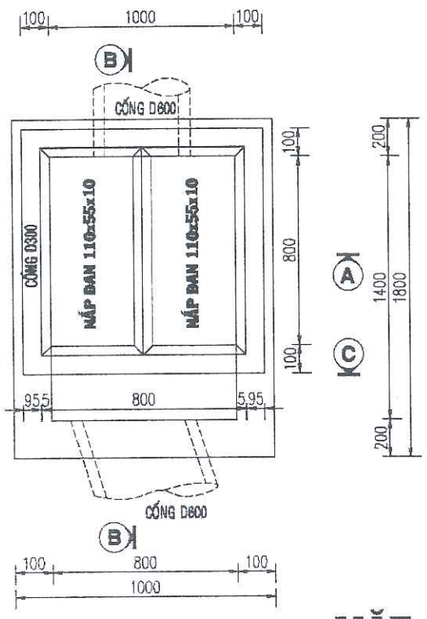

MẶT CẮT A-A

TỈ LỆ : 1/40

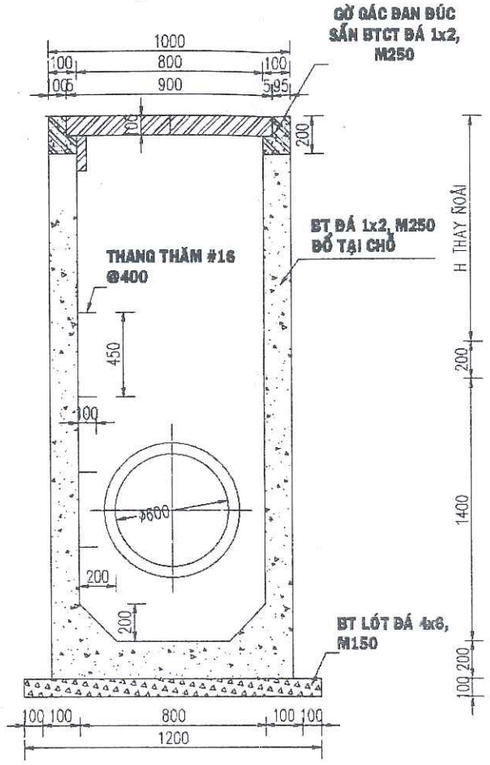

MẶT CẮT B-B

TỈ LỆ : 1/40

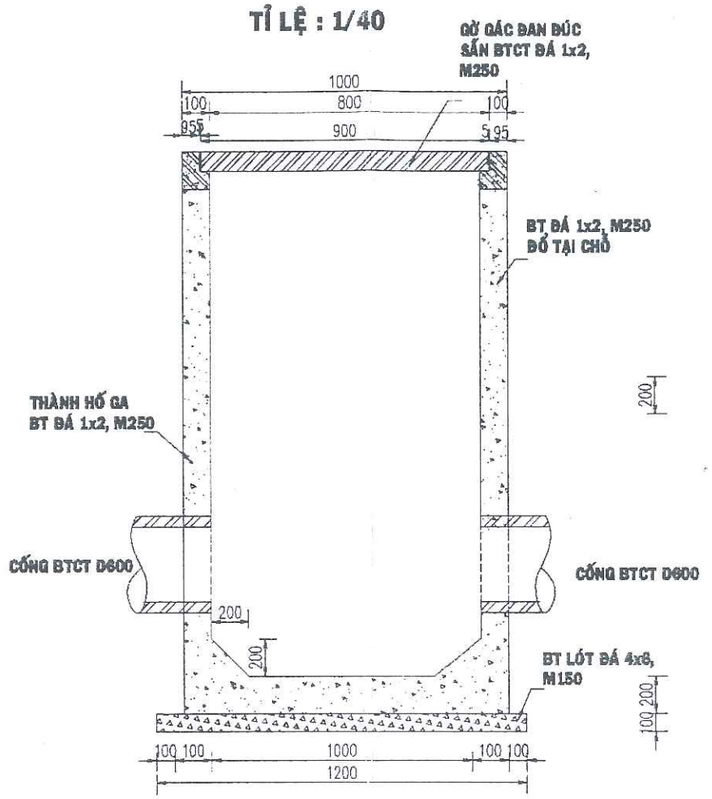

MẶT CẮT C-C

TỈ LỆ : 1/40

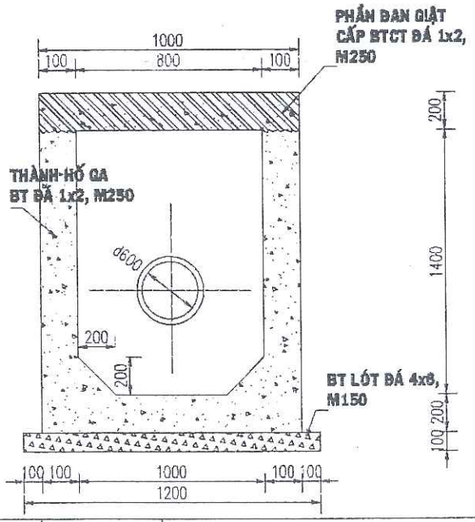

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC NALT

GIÁM ĐỐC

Phan Lê Diễm Trang

THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ TIẾN

Thạch Khôi Tiến

NGƯỜI VẼ	THIẾT KẾ	KIỂM TRA	PHÊ DUYỆT					
Duy Trường	Duy Trường	Khôi Tiến	Khôi Tiến	PHU TIEN ENVIRONMENT COMPANY LIMITED CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ TIẾN Email : MTPHUTIEN@gmail.com ; Tel : 0348 495 152	Dự Án:	ĐƯỜNG ỐNG THOÁT NƯỚC MƯA	TÊN BẢN VẼ: BẢN VẼ CHI TIẾT HỐ GA QUAN TRẮC NƯỚC MƯA	Bản vẽ số: B-BD 06
					Chủ Đầu Tư:	CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC NALT		
					Địa Điểm:	BẾN CÁT - BÌNH DƯƠNG	Ngày Phát Hành: 12/2023	Tỉ Lệ:

MẶT BẰNG HỐ GA ĐẤU NỐI (GĐN)

TỶ LỆ: 1/40

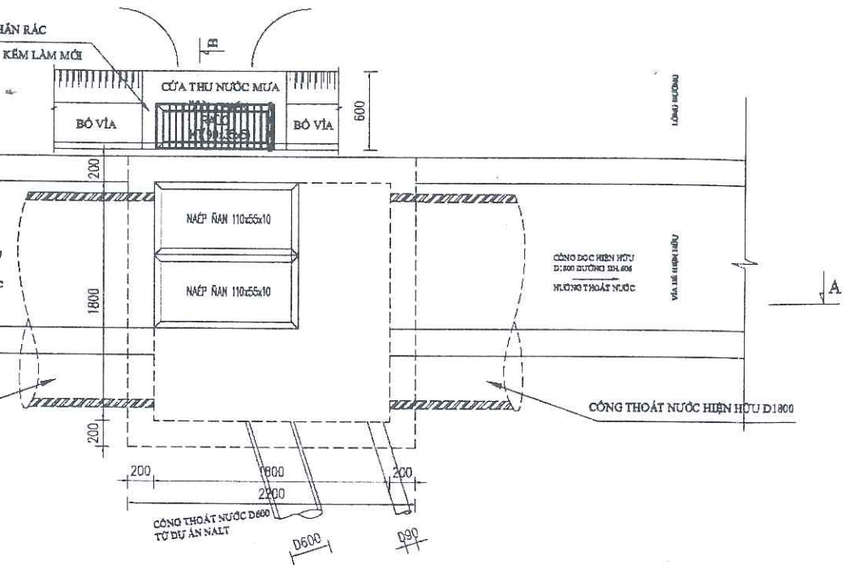

MẶT CẮT C-C

TỶ LỆ: 1/40

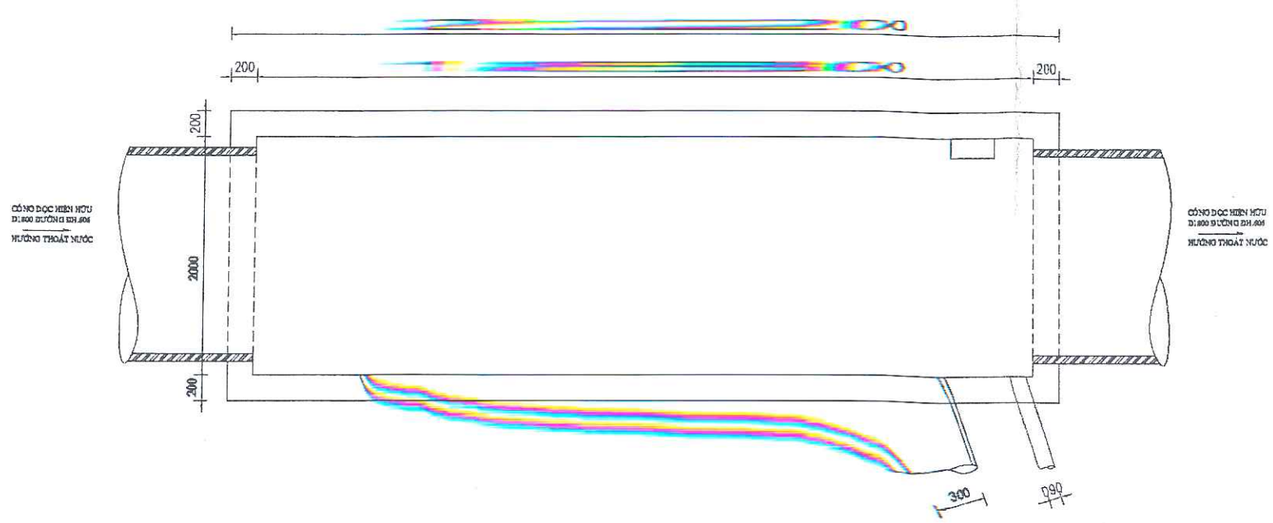

MẶT CẮT A-A

TỶ LỆ: 1/40

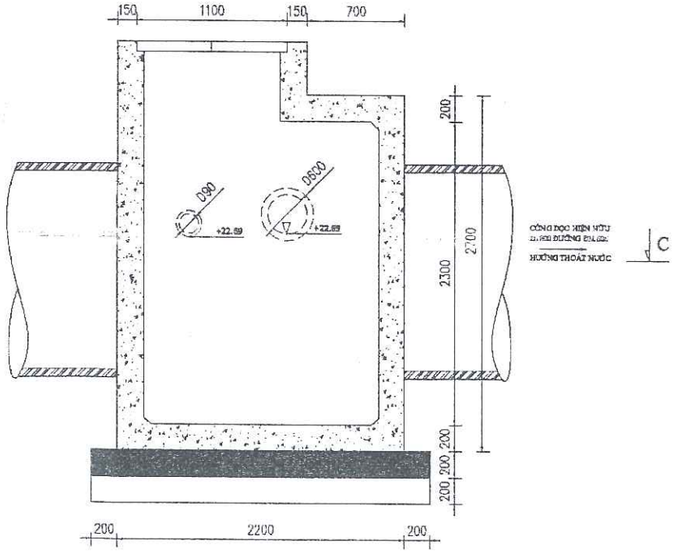

MẶT CẮT B-B

TỶ LỆ: 1/40

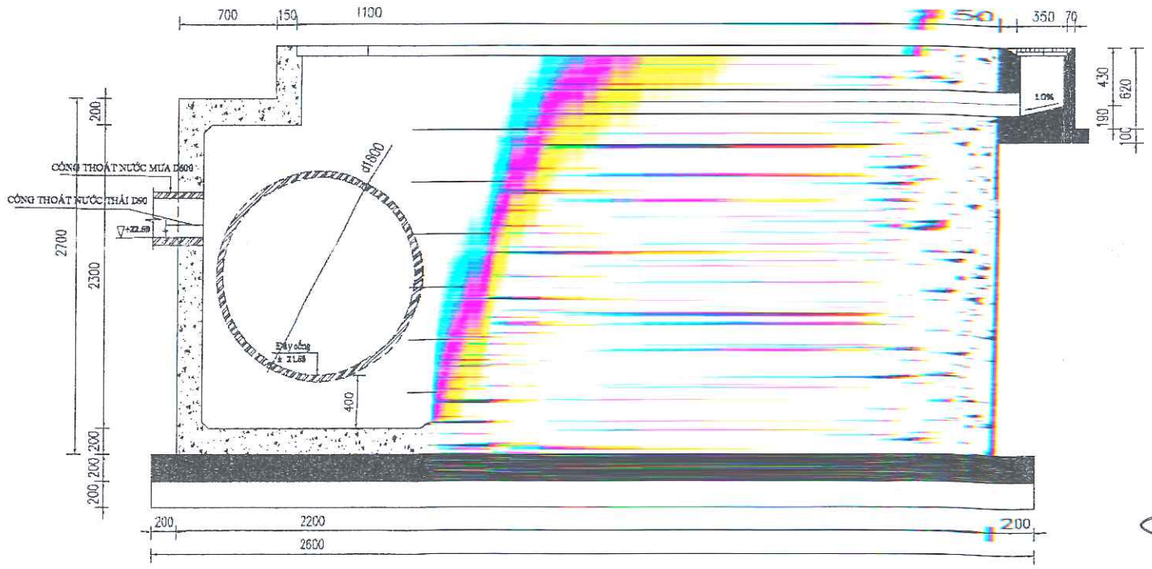

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC NALT

GIÁM ĐỐC

Phan Lê Diễm Trang

THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ TIẾN

Thạch Khải Tiến

TRA	PHÊ DUYỆT	PHU TIEN ENVIRONMENT COMPANY LIMITED CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ TIẾN Email : MTPHUTIEN@gmail.com ; Tel : 0348 495 152	Dự Án:	ĐƯỜNG ỐNG THOÁT NƯỚC MƯA	TÊN BẢN VẼ: BẢN VẼ CHI TIẾT HỐ GA ĐẤU NỐI	Bản vẽ số B-BD 07
Tiến	Khôi Tiến		Chủ Đầu Tư:	CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC NALT		
			Địa Điểm:	BẾN CÁT - BÌNH DƯƠNG	Ngày Phát Hành: 12/2023 / Tỉ Lệ:	

CHI TIẾT B

TL:1/10

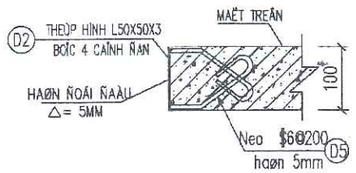

CHI TIẾT B

TL:1/10

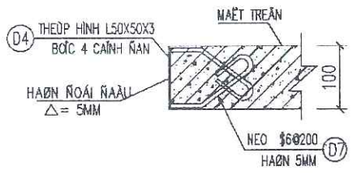

CHI TIẾT THANG THĂM

TL :1/10

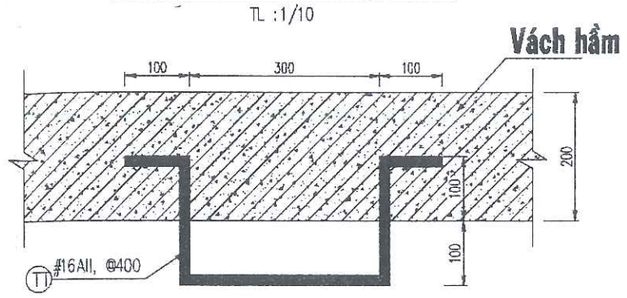

CHI TIẾT C

TL:1/10

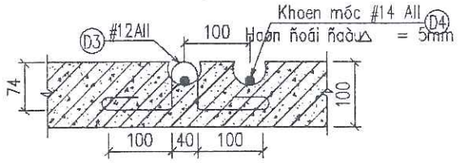

CHI TIẾT C

TL:1/10

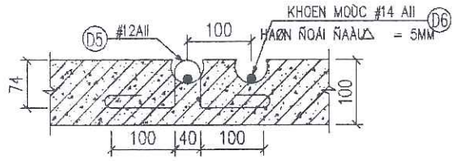

CHI TIẾT A

TL:1/10

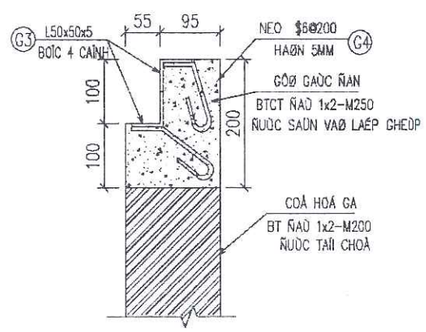

QUI CÁCH CỐT THÉP

TL:1/10

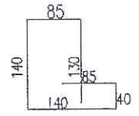

G1 20 $6AI, L=620

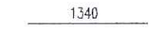

G2 20 $10AII, L=1350

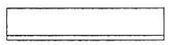

G3 8 L50x50x5, L=1110

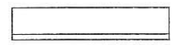

D3 4 L50x50x3, L=550

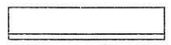

D4 4 L50x50x3, L=1100

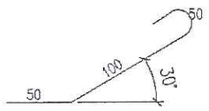

G4 24 $6AI, L=200

D1 11 #10 AII, L=490

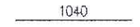

D2 6 #12 AII, L=1040

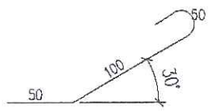

D7 28$6AI, L=200

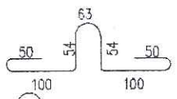

D5 2 #12AII, L=471

D6 2 #14AII, L=314

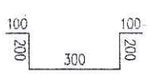

TT #16 AII, L=900

GHI CHÚ:

- BÊTÔNG ĐÁ 1x2 M250
- THÉP TRÒN AI : $<=10
- THÉP TẤM CT3 ; ĐƯỜNG HÀN DÀY 5LY; QUE HÀN C47
- THÉP LỘ THIÊN ĐƯỢC MẠ KẼM NHÚNG NÓNG
- LỚP BÊTÔNG BẢO VỆ DÙNG ÍT NHẤT 2,5CM
- KÍCH THƯỚC DÙNG TRONG BẢN VẼ LÀ MM

CHỦ ĐẦU TƯ

M.S.D.N: 3700141693-C.T.C.P * CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC NALT * TX. BẾN CÁT - T. BÌNH DƯƠNG

GIÁM ĐỐC

Phan Lê Diễm Trang

THIẾT KẾ

M.S.D.N: 3702857182-C.T.T.N.H.H * CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ TIẾN * TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thạch Khôi Tiến

NGƯỜI VẼ	THIẾT KẾ	KIỂM TRA	PHÊ DUYỆT
Duy Trường	Duy Trường	Khôi Tiến	Khôi Tiến

PHU TIEN ENVIRONMENT COMPANY LIMITED
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ TIẾN
Email : MTPHUTIEN@gmail.com ; Tel : 0348 495 152

Dự Án:	ĐƯỜNG ỐNG THOÁT NƯỚC MƯA	TÊN BẢN VẼ: BẢN VẼ CHI TIẾT KẾT CẤU	Bản vẽ số: B-BD 08
Chủ Đầu Tư:	CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC NALT		
Địa Điểm:	BẾN CÁT - BÌNH DƯƠNG	Ngày Phát Hành: 12/2023	Tỉ Lệ:

CHI TIẾT MÓNG CỐNG D600

MẶT CẮT NGANG 1 - 1

TỶ LỆ: 1/20

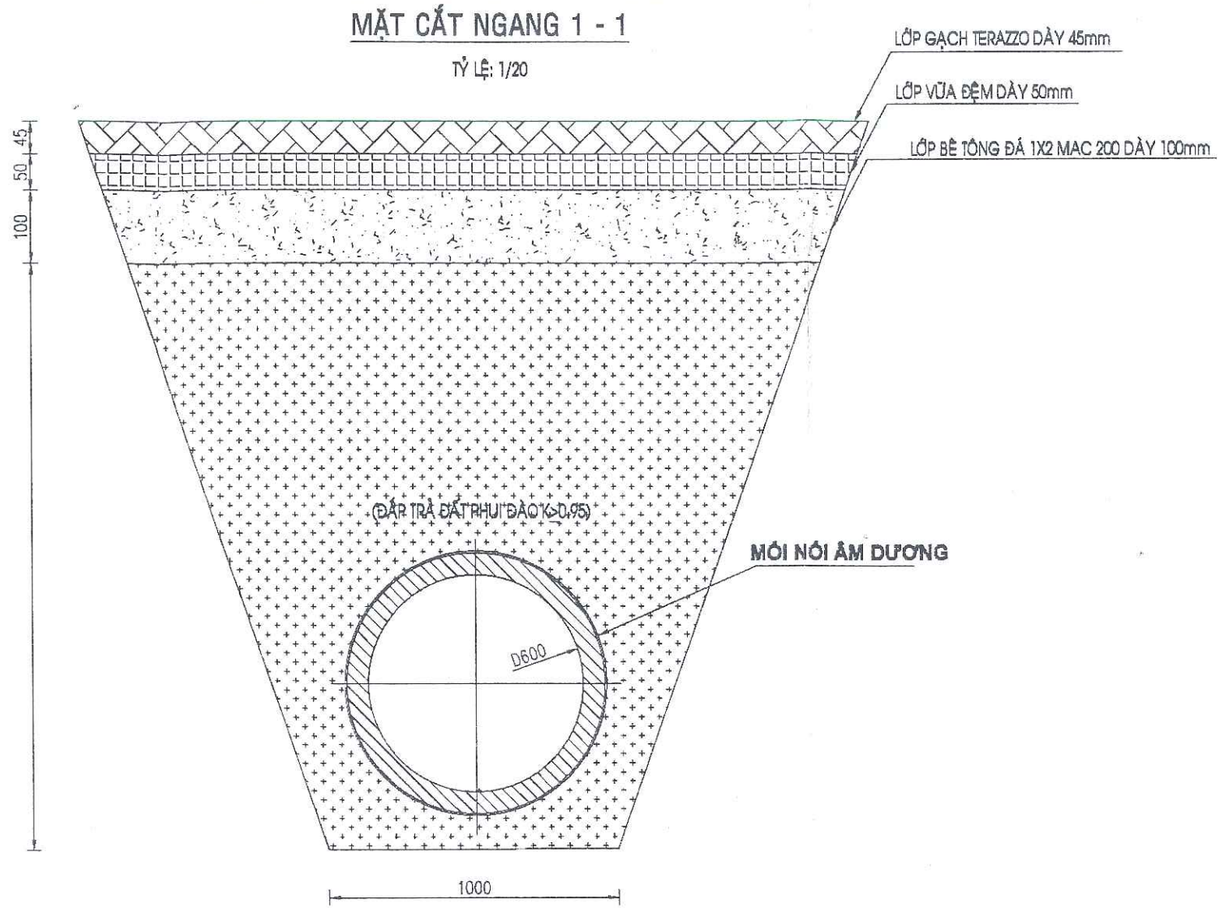

MCD.CHI TIẾT GỐI CỐNG D600

TỶ LỆ: 1/20

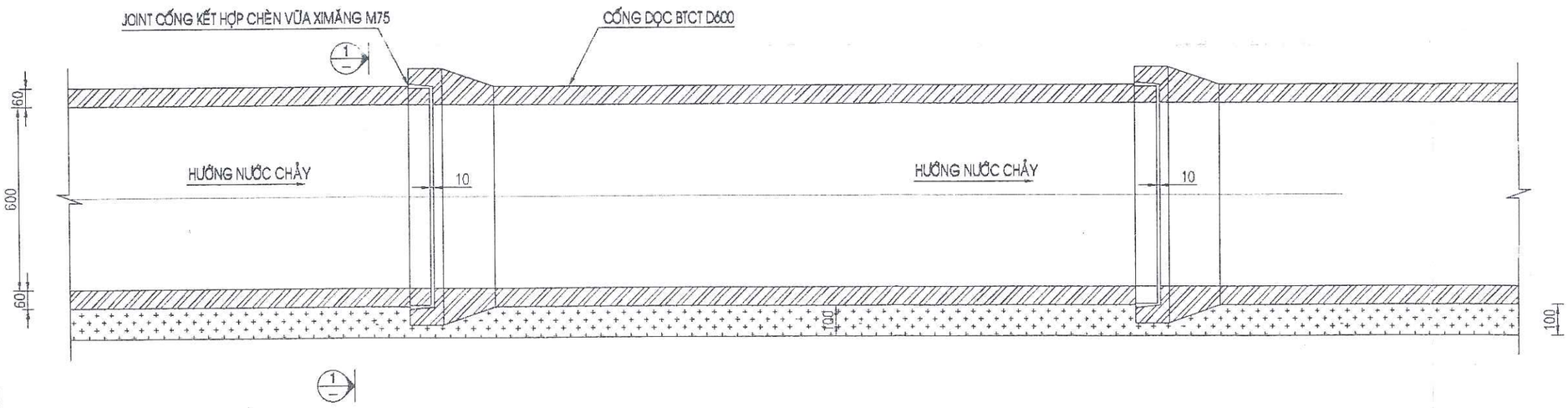

CHỦ ĐẦU TƯ: 4416693-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC NALT
TX. BẾN CÁT - T. BÌNH DƯƠNG
GIÁM ĐỐC
Phan Lê Diễm Trang

THIẾT KẾ: 3857182-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ TIẾN
TỈNH BÌNH DƯƠNG
Thạch Khôi Tiến

NGƯỜI VẼ	THIẾT KẾ	KIỂM TRA	PHÊ DUYỆT
Duy Trường	Duy Trường	Khôi Tiến	Khôi Tiến

PHU TIEN ENVIRONMENT COMPANY LIMITED
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ TIÊN
Email : MTPHUTIEN@gmail.com ; Tel : 0348 495 152

Dự Án:	ĐƯỜNG ỐNG THOÁT NƯỚC MƯA	TÊN BẢN VẼ: BẢN VẼ MÔ TẢ KẾT NỐI CỐNG	Bản vẽ số: B-BD 9
Chủ Đầu Tư:	CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC NALT		
Địa Điểm:	BẾN CÁT - BÌNH DƯƠNG	Ngày Phát Hành: 12/2023	Tỉ Lệ: